

15 THÁNG 5 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

NGUYỄN VĂN TRUNG *nghĩ về phong trào sinh viên **
TỪ TRÌ *nhìn lại cuộc đời và chủ nghĩa Lênine (nhân*
*100 năm sinh Lênine) ** CUNG GIỮ NGUYÊN *bản*
*chất của Toán học ** NGUYỄN VĂN QUAN *những tậ*
*doan thi cử ** LÊ HƯƠNG *việc bang giao giữa*
*Cao-miên và V. N. theo sử liệu Cao-miên ** VÕ
QUANG YẾN *siêu thủy hay nước bất thường ** THẾ
NHÂN *«Cúi mặt» từ truyện đến phim (dành thoại với*
*BUI-DẶNG và ĐỖ-THIỆN-ĐỨC) ** HUỖNH VĂN LANG
*cọp cái ba con ** LÊ TÂM *dưới cát ** THU TRANG
*lay nhẹ ** BUI GIÁNG *cỏ mọc ** THỊ ĐỘ OPT *nguyện*
*cầu cho thế-kỷ 20 ** Ý YÊN *tìm về địa đàng ** TỪ TRÌ
*thời sự thế giới ** TRĂNG
THIÊN *thời sự văn nghệ **
TỬ DIỆP *thời sự khoa học **

321



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H K H O A

Số 321 ngày 15 - 5 - 1970

NGUYỄN VĂN TRUNG <i>nghĩ về phong trào sinh viên (qua cuộc phong vấn của tạp chí Bách-Khoa)</i>	5
TỪ TRÌ <i>thử xét lại : cuộc đời và chủ nghĩa Lênine (nhân dịp 200 năm sinh của Lênine)</i>	8
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>bản chất của Toán số (Toán số với cần khôn)</i>	11
NGUYỄN VĂN QUAN <i>nhân dịp mùa thi sắp tới ghi lại : những tề doan thi-cử</i>	17
LÊ HƯƠNG <i>việc bang giao giữa Cao-miên và Việt-nam từ ngày tiên-khởi đến ngày Pháp đô-hộ (viết theo sử-liệu của Cao-miên)</i>	23
VÕ QUANG YẾN <i>siêu thủy-hay nước, bắt thường</i>	31
THẾ NHÂN «Cúi mặt» <i>từ truyện đến phim (qua cuộc đàm-thoại với BÙI ĐĂNG và ĐỖ TIẾN ĐỨC)</i>	35
HUỲNH VĂN LANG <i>cọp cái ba con (hồi-ký)</i>	41
LÊ TÂM <i>dưới cát (truyện)</i>	53
THU TRANG <i>lay nhẹ (thơ)</i>	60
BUI GIÁNG <i>cỏ mọc (thơ)</i>	60
THỊ ĐỘ <i>Opt nguyện cầu cho thế kỷ 20</i>	61
Y YÊN <i>tìm về địa đàng</i>	61
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	63
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	67
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	69

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon

Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

GIÁ : 40đ Công sở : 80 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Đêm lãng quên** tập truyện của Nguyên Đình Toàn do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 120 trang gồm 9 truyện đặc sắc của tác giả. Giá nhất định 40đ.

— **Thơ tình mùa hạ** tập thơ của Đào-Trương-Phúc, do Hồng Linh xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ, đầu tay của tác giả dày 96 trang gồm 35 bài thơ, bìa và phụ bản của Nghiêu Đề, Nguyên khai, Hồ Hữu Thử. Bản đặc biệt.

— **Mưa quê hương** tập thơ của Thế Viên do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Thi phẩm thứ 5 của tác giả dày 84 trang gồm 26 bài thơ, bìa và tranh minh họa của Ngọc Dũng, trình bày rất trang nhã. Bản đặc biệt. Giá thường 14đ

— **Cho con vật hai chân** tập thơ của Đoàn Huy Giao do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 52 trang, khổ 21 x 24 gồm 18 bài thơ (nhiều câu, nhiều chữ bị kèm duyệt bỏ) Phụ bản của Hồ Đắc Ngọc. Bản đặc biệt. Giá thường 100đ

— **Hiện-tượng luận về hiện sinh** lược khảo của Lê Thành Trị do Phủ Quốc-vụ-Khanh đặt trách Văn-hóa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 480 trang biên soạn công phu gồm 10 phần trình bày từ ý nghĩa tổng-quát đến tư tưởng và chủ trương của các triết-gia hiện sinh:

Kierkegaard, Nietzsche, Jaspers, Sartre và Heidegger.

— **Quốc hiệu nước ta** (từ AnNam đến Đại-Nam) của Bửu Cầm, do Phủ Quốc-vụ-Khanh đặc trách Văn-hóa xuất bản trong tủ sách Sử học và gửi tặng. Sách dày trên 140 trang gồm 5 phần, sưu khảo công phu. Giá 150đ.

— **Giọt nắng** tập san in ronéo gồm những đoạn văn và thơ do Trần Nhật Tuấn, Nguyễn Thị Xuân Đào, Lý Chiến Thắng, Nguyễn Thị Nác biên tập. Giá 25đ

— **Hong buồn** tập thơ của Hà Thi Châu và Lãng Bạc Hồ Đắc Khôi, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo, trình bày đẹp gồm 10 bài thơ của Hà Thi Châu và trên 20 bài thơ của Hồ Đắc Khôi.

— **Miền hoang đường** tập thơ của Hoàng Ngân do Thức Tỉnh xuất bản và gửi tặng. Tập thơ in đẹp gồm gần 4 chục bài thơ. Giá 80đ

— **Tư Tưởng** Tiếng nói của Viện Đại học Vạn-Hạnh, Bộ mới, năm thứ 3, số 1 với chủ đề thảo luận: Chúng ta có thể làm được gì cho quê hương: gồm những bài của: Thích minh Châu, Thích Nguyên Tánh, Thích quảng Độ, Nguyễn Đăng Thực, Kim Định, Tôn Thất Thiện, Ngô Trọng Anh, Tuệ Sỹ. Dày 122 trang. Giá 60đ

Cadao sắp phát hành
Mặt trời và dòng sông

Thơ Phạm Nhuận bìa và
phụ bản của Đình-Cường

Nghĩ về phong trào sinh viên

(Qua cuộc phỏng vấn của tạp chí Bách-Khoa)

L.T.S. Giáo-sư Nguyễn văn Trung là người đã viết rất nhiều về Đại-học và sinh viên nên người ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy lâu nay vắng hẳn các bài của ông và gần đây, trong những ngày sinh viên tranh đấu sôi sục, người ta cũng không hề thấy ông lên tiếng. Lại thăm ông tại nhà riêng, chúng tôi được biết ông bị đau đã gần nửa năm nay và phải nằm bệnh viện cũng khá lâu... Đó là một lý do khiến ông đã phải tạm ngưng viết. Nhưng tuy không viết được, ông vẫn suy nghĩ về các vấn đề thời sự và riêng về phong trào sinh viên thì những suy nghĩ của ông đã được bày tỏ trong cuộc phỏng vấn sau đây.

BÁCH KHOA : Nghe tin anh bị đau, phải vào bệnh viện, vậy anh đau thế nào ?

NGUYỄN-VĂN-TRUNG : Tôi bị sốt, từ Lễ Giáng-sinh 1969. Mới đầu tưởng là sốt thương hàn, sau lại cho là sốt rét rừng, uống các thứ thuốc sốt hàng tháng mà không dứt được cơn sốt, nên 29 Tết tôi phải vào nhà thương Grall để điều trị. Nằm ở đây gần 2 tháng trời, các bác sĩ thử mọi thứ mà không xác định được là bệnh gì cả. Sau họ xem đến mắt, thấy có những vết thương (lésions), họ đoán là « *choriorétinite* » một bệnh có thể do vi trùng *toxoplasme* lây từ súc vật sang người — do sự ăn thịt sống chẳng hạn — một bệnh mới thấy ở bên mình nhưng đã tìm ra ở Âu-châu từ mấy năm nay. Bởi vậy ở bệnh viện Grall đã phải gửi máu của tôi sang Pháp để thử và đầu tháng 5 này, kết quả gửi về cho biết là tôi có trùng *toxoplasme* thực !

— Trùng này có thể gây ra bệnh như thế nào ?

— Bệnh này mới, nên các bác sĩ cũng không rành. Trẻ sơ sinh bị do mẹ truyền thường là chết. Người lớn, ở Âu-Mỹ bị nhiều, nhưng ở Việt-nam rất hiếm ; hình thức nặng thì nguy hiểm, nhưng hiếm ; đa số bị là dưới hình thức nhẹ... Ngoài ra, những kết quả thử máu, thử nước tiểu vừa cho biết tôi còn chớm lao nữa, vì đã làm việc nhiều quá...

— Có phải vì bị bệnh nên anh đã xin từ chức Khoa-trưởng Đại-học Văn-khoa Saigon ?

— Ốm đau là một lý do thôi. Thực ra khi nhận chức vụ Khoa-trưởng, tôi không có ảo tưởng gì lắm nhưng cũng có một số đề nghị về những cải tổ tối

thiếu cho công việc nhà trường có thể chạy được. Nay tôi thấy những đề nghị trên — do toàn thể giáo-chức Đại-học Văn-khoa đã thảo luận, đúc kết — hầu như không được đề ý tới; do đó tôi không có lý do gì để ngồi lại mà chờ đợi thêm nữa. Tôi đã chờ đợi cả năm qua rồi, bỏ cả mọi việc viết lách, tinh thần căng thẳng và mệt mỏi, lại bao nhiêu ngộ nhận đáng tiếc... Tôi sẽ nói rõ những vấn đề về Đại-học, những khó khăn trở ngại tôi đã vấp phải trong một dịp khác.

— Trong thời kỳ nằm ở bệnh viện chắc anh cũng có theo dõi những diễn tiến cuộc tranh đấu của các anh em sinh viên trong những ngày vừa qua. Vậy anh nghĩ gì về cuộc tranh đấu này?

— Thấy các sinh viên Việt-Nam tranh đấu, tôi liên tưởng đến sự tranh đấu của những sinh viên Âu-Mỹ. Ở các nước này, dân họ sẵn có một truyền thống dân chủ lâu đời, nên người sinh viên tham dự các cuộc đấu tranh của giới mình cũng có một thái độ khác hẳn. Sinh viên ở đó cũng mang cả nhiệt huyết của mình vào cuộc đấu tranh, cũng cố dành cho được những thắng lợi để đạt các mục-tiêu đã ấn định nhưng họ vẫn giữ được cái sắc thái của tuổi trẻ, giữ được sự vui nhộn, hồn nhiên mà những người lớn, những chính-khách, không thể có được trong các phong-trào chính-trị của họ. Mà chính những người lớn, những người cầm quyền, họ cũng đều đã trải qua một thời kỳ là sinh viên, đã làm như vậy, nên họ dễ am hiểu tâm trạng của tuổi trẻ — tâm trạng của họ trước kia và của con cháu họ bây giờ... Cho nên con cái các ông Tổng-trưởng, các Tướng-lãnh cũng vẫn tham gia trong hàng ngũ tranh đấu của sinh viên. Cũng bởi thế dư luận dân chúng không bao giờ coi phong trào tranh đấu của sinh viên như một phong trào tranh đấu chính trị thực sự của người lớn. Cả người sinh viên cũng hiểu như vậy nên khi họ tham dự các cuộc tranh đấu họ không e sợ nguy hại đến sinh mạng hay tương lai của họ.

Trái lại người sinh viên ở các nước chậm tiến, ở những nơi thiếu vắng một truyền thống dân chủ, khi phải tranh đấu họ có thái độ nghiêm chỉnh như những người lớn và cuộc tranh đấu của sinh viên cũng có tính cách quan trọng như mọi cuộc tranh đấu chính trị của người lớn. Bởi thế mà những người lớn, những người cầm quyền, cũng coi sinh viên như đối thủ chính trị của mình.

Người sinh viên tại các nước chậm tiến-như người sinh viên Việt-Nam chẳng hạn — khi lao vào các cuộc tranh đấu chống chánh quyền, đòi hòa bình, đòi tự do dân chủ, công bằng xã-hội v.v... họ chờ đợi có thể bị bắt bớ, giam cầm, tra tấn, tù đầy, thủ tiêu như những người lớn. Thành ra đối với người sinh viên Việt-Nam, sự tranh đấu chính trị vừa nghiêm chỉnh lại vừa bi đát nữa; bi đát bởi họ vì lý tưởng mà hành động chứ không vì một quyền lợi gần gụi nào như những người lớn làm chính trị. Đó là một khác biệt về tính cách của phong trào sinh viên tranh đấu tại Việt Nam cũng như tại các nước chậm tiến khác, so với tính cách phong trào sinh viên tranh đấu tại những quốc gia tiên tiến.

Theo tôi, phản ứng nhanh chóng của sinh viên đối với việc làm của chính quyền, đưa tới sự phản kháng hay tranh đấu đó, rất ích lợi cho đất nước. Làm

sao để sự phản-ứng này trở thành một thói quen cho mọi tập-thể khác, mọi giới khác thì hay lắm. Dân chúng Việt-Nam vốn vẫn quen chịu đựng, đứng trước một sự bất công, một sự lạm dụng quyền hành nào, nạn nhân cũng nhẫn nhục cam chịu đến tột cùng rồi bỏ qua được thì bỏ qua luôn. Chính sự cam chịu và im tiếng đó đã khuyến khích cho bất công và lạm dụng mỗi ngày một tăng thêm. Ở các nước Âu-Mỹ, như một hãng máy bay chẳng hạn mà làm việc bê bối, thì khách hàng họ kiện luôn và chặn đứng ngay sự lạm dụng và bê bối đó lại. Ở bên mình thì vé bán chợ đen tùm lum cũng chẳng ai mất công tố giác bao giờ. Như sự tra-tấn ở các cơ quan an ninh chẳng hạn, từ trước tới nay vẫn có và vẫn làm hàng ngày, ai cũng biết rõ như vậy, mà những người bị tra tấn có mấy ai lên tiếng vạch trần việc làm phạm pháp và vi hiến đó bao giờ. Cho tới ngày nay các sinh viên bị tra tấn mới thẳng tay tố giác và trước sự tranh đấu quyết liệt của sinh viên, trước những bằng chứng hiển nhiên, chính quyền đành phải nhìn nhận là có tra tấn và phải chịu truy tố những kẻ tra tấn sinh viên ra tòa. Những người làm công việc tra tấn từ nay thấy rằng mình không thể nào tiếp tục làm công việc đó mà không có ngày bị vạch mặt, lên án trước công luận và trừng trị trước pháp-luật. Như vậy thì sự phản kháng của sinh viên đã có những kết quả tích cực rất tốt cho xã-hội.

Nhân nói về sự tra tấn, tôi còn nghĩ rằng, sở dĩ những cơ quan có trách nhiệm điều tra đã dùng các phương pháp này, một phần là vì thói quen làm việc bằng những phương pháp dễ dãi, một thói quen lười biếng. Thay vì phải mất công và thì giờ để điều tra, tìm những bằng chứng về tội trạng, thì người có trách nhiệm, vì thói quen tàn bạo cũng có mà vì muốn có kết quả nhanh chóng cũng có, cho rằng cứ việc lôi kẻ bị tình nghi ra mà tra tấn. Bị đánh đau, người bị thẩm vấn, sẽ phải nhận bừa mọi tội trạng. Và như thế là cuộc điều tra đã kết thúc được mau lẹ bằng sự nhận tội của kẻ bị tình nghi ! Tôi mong rằng sẽ có nhiều vụ dũng cảm lên tiếng — như các sinh viên đã làm — của các tập-thể chính trị hay quần chúng khác, để ít ra cũng chặn bớt được những sự lạm dụng quá đáng về mọi phương diện hiện nay.

— Phong trào sinh viên lắng xuống trong những năm qua nay đột nhiên bùng nổ có phải — như một giáo-sư đã nói — là trường hợp một giọt nước đã làm tràn ly nước không ?

— Phong trào sinh viên ở Việt-Nam mấy năm gần đây có vẻ rời rạc và mệt mỏi bây giờ lại bùng lên được và càng ngày càng lớn mạnh, ngoài ra làn sóng tranh đấu còn lan rộng tới cả giới học sinh, có thể hiểu được như sau :

Trước hết, tuổi trẻ bao giờ cũng khao khát một lý tưởng để hướng tới mà vì họ không tìm được hoặc chưa tìm thấy nên họ đành chấp nhận một cuộc sống an phận, sống như mọi người : nệ bằng cấp, cầu an, tránh quân dịch, trốn lính v.v... những lối thoát mà họ bị xô đẩy tới. Bề ngoài có vẻ như khiếm nhược, nhưng

(Xem tiếp trang 79)

100 NĂM SAU KHI
LÉNINE RA ĐỜI, THỬ XÉT LẠI :

Cuộc đời và chủ nghĩa Lénine

● TƯ-TRÌ



Lénine 1919

Vào đầu thế kỷ 20, đế quốc Nga-la-tư trở thành một « con bệnh của Âu-châu ». Thật vậy khi mà tại các quốc gia khác của lục-địa này đâu đâu chính thể dân chủ cũng thắng lợi hoặc dưới hình thức một chính thể Cộng-hòa đại-nghị hoặc dưới hình thức của một chính thể Quân-chủ lập-hiến thì riêng Nga-la-tư còn duy trì chế-độ dân chủ chuyên chế, dựa trên cảnh sát và nền hành-chánh thối-lạc. Nông dân chiếm tới 85% dân số. Các sử gia đã gọi Nga-la-tư hồi đó là một nông thôn vĩ đại. Thợ thuyền chỉ là những người nông dân lập nghiệp tại thành thị, chưa rời khỏi ảnh hưởng của nông thôn.

Với những cơ-cấu chính-trị, kinh-tế, xã-hội lạc hậu như vậy Nga-la-tư đã dần dần bước vào con đường suy đồi. Về phương diện quốc tế, năm 1905 Nga-la-tư đã là một đế quốc bạch chủng đầu tiên bị bại trận trước quân đội Nhật. Trong những điều kiện như vậy người ta không lấy làm lạ khi thấy các lực lượng đối lập đã bành trướng mạnh mẽ.

Phong trào đối lập được chia ra làm nhiều khuynh-hướng khác nhau. Trước hết là phong trào đối-lập cổ-diễn do những người thuộc đảng bình-dân (populistes) lãnh đạo. Nhưng phong trào bình dân đã lần lần bị phong trào đối-lập Mác-xít thay thế.

Nhưng lịch sử phong trào đối-lập Mác-xít cũng được chia làm hai giai đoạn. Giai-đoạn đầu là giai đoạn Plekhanov. Theo Plekhanov thì chủ-nghĩa xã-hội không phải là một huyền-thoại; theo đúng tư-tưởng của Marx và Engels xã-hội chủ-nghĩa là kết quả không tránh được của sự phát triển tư-bản. Nhưng phải đợi sự xuất hiện của Lénine người ta mới thấy phong trào Mác-xít bùng lên đồ lật đổ Nga-hoàng Nicolas II, lật

đồ chính thể xã-hội dân-chủ của Kérensky và thực hiện cách-mạng vô-sản tại Nga.

Sự xuất hiện của Lénine không những đánh dấu một giai đoạn mới của lịch sử Nga, mà còn đánh dấu cả lịch sử thế giới. Với Lénine tư tưởng của Marx và Engels không những được khai triển, được thích ứng mà còn được áp dụng. Như vậy Lénine không những đã cho chủ nghĩa Mác-xít có đất đứng mà còn góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển lý-thuyết Mác-xít. Với Lénine những người tự coi là mác-xít chính thống đã lập ra một môn phái riêng gọi là môn phái Mác-Lê. Nhưng sau khi Lénine từ trần thuyết của ông đã được những người Mác-Lê giải thích mỗi người một cách khác nhau, khiến cho 100 năm sau khi Lénine ra đời cuộc tranh chấp về lý thuyết Lénine đã gây cản hơn bao giờ hết.

Cuộc đời chính trị của Lénine

Vladimir Illitch Oulio tự là Lénine sinh năm 1870 thuộc một gia đình trưởng giả của xã-hội Nga. Cha của ông làm thanh tra các trường học tại vùng Simbirsk và như vậy là một công chức khá cao cấp. Sau khi học hết bậc Trung-học Lénine lên Mạc-tư-khoa họ Luật và sau đó ghi tên vào luật-sư đoàn : Nhưng Lénine không hành nghề luật sư vì ngay từ tuổi thiếu niên ông đã có ý muốn phục vụ dân chúng và trở thành một cách-mạng gia nhà nghề.

Giữa phong trào đối lập bình dân hướng về hành động không lý-thuyết và phong trào Mác-xít của Plekhanov chú trọng tới lý-thuyết không hành động, Lénine đã cố gắng xử dụng cả lý thuyết và hành động trong phong trào tranh đấu.

Hai sự-kiện đã khiến cho Lénine hành động như vậy. Anh của ông bị tố cáo là mưu sát Nga-hoàng và sau đó bị treo cổ khiến cho Lénine hiểu rằng hành động khủng bố không có ích lợi gì. Năm 1888 đọc cuốn đầu tiên của tập "Tư-bản luận" của Karl Marx, Lénine được biết là không phải những hành động đơn phương, những cử chỉ anh hùng cá

nhân có thể hướng dẫn được cuộc tranh đấu cách-mạng. Ngược lại, cuộc cách-mạng phải tuân theo những định-luật căn bản của kinh tế. Hành động chỉ hữu hiệu nếu được lý - thuyết hướng dẫn. Hành động cần lý thuyết và lý thuyết cần hành động. Lý thuyết và hành động là hai mặt của cùng một thực trạng.

Vì vậy mà trong giai đoạn đầu Lénine đã dồn mọi nghị lực để chuẩn bị lý-thuyết. Từ năm 1896 tới 1899 ông đã viết cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản tại Nga". Năm 1902 ông viết cuốn "Làm gì?". Năm 1908 cuốn "Duy-vật chủ-ngoại và kinh-nghiệm phê-bình chủ-nghĩa", và năm 1917 cuốn "Nhà nước và Cách mạng" ra đời.

Trong thời gian này ông đề mặc cho các lãnh-tụ Mác-xít khác tổ chức đình công, trực tiếp hoạt động. Còn ông, ông ngồi trong phòng đóng cửa chặt-xa cách những tiếng động hỗn loạn của các cuộc tranh đấu bên ngoài, để nghiên cứu các con số thống-kê, các tài-liệu, trong khi chờ đợi lúc phải hoạt động. Trong những căn phòng nghèo nàn tại Saint Petes-bourg, tại Luân-đôn, Ba-lê, cũng như Zurich, Lénine kiên nhẫn đợi chờ.

Nhưng cũng vì vậy mà uy tín của

Lénine trong các phong trào cách-mạng càng lên cao. Trong đảng cách-mạng luôn luôn bị chia rẽ, Lénine là tượng trưng của sự suy nghĩ và của hành động. Trotski đã nói : «Đặc điểm của Lénine là những ý tưởng táo bạo và sự thận trọng trong khi hành động ».

Năm 1893 cư ngụ tại Pétesbourg, Lénine tham gia các hoạt động của những nhóm trí thức và thợ thuyền Mác-xít. Năm 1895 ông viếng Thụy-Sĩ, Pháp, Đức. Khi trở về ông bị bắt và bị đày ra sa mạc Sibérie. Được thả năm 1900 ông ra sống ở ngoại quốc để từ đó chuẩn bị cho Cách-mạng trong nước và đặt một hệ thống liên lạc trên toàn lãnh thổ Nga.

Năm 1895 Lénine equi tụ tại Pétesbourg tất cả các nhóm thợ thuyền Mác-xít thành một «Liên-minh tranh-đấu giải-phóng thợ thuyền» để chuẩn bị cho việc thành lập đảng thợ thuyền Mác-xít cách mạng. Các liên-minh tương tự được thành lập tại nhiều tỉnh khác. Năm 1898 các liên-minh này hợp thành đảng «Thợ thuyền Dân-Chủ Xã-Hội».

Năm 1903 tại Bruxelles đảng «Thợ thuyền Dân-chủ Xã-hội » nhóm Đại-hội thứ hai. Và đảng bị rạn nứt làm hai, một phe thiểu-số (Menchéviks) theo Cơ-hội chủ-nghĩa chống đối Cách-mạng bằng bạo lực và một phe đa số (Bolchéviks) theo Lénine.

Từ đó phần lớn cuộc tranh đấu là do phe Bolchéviks của Lénine nắm phần chủ động. Bắt đầu từ năm 1905 những Xô-viết (Ủy-ban) thợ thuyền được thành lập càng ngày càng nhiều.

Nhưng cũng vào năm 1905, chính phủ của Nga-Hoàng đã phản-ứng lại mạnh mẽ và đàn áp phe Bolcheviks nên từ năm

1905 tới năm 1914 phe này bị suy yếu.

Tới năm 1914 Nga tham chiến bên cạnh Anh-Pháp chống Đức. Vì quân Nga thua trận liên tiếp nên Lénine lại được dịp hoạt động trở lại. Đâu đâu đảng Bolchéviks cũng khai thác những sự bất bình của thợ thuyền và quân đội. Tháng 2-1917 sau nhiều vụ đình công biểu tình cách mạng, Nga-Hoàng đã phải thoái vị, chính quyền được trao cho giai cấp tư sản do Kérensky lãnh đạo. Nhưng song song với chính quyền Kérensky các xô-viết thợ thuyền và quân nhân được tổ chức khắp nơi vùng dậy tranh đấu chống chiến tranh. Lénine được Đức bí mật đưa từ Thụy-sĩ về để lật đổ Kérensky hầu chấm dứt sớm chiến tranh với Nga. Ngày 24 và 25-10-1917 các lực lượng thợ thuyền, quân nhân, thủy thủ chiếm thủ-đô, cướp chính quyền. Lénine đang biết rõ chương cuối cùng của tập « Nhà nước và Cách-mạng » liền bỏ rơi cuốn sách để nắm lấy chính quyền Phe Cách-mạng hình như cướp được chính quyền quá mau lẹ vì vậy mà Lénine đã nói với Trotski rằng trước những thành công này ông «hoa cả mắt». Cướp chính quyền tức là phải đối phó với những khó khăn của chính quyền, Lénine đã cố gắng củng cố chính quyền Cộng-sản tại Nga. Từ tháng 10-1917 tới tháng 2-1918 là «giai đoạn cận chiến của vệ binh đỏ (!) cướp Thủ-đô». Trước hết phải loại trừ phe Kerensky và bộ hạ là Krasnod. Sau đó phải vượt khỏi những sự chống đối, thái độ bất hợp tác của các công chức cao cấp, các nhóm kinh-tài, các giai cấp nông dân nên một loạt sắc-lệnh được ban bố tập sản hóa các ngành sản xuất, canh nông, kỹ nghệ v.v... Về phương diện đối, ngoại Lénine phải

(Xem tiếp trang 75)

Bản chất toán học

Tất cả khoa học đều duy-nghiệm. Những hệ-thống không duy-nghiệm như toán, luận-lý... không phải khoa-học theo nghĩa trên. Toán chỉ là phương-pháp tìm kiếm toán là một ngữ, một phương-pháp biểu thị cần-thiết để đi sâu vào trừu-tượng. Điều thiết yếu là toán-gia hay người dùng toán biết con đường về, về lại mặt đất, về lại đời sống con người, về lại với mình.

Những thí-dụ nêu lên ở phần trên cho thấy toán-học được ứng-dụng trong nhiều phạm-vi. Cần phân biệt sự ứng-dụng của toán trong các môn học thực-tiến hay kỹ-thuật (như khi dùng toán vi-phân tìm ra tuổi một cổ-vật hay để vạch quỹ đạo lý-thuyết của một vệ-tinh nhân-tạo) với sự áp-dụng tinh-thần toán-học, phương pháp đo lường, diễn ra lượng số, trong hầu hết môn học hiện-thời muốn được có giá-trị về nghiêm-chỉnh, chính-xác và khách-quan, kể cả những khoa-học nhân-văn như tâm-học mà phẩm vẫn lưu lại như một cặn-bã khó chịu.

Từ 1786, Kant đã viết : Trong bất cứ thuyết về thiên-nhiên nào, chỉ có phần toán của thuyết ấy mới là khoa-học.

Hai thứ ứng-dụng trên minh-chứng công-dụng của toán và giá-trị chưa khai-diễn hết của thứ ngữ phổ-quát ấy.

Trong mọi trường-hợp và suốt lịch-sử toán-học, có thể thấy thực-tế đã đi trước lý-thuyết, rồi lý-thuyết sinh ra thực-hành. Để thỏa-mãn những nhu-yếu, người dùng những vật có chung quanh mình, sau mới suy nghĩ đến những yếu-tố đưa đến kết-quả mong muốn. Toán-học trước hết là một kỹ-thuật thuần-túy. Hình-học khởi đầu với lối đặc-diễn của dân Ai-cập trên bờ sông Nil. Số-học khởi đầu với lối đếm và tính nơi ngón tay hay với những cộng que, vỏ sò, đá sỏi. Với người Hy Lạp, toán mới trở nên trừu-tượng. Kinh-nghiệm từ nơi vật cụ-thể giúp trí óc có những khái-niệm hay ý-tưởng, nhưng kinh-nghiệm không cung cấp đối-tượng cho toán-học mà chỉ là điều-kiện cần-thiết giúp cho trí-óc quan-niệm được đối-tượng.

Toán-học là giả-thuyết diễn - dịch. Toán-gia không tìm biết thực-tại. Thứ thực-tại toán-gia nghiên-cứu là thực-tại chính mình quan-niệm, chính mình xây-dựng theo những công-lý đặt ra như giả-thuyết. Thực-tại của toán-gia không cần phải hợp với ngoại-giới. Điều cốt yếu là sự xây dựng của mình có mạch-lạc không , và sự diễn-dịch có hợp với luật luận-lý không. Khác với những khoa-học thực-nghiệm, như vật-lý-học, trong đó giả-thuyết phải được thử-thách trước khi chấp-nhận, toán-

học là môn-học duy-lý không dùng thí-nghiệm kiểm-chứng mà chỉ dựa nơi sự đúng đắn của quá-trình luận-lý. Toán-gia không lấy thước để đo lường khi đã chứng-minh định-lý của mình.

Nhưng toán-học: không thể là giả-thuyết diễn-dịch thuần-túy và vẫn giữ lại một chút ít thường-nghiệm. Khi bày ra những kỹ-thuật, phải nhờ đến kinh-nghiệm, mà toán-học tiến-bộ cũng nhờ sự phát-triển kỹ-thuật: bày con số không (*zéro*) hay biết đến những vòng ngoặc chỉ vì đã thấy sự sai lầm trong lúc thực-hành những nhận-định-toán.

Cho nên, tuy toán-học dùng diễn-dịch, không phải chỉ nhờ diễn-dịch mà có toán. Toán còn nhờ những phương-tiện tương-tự như trong khoa-học thực-nghiệm.

Câu đùa của Bertrand Russell, thường được nhắc đến, có thể gây nên sự giải-thích sai: Toán học có thể định-nghĩa như là một khoa-học: trong đó chúng ta không biết chúng ta nói về gì và điều mình nói có đúng hay không. Russell đã viết câu ấy trong một bài báo (*Recent work on the principles of mathematics, The International Monthly, July 1901*) như một cuốn sách toán-gia Ý Peano vừa xuất bản. Nếu đọc kỹ cả bản văn sẽ thấy Russell không nói đến những toán thực-dụng như hình-học, số học, hay cơ-học mà bàn đến toán-học thuần-túy là một với tân-luận-lý. Toán-học thuần-túy dựng những kỹ-thuật về quá-trình giả-thuyết. Đây không có vấn đề thực-tế, đây chỉ là vấn đề liên-quan chặt chẽ giữa các đề, nếu một đề là đúng về một sự việc x nào, thì đề khác sẽ đúng về sự việc trong điều-kiện nào đó. Trong toán-học thuần-túy không cần bàn cãi đề thứ nhất có đúng hay

không và cũng chẳng cần biết x là cái gì. Không được thay x bằng một danh-từ, một số, một ảnh hay một lực. Đó là điều thuộc toán-học thực-dụng. Một diễn-dịch thuộc toán-học thuần-túy là khi giả thuyết nói về một sự vô-định, chứ không phải nói về một hay nhiều sự vật cặ-biệt.

Đối với Aristotle, trong một khoa-học chứng minh, những tiên-đề phải thật, phải cần-thiết nữa. Chứng minh là một tam-đoạn-luận dựng từ tiên-đề cần thiết, tiên-đề này biết được nhờ trực giác. Ý của Russell không hợp với thứ khoa-học ấy, và còn sai trong trường hợp những bài tính mà một học sinh hay một toán-gia làm, vì toán-gia hay học-sinh biết mình đang tính về gì, dù có đó là giá hàng hóa là điều dễ hiểu, hay một hình vẽ. Như Russell chỉ nghĩ đến toán được quan-niệm như một toàn-bộ ký-hiệu vô nghi ngại hệ-thống, những dấu hiệu nào đó sẽ là số hằng, biến-số, hàm-số... Một mô dấu hiệu sẽ là công-lý trước tiên, một số luật cho phép xử dụng, điều động đổi chác. Như vậy, khi toán chỉ là một hệ-thống giả thuyết diễn-dịch chặt chẽ, toán-gia như một luận-lý gia không cần biết mình nói về gì, vì không có tên sự vật nào sau ký-hiệu hay biểu-tượng mình dùng và cũng không biết điều mình nói có đúng hay không vì có thể một số ký-hiệu hợp với thực-tế bên ngoài, với hiện-tượng vật-lý, nhưng các thành-phần của hệ-thống mình đặt ra chỉ là độc-đoán và toán-gia không thể biết nó có áp dụng trong thực-tế không.

Nói thế, có lẽ dẫn đến kết-luận vội vã rằng không có sự thật tuyệt-đối mà chỉ có ý-kiến hay dư-luận. Russell dùng toán để đáp lại với thứ hoài-nghi ấy, toán gồm những sự thật hằng đúng và duy-

trì vững chắc trước luận-điều của hoài nghi. Gaston Bachelard (*Le nouvel esprit scientifique*. Paris 1934) nói rằng không phải toán-gia không biết mình nói về gì. Sự thật, toán-gia giả-bộ không biết, toán-gia phải nói như thể không biết, toán-gia dồn ép sự phát-kiến và thăng-hóa kinh-nghệ. Mặc dù lời nói đùa của Russell, toán-học, trong phạm vi của mình đặt ra những điều chính xác, và trái lại vật-lý-học, khoa học thực-nghiệm chỉ dựa, tới lúc nào đó, một ý-kiến khả-di đúng mà thôi. Những nhà vật-lý-học thành thật cũng công nhận điều đó. Phần khả-di đúng có thể rất cao nhưng vẫn còn lại một phần phi-phỏng dù rất tế-nhị. Những phát-mình liên tiếp về một vấn-đề như bản-chất của ánh-sáng trong vật-lý chẳng hạn, đã chứng-minh giá-trị tương - đối, chính-xác nhưng tương-đối hay giới hạn. của những kết-luận khoa-học. Ở thế-kỷ 19, khi người ta đang còn say sưa về những kết-quả dễ trông thấy của khoa-học, người ta có thể «thề bán mạng» với sự phát-mình vật-lý. Bây giờ những nhà khoa học, vì biết thêm nhiều, trở nên khiêm-tốn và dè dặt hơn. Không phải vì một sự-kiện đã xảy ra một triệu lần rồi, ta có bằng chứng, lần sau triệu lần ấy sự-kiện cũng sẽ xảy ra như vậy. Người lạc-quan cho rằng khoa-học dựa trên một lối xử-thế trung-hậu của thiên-nhiên hay theo những luật vĩnh-viễn tất-định. Đó chỉ là một tiền-quy-đề, không có chứng cứ nào cho sự thật ấy. Mặt trời ngày mai sẽ mọc, là điều hầu như chắc chắn. Nhưng nói số 7 không có thừa-số ngoại trừ nó và số 1, và ta có thể thử với các số nhỏ hơn 7, không có số nào có thể dùng để chia 7 mà không có số lẻ. Như thế chính ở toán-học, mới có thể biết sự-vật một cách đúng đắn. Trong thực-tế sự đúng chính-xác với hầu như chắc chắn không quan-trọng gì lắm, nhưng vấn-đề trong đời sống không chỉ là

những dự-định thực-tế, và sự đòi hỏi của lý-trí không cho phép làm lần đi đôi điều để đi đến một thứ kết-luận.

Tuy vậy, vẫn có nhà nghiên-cứu tiếp-tục hoạt-động như thể khoa-học là chân lý, và chỉ có khoa-học mới đưa đến chân-lý ấy, hay ngược lại điều gì nhờ phương-pháp khác mà biết được là phản khoa-học, trong nghĩa không đáng tin cậy, không có giá trị. Quan-điểm ấy không phải dứt khoát. Trực-giác là một phương-pháp nhận-thức «phản-khoa-học». Người trực-giác không giải thích, không chứng-minh đầy đủ được. Hitler dùng nhiều trực-giác, và ác tướng lãnh của Hitler bực bộ vì lối nhận-thức ấy. Hitler trực-giác rằng Pháp sẽ không tham chiến ở vùng sông Rhin, Anh-quốc sẽ không đánh cho Tệp-khắc, Anh và Pháp sẽ không đánh vì Ba-lan, và nếu Hitler tấn công Nga, thì Anh và Pháp sẽ bỏ cuộc. Lịch-sử đã cho thấy Hitler đã đoán đúng về hai điểm trên và sai hai điểm sau. Trực-giác có giá-trị nơi việc đặt ra giả-thuyết nhưng không có giá trị nhiều về kết-luận. Nhưng có khi sau một số kinh-nghiệm, trực-giác cũng đưa ra kết-luận khá vững. Ví dụ Anaximandre đưa ra một thuyết tiến-hóa ở thế-kỷ thứ sáu trước Tây-lịch và đến thế-kỷ 19 sau Tây-lịch, những sự-kiện đã chứng-minh là đúng đắn.

Lại có người nghĩ «cao» hơn nữa, cho toán-học cũng không đúng vì những ý-niệm về số, và không-gian, không phải như Kant đã nói, dính liền với cơ-cấu của tinh-thần ta, mà đã do những giác-quan. Nếu không có kinh-nghiệm thực-tiễn sẽ không có toán, và toán dựa trên vật-lý, v.v. Chúng ta đã trở vào vòng quẩn.

Sự phân-chia chủ-thể và khách-thể đưa đến nhiều kết-luận vợi-vãi. Khách-thể gồm ngoại-giới, điều ta có thể thấy,

nghe, nếm, ngửi... và chủ-thể là tư-tưởng và cảm-xúc của mình. Dĩ nhiên ta có thể đồng ý một cách dễ dàng về điều thuộc ngoại-giới. Nhưng cái chủ-quan không đơn-giản như lối phân-chia và suy-đoán máy móc. Một phần của chủ-quan là thị-hiểu, là tình-cảm, là ưa hay ghét. Nhưng ý-niệm về số cũng ở trong trí ta. Chẳng ai nói: *Theo tôi*, 4 lần 2 là 9, nhưng đối với ông 4 lần 2 là 10 cũng được. Không có sự bất-hòa về số, hay ít bất-hòa hơn về những điều nghe thấy trong thế-giới khách-quan. Những nhà khoa-học thích và cần định-nghĩa những danh-từ mình dùng. Những toán-gia cho rằng những khái-niệm rất đơn-giản của họ thật khó định-nghĩa. Điểm là gì? đường là gì? số là gì? Chỉ có định-nghĩa về số mà đã tốn rất nhiều công-trình của toán-gia, từ Frege, đến Peano, Russell, với một khoảng thời-gian trên nửa thế-kỷ. Tuy vậy, một người kém về toán, theo một cách một nhọc hay chẳng hiểu gì về những biện-minh, minh-chứng, tính toán, không phải là vì không định-nghĩa hay quan-niệm được một số, một điểm hay một đường thẳng.

Bốn trăm đề của Euclide viết ra cách đây hai ngàn năm, đều đúng. Những toán-gia có thể không đồng ý về lối chứng-minh nhưng chẳng ai nghi ngờ về kết-luận. Những đề của hình-học phi-Euclide cũng đúng. Nó khác với đề Euclide nhưng không đối nghịch vì thuộc về những thế-giới khác nhau. Vũ-trụ ta sống đây có theo Euclide hay không, đó là vấn-đề vật-lý, không phải vấn-đề toán. Có tìm ra điều gì lạ về đề-mề ấy cũng chẳng quan-hệ đến chân-lý của tất cả toán-học.

Toán có giá-trị, và đáng học, vì nó

thực. Lý lẽ ấy tương-tự như hay hơn, lý lẽ người uống rượu « vì có rượu nên phải uống ». Đó là một luận-điều thường dùng để cổ võ cho việc học toán. Người ta học toán vì xưa nay người ta học toán.

Một lý khác là vì môn-học giúp cho trí-tuệ. Ông Hàn Pháp Jean Guilton (*Le travail intellectuel*, Paris, 1951) nhắc lại lời khuyên của Simone Weil (không cho xuất xứ): Nếu ta chú ý thật-sự nơi giải-đáp một bài toán hình-học và nếu sau một giờ, ta cũng không tìm ra được gì hơn trước, ta cũng đã tiến trong mỗi phút theo một chiều hướng khác huyền bí hơn. Ta không cảm thấy, ta không biết đến, nhưng sự cố gắng bề ngoài khô khan vô hiệu ấy đã đặt thêm ánh sáng trong tâm hồn. Kết quả sẽ là một ngày nào mai sau, trong lời cầu nguyện. Nó có tìm thấy thêm nữa nơi một địa hạt nào đó của trí-tuệ, một địa-hạt hoàn toàn xa lạ đối với toán-số.

Chẳng có gì chứng-minh cho lý lẽ ấy, có vẻ yếu hơn lý-do truyền-thống. Xưa nay đã có như vậy. Họ: chữ Hán, học tiếng La-tinh cũng là một lối luyện trí. Không có một sự-kiện cụ-thể hay khoa-học nào để quả quyết rằng trong giáo-dục cũng có sự di-chuyển hay bù-đắp như trong phân-tâm. Nếu quả thật có, thì đánh xì-phé hay cờ tướng cũng là lối huấn-luyện hữu-ích có kém gì học cờ-ngữ hay toán-số? Tiếc rằng người đánh cờ tướng lâu năm có trau dồi được khả-năng quyết-định nhanh chóng, cũng chỉ quyết-định nhanh chóng hơn nơi bàn cờ mà thôi. Chẳng có gì tiên-đoán người ấy sẽ quyết-định nhanh chóng khi chọn một màu áo, hay khi cần tìm một chiến-thuật để đánh lại quân địch thật sự.

Nếu không có di-chuyển trong việc

học, phải tìm một lẽ khác. Ta phải xuống lẽ rất thịnh-hành. Toán học, môn học để vương trở thành môn học tôi đòi. Những danh từ nơi đây có thể bị ngộ nhận. Toán-học không phải môn học dành riêng cho vua chúa, và là môn học có tánh cách cao sang vì vượt khỏi thực tiễn tầm thường để đến trừu-tượng không phải vừa tầm của tất cả mọi người. Toán học không phải trở nên của tôi đòi — điều này có thể xảy ra ở những nước kém mở mang, mà người ta truyền bá gấp gáp thứ toán học phổ thông, có thể là toán mới, không cốt nâng cao trình-độ văn-hóa của những dân-tộc các nước ấy, không cốt đào tạo những bộ óc tinh-vi có khả năng sáng tạo và sản xuất, làm ra những máy móc hay tìm ra kỹ-thuật tinh vi, mà chỉ cần huấn-luyện một hạng thừa-hành, xử dụng, điều khiển hay tiêu thụ những máy móc, những sản phẩm kỹ thuật của các toán gia hay khoa-học-gia của nơi khác. Tội nghiệp cho những nước kém mở mang, không nảy vọt được, và phải đón nhận — tuy không hẳn vô ích — cấp bậc toán-học như vậy. Nhưng điều muốn nói nơi đây, là toán là môn học tôi đòi, khi toán phụng-sự những môn học khác.

Triết-thuyết thực-dụng có sức hấp dẫn những nhu-cầu vật-chất thường cấp bách khiến cho lý lẽ hữu ích, hữu dụng trở thành tiêu-chuẩn phê phán có giá-trị quyết-định. Nhưng điều quan-trọng là hữu-ích cho ai? Không

thể trả lời một cách khoa-học được, mà câu trả lời còn quan-trọng hơn bất cứ sở-biết của môn học nào cho. Muốn tìm cách trả lời, có lẽ cần học một ít toán vì toán. Không phải chỉ có một mình ta làm thế.

Việc học thường được xét đến theo mục-phiêu quá thển-cận, như thi-cử, quên rằng thi-cử chỉ là phương-tiện — chum củ cải của con lừa trong Machuel — để khuyến khích, thúc-dục sự hiểu-biết. Nghề nghiệp, công việc làm ăn đúng ra cũng không phải mục-phiêu tối-hậu. Vì đời người dựa nơi nghề nghiệp vượt quá khỏi nghề-nghiệp. Thành-quả của học văn và giáo-dục bao trùm cả đời người, vượt lên trên bốn phận công-dân, thành-phần xã-hội, để xây-dựng con người đầy đủ, con người sung sướng. Đến đây, vẫn còn vấn-đề. Vì người đầy đủ sẽ là thế nào? Có nên đáp là người tìm được *chân-mỹ-thiện* không? vì đó là điều quá hiển-nhiên. Giáo-dục trong học-đường, ngoài học-đường, với nhiều lối khác nhau, một cách có hiệu-năng hay một cách vụng-về thiếu-sót cũng nói lên điều đó.

Không dùng toán-học là mất phần hay của tinh-thần khoa-học, mất một cơ-hội thí-nghiệm chân-lý, mất việc thí-nghiệm *hiểu biết* đúng đắn một đôi điều gì và lý lẽ của những điều ấy. Không dùng toán, không chấp-nhận khoa-học, không đặt tư-duy nơi đường hướng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

mới của tinh-thần, là mất cơ-hội để gác bỏ những ý-kến, những dư-luận, để đề phòng những lối tin-tưởng vì điều-kiện phản-xạ, vì áp-lực của đa-số, vì nguyên-tắc uy-quyền — của biết bao uy quyền, của bạo-lực, của di-vãng, của lịch-sử, của thể-hệ mai sau, của những anh-hùng liệt-nữ, của những người nuôi ăn mặc, v.v. bao nhiêu điều được che đậy một cách mỹ-miêu với mớ danh-từ rất kêu với một hào-dáng cũng khoa-học, với một vẻ cũng khách-quan.

Khoa-học, từ khoa-học thực-nghiệm đến khoa-học nhân-văn, góp vào việc xây dựng trí óc con người, hiển cho người ít nhiều chân lý mà người từ ngàn xưa vẫn thêm muốn. (Người không chỉ sống nhờ cơm, mà còn sống nhờ sự thật). Vật-lý-học luôn dạy đúng, tập luyện cách suy-nghĩ hợp lý hay ít ra cũng gieo thứ nghi ngờ sáng-tạo, miễn là thái-độ dè-dặt, hoài-nghi khởi đầu áp-dụng ngay trong vật-lý-học. Thái-độ tinh-thần, tập-quán trí-óc, là điều các môn-học có thể xây dựng gồm một khung cảnh hay một

cơ-cấu và một tình-trạng cõi mở phê phán. Còn gì khôi-hài cho bằng người học môn-học khách-quan, áp-dụng tinh-thần khách-quan trong việc nghiên cứu, chỉ giới hạn thái-độ ấy trong một phạm-vi nhỏ hẹp và thẩn-cận. Sao không khách-quan trước những vấn-đề khác, khi nhà xã-hội-học không còn khách-quan lúc quyền-lợi của mình, của nước mình xung đột với quyền lợi của kẻ khác, nước khác. Họ có thể trả lời, nhà khoa học, nhà xã-hội-học, nhà toán-học cũng vẫn là người, người của... của... Nếu thế, người đã thú-nhận trình-độ đang còn thấp kém, bởi vì con người chỉ là một, chân lý chỉ có thể là một, cái-khôn là chung cho tất cả, và vì vậy khoa-học, sự tìm kiếm hiểu biết, phải còn tiếp tục.

Trong học-giới hiện-thời, khó tìm ra vai tuồng thật-sự của toán-học cũng như khoa học. Trong khi chờ đợi, có lẽ nên trở lại vài ngàn năm về trước để hỏi Platon.

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

Kỳ tới : **Con đường đứt đoạn**

THUỐC BÒ

ACTIVIT

**TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI
BỒ BỔ CƠ THỂ**

CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Những tệ-đoan thi-cử

NGUYỄN-VĂN-QUAN

Đối với nhà giáo, những công-tác thi-cử ngày nay chẳng... thú-vị chút nào! Xưa kia, nghỉ hè như một phần thưởng cho nhà giáo để xả hơi sau mấy tháng trường bán «háo phồi», như một cơ hội, để nhà giáo có thời giờ nghiên cứu học hỏi thêm về nghề nghiệp của mình. Nay thì nghỉ như một tai họa cho nhà giáo : gọi là nghỉ nhưng không nghỉ gì cả, vì suốt cả hai tháng hè thì là thi ! Nhà giáo không được nghỉ ngơi, mà phải... nghỉ ngơi lo lắng rất nhiều : lo nghĩ đến nơi ăn chốn ở khi gác thi, chấm thi, lo nghĩ đến tiền bạc dành dụm cả năm, có đủ để chi tiêu trong công tác thi-cử không?, lo nghĩ đến vay mượn ai đây cho mình có tiền tiêu xài, cho vợ con sống qua bữa, lo nghĩ phải chấm cách nào cho mau phải làm thế nào cho số thu hơn chi, cho công-tác sớm kết-thúc...

Năm vừa qua, một giáo-sư trên đường về Saigon để chấm thi, chẳng may gặp một tai nạn, phải mệnh vong. Khi tìm hiểu lý-lịch của ông, nhà chức trách chỉ tìm gặp một trăm đồng bạc bên cạnh giấy-tờ của đương sự. Một trăm đồng bạc : tất-cả gia-tài hiện-có của ông. Một trăm đồng bạc, trong thời buổi vật giá leo thang, trong cái xã-hội đầy đầy những nhà tỷ-ph, đã rơi lên tất cả cái thể thảm của thân-phận nhà

giáo, đang bị lãng-quên trong đất nước chiến tranh này.

Từ lúc cầm «tờ-giấy-đỏ», đến lúc đã cầm tờ lộ-trình-thư đã kiểm nhận trên tay, nhà giáo phải chịu trăm-cay-nghìn-đắng với thí-sinh, với chánh chủ khảo, với phụ huynh, với dư-luận soi mói : trách nhiệm, bõn-phận thì nhiều mà quyền-lợi, khen-thưởng thì cơ hồ như không có.

Gác thi

Không kể đến những khốn-khò về nơi ăn chốn ở, về sự di-chuyển hiểm-nguy, qua các vùng kém an-ninh, chúng ta hãy nói đến thái-độ đón-tiếp của quần chúng đối với giám-thị : Đó là thái-độ nghi-ky, thù nghịch như thể giám-thị là nguyên do thi rớt của thí sinh.

— Thi rớt thì tại em cũng đi lính thầy ơi ! Thầy chịu-chơi một chút đi thầy !

Đó là câu nói mở đầu «dẫn-mặt» giám thị khi mới bước vào lớp.

Chịu-chơi là cho thí sinh tự do lật sách chép. Nếu giám thị áp dụng đúng luật trường thì không chịu chơi, thì bị lên án là «giáo sư lỗi» bèn xin tị-huyết... khi tái-ngộ.

Đến lúc phát giấy thi, giám thị xin thu tị liệu, chúng không chịu nộp, vì

viện lý do "chưa tới giờ thi". Vài giám-thị cần-thận chưa chịu phát giấy chúng phản đối ầm-ĩ, lấy luật đa-số để làm áp-lực.

— Thầy phá đi, chỉ có một vài người không chịu nộp, không lẽ thầy bắt cả lớp phải chịu, thầy bất công...

Nếu giám-thị "yếu-bóng-vía" chắc phải làm theo ý chúng rồi vậy.

Nếu giám-thị cứng rắn đôi chút thì chúng cũng có những trò khác dở ra : hoặc nói với nhau những câu thô-tục vô-lẽ, hoặc hỏi những câu vớ-vẩn.

— Thưa thầy vẽ toán gạch bằng thước có cấm không ?

— Thưa thầy viết như vậy có sao không ?

Nhất là xin giấy khác. Lợi dụng luật thi cấm thí sinh đi lại trong phòng chúng mặc tình sai khiến giám-thị, một cách gián-tiếp :

— Cho xin tờ giấy trắng (hoặc giấy nháp).

Lời xin cộc-lộc, vô-lẽ. Đôi khi chúng không thêm nói : Chỉ cần tờ giấy phát-phất cho giám-thị đem tới. Mà phải chỉ chúng viết hết giấy cho cam. Đẳng này chúng viết vài ba chữ xóa dơ rồi xin giấy khác, thậm chí chúng viết sai một chi tiết ở phần phách (phần cắt đi có sửa cũng vô hại) chúng cũng đòi cho được một tờ giấy, viện cớ : sợ giám-khảo nghi làm dấu. Đôi khi giám-thị phản-nản, chúng đáp ngay :

— Ồi ! Một năm thi có một lần, giấy của nhà nước, thầy hà-tiện với tụi em làm gì !

Mục-đích của chúng là làm cho giám-thị phải mệt-như cho bõ ghét vì cái tội "không-chịu-chơi" với chúng.

Thí sinh quân-nhân thì khỏi nói : Ai được cử gác phòng họ, đều thấy ớn-ớn làm sao ấy. Mấy năm trước thì súng lục, lựu đạn được triển lãm ngay chỗ ngồi của họ đều-đều : Giám thị "sức-mấy" mà dám hò-hé.

Những năm gần đây, tệ đoan này cũng đỡ bớt., nhưng xin "thông-cảm" để lật sách cũng xảy ra...

— Thầy thông-cảm ! em đi lính không có thì giờ học bài !

Có những thí sinh quân-nhân lấy việc đi thi cốt để có dịp xin nghỉ vài ngày phép. Nhiều ông chưa tới giờ thi đã xin đóng dấu "có thi" đề ra về ngay (có lẽ đã hẹn với.. đào chăng ?) Có người lại xin ông Chủ-tịch đóng dấu có mặt tất cả các buổi thi luôn một lần, đề khỏi phải tới trường thi nữa (mất thì giờ nghỉ phép).

Sự kiện này, cùng với sự cho phép một số thí sinh "thất-học" (học nhảy-dù, chứng-chỉ giả) được dự-thi dễ-dàng, cắt nghĩa sự gia-tăng thí-sinh mỗi năm, cũng như sự giảm-sút tỷ-số thí sinh thi đậu càng ngày càng xuống thấp. Vì số thí-sinh thi rớt mỗi năm vẫn ghi tên vào năm sau, nên số thí sinh càng ngày càng gia tăng. Sự gia tăng này làm hao tổn ngân-sách của chính phủ : tiền trợ-cấp cho giám-thị, tiền chuyên-chở, tiền giấy thi...

Vì thí sinh thực-sự-chuyên-cần-học-hành thì ít, mà số không chịu học thì nhiều : thi đề thử thời-vận, đề nghỉ-phép, càng ngày càng nhiều, nên tỷ số đậu so với số ghi danh càng ngày càng ít. Rốt cuộc dư luận cứ đổ lỗi cho giáo-sư chểnh mảng, là theo Bộ chỉ-thị. .

Tệ-đoan này có thể chấm dứt, nếu Bộ áp-dụng chính-sách thu-lệ-phí thi-

cử. Thu lệ-phí-thi-cử có nhiều điều lợi :

Về mặt tiêu cực : Sẽ bớt được một số thí sinh không học, nhưng muốn thi để thử thời-vận (không học bài, biết khó đậu, ắt tiếc tiền không thi) chánh-phủ sẽ bớt hao tổn về giấy thi, thù lao giám thị (thi ít người thì cử ít giám thị)

Về mặt tích cực :

— Thí sinh sẽ ít hơn, chấm thi sẽ cần-thận hơn, và mau chóng hơn.

— Lệ-phí giúp trang trải giấy-tờ về thi-vụ.

— Thù-lao cho giám khảo khá hơn.

(Riêng về học sinh nghèo Bộ có thể miễn nộp lệ-phí để nâng đỡ).

Nếu biện pháp áp dụng, chúng ta sẽ chắc chắn tỷ số đậu sẽ lên cao hơn năm vừa qua, mà Bộ cũng đỡ vất-vả. Nhưng thế nào rồi đây, cũng có hàng loạt kiến-ngộ dâng lên, tố-cáo là chính-sách thi-cử là của nhà giàu, là giới hạn, là không khai-phóng như bộ đã đề ra...

Ôi ! nền giáo-dục nhân-bản, dân-tộc, khai-phóng... Không khéo trở thành phóng-túng, mị-dân mất !

Chấm-thi

Nếu lúc gáo thi, nhà giáo bị «băm giập» với thí-sinh, thì khi chấm thi nhà giáo khờ-tâm với đồng-nghiep vô-cùng. Từ việc làm thang-điểm, chấm thi, coi điểm... chưa bao giờ lương-tâm nhà giáo, được đặt ra bằng lúc này.

Đành rằng mỗi người một ý, nên việc lập thang điểm có những bất đồng khó khăn. Nhưng đại cương ta thấy ở những khuynh hướng khó dung hòa được. Một khuynh hướng ôn hòa muốn nâng đỡ thí sinh, viện lý do «thông cảm» với tình-trạng chung của học-sinh.

Một khuynh-hướng khắt-khe hơn, viện lý-do giá trị của văn bằng, đòi hỏi thí sinh phải đến một trậ-h-độ tối-thiểu nào đó (! ?)

Ta hãy lấy việc lập thang điểm của ban quốc văn năm vừa qua làm thí-dụ điển-hình (ban quốc văn xưa nay vốn kỷ lục về... cãi, trong khi lập thang điểm)

Ngoài những việc cãi cộ nhau một vài danh-từ trong đầu-đề, người nào cũng muốn nói, muốn đưa ý-kiến, muốn chẻ sợi tóc ra làm tư... không ngoài mục-dịch trở tài hoạt-bát (vì dạy... quốc-văn chớ bộ !)

Xin đơn cử thái độ khác nhau của hai nhóm đối với câu 2 của đề thi Tú tài I năm ngoái, (Câu 2 : Khuynh-hướng đạo-lý là gì ? Cho vài câu thơ tiêu biểu.) tại hội-đồng các ban A Saigon.

Nhóm thứ nhất chủ trương : Vì trong đề nói khuynh-hướng đạo-lý tổng-quát của văn-học, không giới hạn bởi một thể kỷ nào, cho nên nếu thí sinh dẫn-chứng thi-văn có khuynh-hướng đạo-lý, dù ở thể-kỷ nào cũng vẫn là đúng (kể cả ca-dao.)

Nhóm thứ hai (trong đó có cả ông trưởng ban) cho rằng : dù đề nói khuynh-hướng đạo-lý tổng-quát, nhưng học-sinh học lớp đệ-nhị, học văn-học-sử thể-lý thứ 19-20, phải dẫn-chứng thi-văn trong hai thể-kỷ đó nếu dẫn-chứng ở thể-kỷ khác là sai, là lạc-đề...!

Bình-tâm mà công-nhận : nhóm thứ nhất có lý hơn vì đã theo đúng tinh-thần của đầu-đề (không giới-hạn ở thể-kỷ nào) và có phần nào khoan-dung rộng-rãi đối với thí-sinh (thí-sinh là học-trò các ông chớ ai x

lạ) Còn nhóm thứ hai thì có vẻ khắt khe cốt để tuyển-lựa những nhân-tài đích-thực của đất-nước. Tuy nhiên, nếu chấp nhận lý-luận của nhóm này, vô-tình nhà giáo có vẻ lường-gạt thí-sinh : Thật vậy, đề thi không có một chi-tiết nào nói đến sự giới-hạn trong một thế-kỷ, nay lại bắt thí-sinh phải dẫn thi-văn của thế-kỷ 19-20, thì chẳng khác nào buộc thí-sinh làm một việc mà đề không hỏi đến. Thái độ đó chẳng phải là thái-độ lường-gạt thí-sinh sao ? !

Và số người chủ-trương khắt-khe như vậy không phải là ít, đã ra tạo nhiều cuộc cãi-vã sôi-nổi trong buổi họp. Rốt cuộc lẽ phải bao giờ cũng thắng, nhóm chủ-trương «khắt-khe» chịu thua, sau những cố-gắng tỏ ra có tài hùng-biện...vật. Rồi đề gỡ-gạc, họ đồng-ý với điều kiện «Thơ dẫn chứng, phải nói rõ tác giả, tác phẩm (nếu không, phải bớt điểm)». Thực ra, khi dạy cho học-sinh, chưa chắc họ luôn luôn nói xuất-xứ rõ-ràng về một câu thơ mà họ trích-dẫn, huống gì là học-sinh kém hơn họ.

Tim hiểu thái-độ khắt-khe nói trên, chúng ta thấy có nhiều nguyên-nhân sâu-ra, tiềm-ẩn, nguy-trang dưới một thứ ảo-tưởng trí-thức.

Trước hết là tâm trạng của một số nhà giáo mới ra trường, có những hoài-bào to tát, có một mơ kiến-thức chưa hoàn toàn «tiêu hóa» với một ảo-tưởng «trí-thức-đại-học» cho nên khắt-khe với thí sinh như một cách-thể để tỏ mình có tài, chê-bai thí sinh như một phương-tiện nâng-cao uy-tín của mình.

Một số khác, tuy dạy lâu năm, nhưng vì kẻ sinh-nhai, vì lối giáo-dục đầu-tư-thương-mãi, tinh-thần học-hỏi sút kém, lại luôn luôn tự-mãn với chút vốn-liếng kiến-thức nghèo-nàn của mình : Khoác-

lác, chê-bai học-sinh, khắt-khe vô-lý với thí sinh, để khoe lấp cái khiếm-khuyết hiện có của mình. Đừng nói đâu xa lạ, ngay ông Trưởng-ban thuyết-trình về thang điểm Quốc văn năm ngoái, là người chủ-trương nhứt định bắt thí-sinh phải dẫn thơ-văn đạo-lý ở thế kỷ 19, là người đề-nghị chấm điểm chính-tả trong bài luận của thí-sinh, nhưng chính Ông đã dùng sai chữ «tải» cho chữ «tái» (Câu đúng phải là : «Văn dĩ tái đạo» (với dấu sắc) đề thi viết sai chữ sử-dụng thành xử-dụng, vậy mà ông cũng không biết sửa lại cho đúng. Bậc «cha-mẹ-học-trò» ra đề thi, viết chính-tả còn sai, nay lại còn đòi bắt chính-tả thí-sinh, nhà giáo không biết hồ thẹn là gì ! ?

Còn gì bức mình hơn, trong khi chấm thi nhà giáo không ngớt chê bai học-sinh, mà thực-chất của họ không đầy «lá-mít». Tôi còn nhớ kỳ thi Tú tài 1 ở Cần thơ, năm 68, cũng trong ban quốc-văn, một vị giáo-sư làm thư-ký, đến chấm tăng cường. Trong lúc chấm bài ông không ngớt xuýt-xoa than-thở kêu trời.. vì bài thí-sinh quá kém! (Vâng! nó là học trò, nó phải kém hơn thầy nó chứ! Nếu nó giỏi thì nó đâu là học-trò của các Ngài !)

Để chứng-minh cái quá dốt-nát của học-trò (đồng thời chứng-minh cái quá-giỏi của mình) ngài-giám-khảo nói trên, đọc lên cho cả phòng nghe chơi :

— «Các anh xem nó viết nè :

«Khôn nghề cờ bạc là khôn đại,

Đại chốn văn chương ấy đại khôn.

Câu thơ này, «nó» dám nói là của Trần tế Xương đó! Dốt quá là dốt»

Cả phòng chấm-thi đều ngơ-ngác ! Không phải thơ của họ Trần thì còn

của ai nữa đây ! Sau có người đáp hộ anh

— «Vâng ! Đó là hai câu thơ của Trần Tế Xương anh ạ ! »

Từ đó, chúng-tôi mới khỏi phải nghe tiếng «chửi-rủa» thí-sinh của giám-khảo nói trên.

Cái kiến thức quá phong-phú của giám-khảo đôi lúc trở thành một thứ khát-khe với thí-sinh : nhất là khi một giáo-sư triết làm trưởng ban Quốc văn. Các ngài cứ lấy cặp mắt triết-học của mình để soi-mỏi vấn đề một cách tỉ-mỉ, rồi đòi hỏi thí-sinh (cơra hề học triết) phải đạt đến một trình-độ xấp xỉ thang-điểm của các ngài vậy ra. Kỳ thi tú tài I năm 1965, một đề luân-lý đề cập đến những động-lực tạo ra đức hi-sinh. Trưởng ban là một nữ giáo sư triết, bà đã đưa ra một «lô» động lực gây ra đức hi-sinh, rồi phân chia các điểm đồng đều cho thang điểm. «Rằng hay thì thật là hay» : nhưng tội nghiệp cho lũ học sinh đệ nhị còn «ăn chưa no, nghĩ chưa tới» những tư-tưởng cao siêu mà giáo sư triết đề ra. Chỉ vài ý kiến vụn-vặt, đề-cập vài động lực nhỏ mọn, các em làm sao đạt được số điểm trung-bình đối với cái thang điểm quá đồ-sộ của các ngài.

Rốt cuộc, lập-thang điểm chỉ là một dịp cho thầy giáo ra tài ăn nói khoác lác hơn là thực tâm tạo sự vô tư công bằng trong khi chấm thi.

Mấy năm gần đây, khi vật-giá leo thang vùn-vụt, mà giá biểu chấm-thi vẫn nằm ở một chỗ, việc chấm-thi càng nhiều tệ-hại. Giám khảo chấm thật lẹ để thu-lợi nhiều để bù vào sự lỗ-lã vì chi-phí thi-cử. Môn trắc nghiệm vốn chấm đã mau, vậy mà chấm lần hai, giám khảo chỉ chấm vài bài tượng-

trưng rồi cứ kí tên ăn tiền. Thậm-chí, có người chỉ vùi đầu vào việc đếm lỗ, không dám dừng lại hút một điếu thuốc uống một chung trà. Kết quả là, sau hai ngày thôi, bài thi hết nhẵn, tổng kết có người chấm hơn hai nghìn bài (thu v. o lỗ 15 nghìn). Môn Quốc-văn thì vốn trễ tràng nhứt, nhưng có vài vị chấm đoạt kỉ-lục đáng sợ. Chính mắt tôi, chứng-kiến một vị giám khảo chấm một xấp bài (khoảng 30 bài) trong vòng 15 phút thôi. Có lẽ ông chỉ chấm chữ viết của thí sinh mà thôi, chứ chấm theo kiểu «thủ-vĩ-ngâm» hơi «bất lương» của bọn này, ít ra cũng bỏ hàng giờ, mới xong một xấp. Cũng may cho thí sinh là vị giám-khảo này có tật đi trễ về sớm, nên ông chỉ quẹt vài xấp lấy lệ rồi giông mắt. Nhưng chung-cuộc, ông vẫn đoạt kỷ-lục về số bài chấm. Riêng năm 1969, môn quốc văn, có vài hội-đồng đề nghị chấm hai lần, nhưng không phải chấm cho công bằng, ki-lưỡng, mà là để giám-khảo ký tên thêm một lần nữa, ăn gấp đôi tiền thù-lao. Và đó chỉ là sáng-kiến «chịu-chơi» riêng rẽ của một vài Chánh-chủ-khảo.

Ghi-điểm, cộng-điểm, xem điểm

Ai ngờ rằng việc ghi điểm, cộng điểm... lại có thể gây nhiều tệ đoan. Đừng nói việc gian lận trong việc sửa điểm, ghi điểm... ngay việc xem điểm cũng là một cơ hội cho một số nhà giáo làm «áp-phe» hoặc là nạn nhân của những vụ «áp phe» thi cử. Một số tay-tỏ-áp-phe (quen với thầy giáo hay chính các thầy cũng có) gạ với phụ huynh học sinh là họ quen với một số giáo-sư nào đó, có thể «làm-mọi-cách» cho con em đậu, với số bạc nào đó gọi là tiền trà nước. Sự thật, trong kỳ thi đó, họ không làm gì cả (muốn

làm cũng không được) chỉ cần chờ khi ghi-điểm, cộng-điểm xong chưa công bố kết quả, làm thế nào biết được số điểm của thí-sinh là xong. Nếu thí-sinh đó đủ điểm đậu, họ sẽ báo tin cho phụ-huynh em đó biết và khoác lác : "... điểm lý hóa (hoặc toán) của em kém lắm, tôi phải gởi cho người bạn, năn nỉ xin tăng lên cho em, nên em mới đủ điểm..." Và đây là một kinh nghiệm "xương máu" cho tôi. Số là trong kỳ thi 68 tôi được cử làm thư kí cho một hội đồng nọ. Một hôm tôi gặp một đồng nghiệp, vốn là một tay chạy "áp phe", nhờ tôi xem điểm giùm người em của anh ta. Đối với người làm trong ban chỉ huy, việc xem điểm có khó khăn gì, phần nề tình bè-bạn, phần vì lời-lẽ thống-thiết của anh : "... mình mang tiếng là giáo sư, có bạn bè chấm thi cả đám, mà coi không được điểm cho em mình, bà con phàn nàn, còn gì là "uy tín" với em cháu... Rồi tôi đã đến tận nhà anh, báo tin cho anh là : em anh đã thi đỗ, với tổng-số điểm đang hoàng.

Cơ khổ ! Anh ta nghe xong, lại không mấy hài lòng :

— Thú thật với mày. Nó không phải là em tao, nhưng nó là chỗ tao "nhờ-cậy-làm-ăn." Mày ráng cho tao biết điểm "partiel" (từng môn) đăng tao có chứng cứ chắc chắn, tao mạnh miệng nói với họ là tao đã vận động xin thêm điểm. Cho có lý, cho họ tin...

Thật là xấu hổ và tức giận vô cùng !

Thì ra mình chỉ là một thứ « công-cụ » làm ăn của một tay áp phe ! Ôi ! tình bạn thiêng liêng là vậy ! Nhà giáo ngày nay cao quý ở chỗ đó !

Gần đây, một vài vị trong hội Ai hữu Đại học sư phạm lên tiếng chỉ trích việc tráo-phách của một số chánh chủ khảo, Anh em cho rằng làm như vậy là Bộ tỏ ra không tín nhiệm nhà giáo, là nghi-kị, coi thường giáo sư. Nhưng thưa các ngài : "phòng bệnh hơn là trị bệnh", trong đa-số giáo sư liêm khiết đứng đắn, còn một thiểu số bê-bối như loại nhân vật đã nói trên. Nếu không đề phòng, chắc chắn họ sẽ lợi dụng sự tín nhiệm của Bộ (như các ngài đã đòi hỏi) mà làm những tệ-đoan, những-lạm, chẳng may đồ bề tùm lum, thì sự "tín-nhiệm" không còn, mà uy-tín nhà giáo cũng theo mây khói (Các ngài cũng mang tiếng là cái chắc).

Với tất cả thiện chí, đóng góp vào việc xây dựng nền giáo dục ngày thêm kiện toàn, chúng tôi trình bày một vài tệ đoan điển hình trong việc thi cử những năm vừa qua, mà chúng tôi có dịp thu thập. Việc «vạch-áo-cho-người-xem» cũng chẳng thú-vị gì, chẳng qua là vạ bất đắc dĩ thôi. Ước mong rằng : nếu không xây dựng được phần nào, thì cũng không đến nỗi làm phương hại đến uy danh của nhà giáo : **NHỮNG NHÀ GIÁO, CÓ TÂM-HUYẾT, CHÂN THÀNH VỚI MÌNH, CŨNG NHƯ VỚI QUẦN CHÚNG.**

NGUYỄN-VĂN-QUAN

Tìm đọc :

PHƯƠNG LƯỢC CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ của VŨ-TIẾN-PHÚC

Lam-Giang đề tựa — Trần-Việt-Sơn đề bạt
KHỞI HÀNH xuất bản, 423 Phan thanh Giản Saigon

Nhân dịp bang giao Việt-Miên
khởi sự nối tiếp, trình bày lại :

Việc bang giao giữa Cao-Miên và V. N. nhìn từ phía Cao-Miên

(từ ngày tiên khởi đến ngày Pháp đô hộ)

● LÊ - H Ư Ơ N G

viết theo Niên-giám của Hoàng-gia Cao-Miên

Hoàng gia Cao-Miên bắt đầu đặt bang giao chánh thức với Việt-Nam vào đầu thế kỷ thứ 17 dưới triều vua Chey Chetta II (1618-1628) và chấm dứt vào năm 1866 dưới triều Vua Ang Dương (1845-1859) trước khi người Pháp được mời đến đặt nền bảo hộ.

Trải qua 248 năm đã có biết bao biến-cổ mà mỗi quốc gia ghi lại trong quyền sử của mình có đoạn không giống quyền sử của nước bạn.

Chúng tôi trích phần này trong tập Sử Cao-Miên (sắp xuất bản) trình bày theo Niên-giám của Hoàng-gia Cao-Miên và đối chiếu từng mục với Việt-Nam sử-lược của Ông Trần-trọng-Kim.

oOo

Năm 1618, Quốc Vương Cao-Miên Srei-Sorypor thoái vị, nhường ngôi cho con là Chey Chetta. Thái-tử lên ngôi tức là Quốc vương Chey Chetta II (1618-1628). Ngài thay đổi tất cả những điều bó buộc của người Xiêm và từ chối việc xưng thần. Ngài dời đô về Oudong thuộc tỉnh Kongpong Luông, xây cất cung điện dưới chân một ngọn đồi. (1)

Vua Xiêm (2) muốn tái lập uy quyền trên đất Cao Miên, xua binh tấn công. Năm 1623, có một đạo quân từ phía Bắc xâm nhập lãnh thổ, bị Quốc vương Chey Chetta II thân chinh đánh tan rã ở Bâribaur cách Biền hồ lối 50 cây số. Đạo quân thứ nhì tiến vào tỉnh Bantei-Meas bị Hoàng-đệ Prah Outey đẩy lui.

Năm sau, 1624, quân Xiêm theo đường biên đồ bộ miền duyên-hải bị phản công dữ dội phải rút về. (Có thuyết cho rằng quân Xiêm tấn công trong năm 1621 và 1622).

Đề quân Xiêm không dám quấy nhiễu nữa, Quốc vương Chey Chetta II cưới một công chúa Việt-Nam hầu dựa vào thế lực của Triều đình Huế. Bấy giờ họ Nguyễn tránh nanh vuốt họ Trịnh ở triều nhà Lê đóng đô ở Hà-nội vào đóng

(1) Thủ Oudong tồn tại đến năm 1867. hiện thời là vùng mộ vua, có nhiều ngôi tháp dựng tro tàn các đấng Tiên vương Cao-Miên.

(2) Vua Xiêm bấy giờ là Int'Araja (1610-1628) con của vua Ekat'otsarot (1605-1610).

Lời tác-giả :

Nước Cao-Miên không có quyền sử do người Miên soạn. Chính người Pháp đã làm công việc này trong khoảng thời gian bảo hộ vì xưa kia, người Miên viết trên lá thốt-nốt và chỉ giữ được trong vòng 150 năm mà thôi.

Khi khảo sát những đền đài trong vùng ANGKOR (Đế-thiên Đế-thích), các nhà khảo-cổ Pháp thấy những bản văn đục trên bia đá, trên vách và cột đền bằng chữ Ấn-độ: Bắc Phạn (Sanskrit) ghi công nghiệp của mỗi vị Quốc vương, và rải rác ở khắp lãnh thổ Cao-Miên cùng miền Nam Việt-Nam có nhiều bia đá, tháp thờ Thần, đánh dấu những triều đại đầu tiên từ ngày lập quốc. Các nhà khảo cổ sắp xếp những bản văn này theo thứ tự thời gian dựng nên bộ Sử Cao-Miên bắt đầu vào cuối thế-kỷ thứ 6.

Đến thế-kỷ thứ 15, Hoàng triều Cao-Miên bỏ vùng Angkor, thiên đô về Phnom-Penh không xây cất đền đài nữa, bộ Sử được tiếp tục theo Niên giám (Annales) từng triều vua.

Đoạn Sử ở bài này dịch những bản Niên giám của Hoàng-gia Cao-Miên, kèm theo Việt-nam Sử-lược của Trần Trọng Kim để đối chiếu.

ở Tỉnh Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng Bình, Quảng-Nam và Quảng-Ngãi. Họ Nguyễn chiếm nước Chiêm-Thành và lập thành tỉnh huyện sát ranh giới Cao Miên.

Năm 1623, một phái đoàn sứ giả ở Huế vào triều kiến Quốc vương Chey Chetta II xin cho người Việt vào cư ngụ trong tỉnh Prey Kôr (1) và lập một

cơ quan thu thuế (2). Nhà Vua chấp thuận. Triều đình Huế khuyến khích dân chúng di cư vào Nam và lấy danh nghĩa là để giúp Vương quốc Cao-Miên giữ gìn trật tự, họ Nguyễn cử một vị Tướng lãnh đóng tại thành phố này.

Khi Quốc-vương Chey Chetta II thăng hà, tất cả vùng thuộc miền Nam từ Prey Kôr đến ranh giới Chiêm Thành, các tỉnh Baria và Kâmpéap Srékatrey (Biên-Hòa) đều bị người Việt-Nam cai trị (3).

Sau khi Quốc vương Chey Chetta II, mất đi nước Cao-Miên trải qua ba triều Vua, đến đời Quốc vương Ponhea Chan (642-1659) mới lại có sự liên lạc với Việt-Nam.

Năm 1658, hai vị Hoàng thân Sô và Ang Tan, con của Ông Phụ-chính Prah Outey đã thoát nạn lúc Quốc vương, Ponhea Chan răn sát gia đình mình 16 năm trước, cầm quyền nổi loạn đánh

() Đúng tên là Prey Nokor : thành phố ở giữa rừ g. nay là Saigon.

(2) Tập Niên-giám viết tay ở thư viện Hoàng-gia Cao-Miên dưới triều Vua Chey Chetta II, trang 369, ghi sự việc này như sau : « Năm 2169 Phật lịch, tức là năm 1623 dương lịch, một sứ giả của Vua Annam dâng lên Vua Cao-Miên Chey Chetta một phong thư, trong đó Vua Annam ngỏ ý «mượn» của nước Cao Miên xứ Prey Nokor và xứ Kas Krobey (Bến Nghé) để đặt làm nơi thu quan thuế. Vua Chey Chetta, sau khi tham khảo ý kiến của đình thần đã chấp thuận lời yêu cầu trên và phúc tấu cho Vua Annam biết. Vua Annam bèn ra lệnh cho quan chức đặt Sở Quan thuế tại Prey Nokor và Kas Krobey và từ đó bắt đầu thu quan thuế ».

(3) Theo sử Việt-Nam, Quốc vương Chey Chetta II cưới Công-chúa Ngọc-Vệ con Chua Nguyễn Sãi Vương (1611-1635) vào năm 1620. Nhóm người Việt-Nam đầu tiên di cư vào miền Nam ngụ ở Mê-Xoài (ngón đồi nhỏ trồng Xoài) gần Baria ngày nay.

nhà Vua. Bị quân Triều phản công mãnh liệt, hai vị chạy trốn trong cung Hoàng-hậu Ngọc-Vạn, vợ của Tiên vương Chey Chetta II. Hai vị nhờ Hoàng-hậu xin binh nhà Nguyễn đến giúp khôi phục ngai vàng. Chúa Nguyễn-Hiến-Vương nhận lời phái một đạo binh viễn chinh vào tháng 10 năm 1658 đến giúp hai Hoàng-thân. Một hạn-đội Cao-Miên, do một vị Hoàng-thân chỉ-huy, chặn đánh đạo binh Việt-Nam bị thua to ngoài khơi Bà-rịa. Quân nhà Nguyễn tiến vào bắt Quốc-vương Ponhea Chan nhốt trong cái cũi sắt đem về tỉnh Quảng Bình. Quốc-vương thắng hà ở đây (1) quân Việt-Nam đặt Hoàng thân Sô lên ngôi Vua trước hiệu là Batom Réachéa (1660-1672).

Nhờ người Việt-Nam mới được làm Vua, Quốc-vương Batom Réachéa ký hòa-ước nhận triều cống Chúa Nguyễn hàng năm và cho người Việt, định-cư trong lãnh-thổ, được làm chủ phần đất khai hoang và hưởng quyền lợi ngang hàng với người Miên.

Năm 1672, Quốc-vương Batom Réachéa bị người rề tên Chey Chetta III (đệ tam) ám sát chết rồi lên ngôi (1672-1675).

Hoàng đế Ang Ton chạy trốn ở Việt-Nam, xin Triều-đình Huế giúp khôi phục cơ đồ.

Giữa lúc ấy, Chey Chetta III bị người Mã-Lai, bộ hạ của Tiên-vương Ponhea Chan, giết chết.

Bá quan tôn Hoàng-tử Ang Chey nối ngôi (1673-1674). Ngài là con của Tiên vương Batom Réachéa, cháu nội của vị Phụ-chính Prah Outey, năm ấy vừa được 21 tuổi. Vừa tức vị không bao lâu, Ngài phải thân chinh xuống miền Nam chống trả cuộc tấn công của đạo-

binh Việt-Nam (2) do Hoàng-thân Ang Ton đưa về. Chiến cuộc kéo dài gần một năm, và trong một cuộc giao tranh Ngài bị giết giữa trận. Hoàng thân Ang Ton thắng, nhưng lại nuối hận bỏ mình, giao binh quyền cho Hoàng thân Ang Non là người em con chú.

Hoàng thân Ang Non (1674-1675) làm Phụ-chính giúp Ang Ton, cầm quyền về thủ-đô Oudong tức vị đăng quang.

Năm tháng sau, Hoàng thân Ang Saur, em của Tiên vương Ang Chey, cầm quân đánh đuổi đạo binh viễn-chinh người Việt. Quốc vương Ang Non chạy trốn ở Việt-Nam.

(1) Theo Việt-Nam sử lược của Trần-trọng-Kim thì sự việc xảy ra không giống như sử Cao-Miên trên đây. Trong mục : « Mở đất Nam Việt và sự giao thiệp với Chân-Lạp », tác giả viết :

... « Năm Mậu Tuất (1618) vua nước Chân-Lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau sang cầu cứu bên Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Chúa Hiên sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mỏi-Xuy (nay thuộc huyện Phước-Chánh, tỉnh Biên-Hòa) bắt được Vua nước ấy là Nặc-Ông-Chân đem về Quảng-Bình một độ, rồi tha cho về nước bắt phải triều cống và phải binh vực người Việt-Nam sang làm ăn ở bên ấy.

() Việt-Nam sử lược viết : « ... Năm Giáp Dần (1674) nước Chân-Lạp có người Nặc-Ông-Đài đi cầu viện nước Tiêm-La đề đánh Nặc Ông Nộn.

Nặc Ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái-Khang (nay là Khánh-Hòa). Chúa Hiên bèn sai Cai cơ đạo Nha-Trang là Nguyễn-Dương-Lâm cùng với Nguyễn-Đình-Phái làm Tham-mưu đem binh chia làm 2 đạo sang đánh Nặc-Ông-Đài phá được đồn Saigon rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang. Nặc-Ông-Đài bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc-Ông-Thu ra hàng. Nặc-Ông-Thu là chính dòng con trưởng cho nên lại được lập làm Chánh Quốc-vương đóng ở Long-Úc đề Nặc Ông Nộn làm đệ-nhi Quốc vương đóng ở Saigon, bắt hàng năm phải triều cống. ».

Hoàng thân Ang Saur bấy giờ được 19 tuổi. Ngài lên ngôi, tước hiệu là Chey Chetta IV (đt tứ). Suốt đời, Ngài thoái vị bốn lượt nhưng các vị Quốc vương thay Ngài không cáng đáng nổi, Ngài lại phải trở lại gánh vác việc nước.

*Lên ngôi lần thứ nhất
(1675-1695)*

Từ năm 1675 đến 1691, Quốc vương Chey Chetta IV phải chống trả những cuộc nổi loạn của người em họ : Ang Non.

Sau khi thất trận, Hoàng thân Ang Non chạy xuống miền Nam, thỏa thuận với Chúa Nguyễn cho người Việt vào định-cư ở Tỉnh Bà Rịa và Daung-Nay (Đồng-Nai) và 3.000 người Trung-hoa tị nạn. Nhóm người này trung thành với nhà Minh, vừa bị Mãn Thanh lật đổ, không muốn sống dưới chế độ ngoại lai. Hoàng thân Ang Non chiêu mộ người Việt và Người Trung-hoa lập thành một đạo binh tấn công Quốc vương Chey Chetta IV vào năm 1682. Bị đánh bất ngờ, quân đội Miên bỏ cả tỉnh Kan Kan (tiếng Việt gọi là Ba-Sắc) và Préah Trapeang (Trà-Vinh) rút lui về phía Tây thủ-đô Oudong. Nhờ quân Xiêm trợ lực và binh-sĩ Miên gia nhập thêm, quân đội Hoàng gia phản công vào năm 1684 và đuổi được kẻ phản nghịch khỏi nước. Hoàng thân Ang Non điều đình với Vua Xiêm (1) làm trọng-tài giúp đỡ mình nhưng bị từ khước. Hoàng thân lại ra Huế nhờ Chúa Nguyễn-Hiến-Vương (2). Năm 1688, Chúa Nguyễn cấp cho Hoàng-thân một đạo binh 20.000 người do hai tướng Thuyen Khuon và Thoum Mou (?) chỉ huy, tiến đến Oudong, chiếm thủ-đô. Còn Hoàng-thân dắt 5 000 binh sĩ đến Veal Hong bị

quân đội Hoàng-gia đánh tan rã. Quân Việt-Nam hay tin này liền rút về. Năm 1689, Hoàng thân lại đem quân về đánh Chey Chetta IV lần chót. Hoàng-thân chỉ-huy một đại-đội Việt và vài tên Trung-hoa chiếm thành Phnom-Penh. Quốc-vương Cao-Miên chạy về Kompong Luong xin điều đình. Vài ngày sau, một hiệp-ước ra đời, nhìn nhận vương quyền của Việt-Nam.

Khi tái lập hòa bình vào năm 1689 xong, Quốc vương Chey Chetta IV mới làm lễ đăng-quang.

Năm 1695, tuy vẫn còn trẻ, Ngài thoái vị nhường ngôi cho người cháu (con của anh) tên Prah Outey.

Quốc Vương Prah Outey I (đệ nhất) ở ngôi được 10 tháng. Năm 1696, Ngài thăng hà.

*Chey Chetta IV lên ngôi
lần thứ nhì (1696-1699).*

Quốc vương Chey Chetta IV phải tức vị lần thứ nhì. Năm 1697, Ngài gả công-chúa cho Hoàng-thân Ang Em, con của vị Phụ chính Ang Non.

Năm 1699, một viên quan Cao-Miên tên Êm nổi loạn. Êm nhờ người Việt giúp cho 20.000 quân chia làm hai đạo, ngược giòng sông Mékong tiến đến tỉnh Kompong Chhnang. Bị quân Cao Miên đánh lui, quân Việt-Nam rút về, đóng trong các tỉnh Prey Kor (Saigon), Kâmpéap Srékatrey (Biên-Hòa) và Bà Rịa bấy giờ thuộc quyền kiểm soát chánh thức

(1) Vua Xiêm bấy giờ là Quốc vương Narai (1657-1688).

(2) Trong Việt-Nam Sử-Lược không có ghi việc này. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Phúc Trăn,

của triều đình Huế (1) Chính Êm hứa nhượng cho Việt-Nam để nhờ giúp về mặt quân sự. Trong trận giao phong, Êm bị tử thương.

Chán nản trước cảnh nổi da xáo thịt, Quốc vương Chey Chetta IV lại thoái vị, nhường ngôi cho rể là Ang Em.

Quốc vương Ang Em trị vì được hai năm. Đây là lần thứ nhất Ngài ở ngôi Vua. Trong trận đánh với viên quan phản loạn, Ngài tỏ ra rất dũng cảm. Nhưng vì tánh tình hơi hợt và hơi dần, Ngài không gánh nổi trách nhiệm. Năm 1701, Quốc vương Chey Chetta IV lại phải nắm giữ quyền hành lần thứ ba.

Chey Chetta IV lên ngôi lần thứ ba (1701-1702)

Bây giờ có tên Kim nhờ người Việt-Nam (2) giúp sức nổi loạn tấn công vào Oudong. Quốc vương Chey Chetta IV phải dắt Hoàng tộc và Triều thần chạy tránh ở tỉnh Pursat. Sau đó Ngài chỉnh-tu binh mã kéo về chiếm lại thủ-đô và bắt giết tên Kim.

Năm 1702, Ngài thoái vị nhường ngôi cho con là Thomme Réachéa.

Quốc vương Thomme Réachéa bấy giờ mới được 12 tuổi. Đây là lần thứ nhất Ngài tức vị, ngồi làm vì chứ không làm gì cả. Chính Vua cha tiếp tục điều khiển việc nước.

Chey Chetta IV lên ngôi lần thứ tư (1702-1706)

Quốc vương Chey Chetta IV ở ngôi lần thứ tư đến năm 1706, thì Hoàng-tử được 16 tuổi, Ngài thoái-vị hẳn nhường cho con.

Quốc vương Thommo Réachéa I (đệ nhất) ở ngôi lần thứ nhì từ năm 1706 đến 1710.

Năm 1708, nhóm kiều dân Lào do Tiên-vương Chey Chetta IV cho định-cư vài năm trước ở tỉnh Bati nổi loạn chống chánh-quyền địa-phương. Chính Hoàng-thân Ang Em, sau khi bị bắt buộc phải thoái vị năm 1701, đã rời triều-đình đi cầm đầu cuộc tạo-phản này. Hoàng-thân kêu gọi người Samrè và người Kouy là hai sắc-dân thiểu-số ở miền Bắc tỉnh Ang Kor và Kom-pong Thom, đồng thời được một lực-lượng Việt-Nam ở miền Nam ủng-hộ (3). Ngài chỉ huy người Lào, Samrès và Kouy tiến xuống thủ đô Oudong, toán quân Việt-Nam chiếm các Tỉnh miền Đông. Quốc vương Thommo Réachéa bị vây ở giữa suốt ba tháng mới thoát được giữa đêm với người em tên Ang Tong chạy qua Xiêm.

Năm 1710, sau khi Quốc vương Thommo Réachéa bỏ thủ đô, Ang Em lên ngôi (1710-1722). Đây là lần thứ nhì Ngài trị nước. Trong 3 năm 1711, 1716, và 1722, Ngài đẩy lui được 3 lần tấn công của Thommo Réachéa nhờ quân Xiêm trợ giúp.

(1) Việt-Nam Sử lược ghi: "... Thời bấy giờ đất Chân Lạp cứ loạn lạc luôn. Năm Kỷ-Mão (1699), Vua nước ấy là Nặc Ông Thu đem quân chống với quân Chúa Nguyễn. Chúa sai quan Tổng-suất Nguyễn-hữu-Kính sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam-Vang. Nặc Ông Thu bỏ chạy, con Nặc Ông-Nộn là Nặc Ông-Yêm mở cửa thành ra hàng. Sau Nặc Ông-Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều cống như cũ, quân ta rút về. Được ít lâu, Vua thứ hai là Nặc Ông-Nộn mất, Vua thứ nhất là Nặc Ông-Thu phong cho con Nặc Ông-Nộn là Nặc Ông-Yêm làm quan và lại gả con gái cho. Sau Nặc Ông-Thu già yếu, truyền ngôi cho con là Nặc Ông-Thâm.

(2) Việc này không có ghi trong Việt-Nam Sử-lược.

(3) Việc này, Việt-Nam Sử lược không có ghi.

Ngài nhờ Triều đình Huế che chở và giúp về mặt quân sự. Ngài phú thác việc phòng thủ các tỉnh Peam (Hà Tiên), Kampot và Kompong Som, cả cù lao Phú-Quốc cho một người Trung-hoa tên Mạc Cửu, Họ Mạc gốc ở Quảng-Đông di cư sang Cao-Miên sau khi nhà Minh bị nhà Thanh lật đổ. Ông gây dựng được một sự nghiệp to tát nhờ ở sông cò bạc. Ông xây một cái pháo đài ở Peam, tuyển mộ quân-sĩ và thủy-thủ. Có lần một hạm đội Xiêm đến gần thị trấn định đồ bộ giúp Thommo Réachéa bị Mạc Cửu tiêu diệt gần hết. Tuy nhiên, đến năm 1715, Mạc Cửu qui phục Chúa Nguyễn, Quốc vương Ang Em thuận cho người Việt Nam kiểm soát bờ bên từ miền Nam đến Xiêm, Về sau, Hoàng triều Cao-Miên lấy lại quyền hành trực tiếp hai tỉnh Kampot và Kompong Som, nhưng tỉnh Peam và Cù-Lao Phú-Quốc đến năm 1867 vẫn còn bị hậu duệ của Mạc-Cửu «cai trị» cho Vua Việt-Nam. (1)

Để tránh cuộc tấn công của người Xiêm Quốc vương Ang Em điều đình với vị Đại tướng Xiêm, chúc thần phục nước Xiêm nếu Vua Xiêm loại trừ các vị Hoàng-Thân vừa mất ngôi. Vị Đại tướng Xiêm chấp thuận. Đây là một hành động có ảnh hưởng rất tai hại cho Vương-quyền Cao-Miên. Người Xiêm từ ngày ấy có quyền can thiệp vào việc quốc-sự. Chỉ vì tham vọng cá nhân mà Quốc vương Ang Em đã hành thức làm mất nền độc-lập của Cao-Miên.

Năm 1722, Ngài thoái vị, nhường ngôi cho con.

Thái tử Prah Sotha lên ngôi tức là Quốc vương Sotha II (đệ nhị) (1722-1736) Ngài vừa được 20 tuổi. Tình hình rối loạn trong nước là một gánh nặng cho ông vua còn trẻ. Nước Cao-

Miên bấy giờ có bốn vị Quốc-vương cấu kết và cấu xé lẫn nhau. Vị thì nhờ người Xiêm, vị thì nhờ người Việt giúp đỡ để đạt ý muốn của mình mà không cần phân điều lợi, hại. Đó là Chey Chetta II đến năm 1725 thì thắng hà, Thommo Réachéa bị Ang Em cướp ngôi và Sotha II.

Năm 1730, một người Lào tị nạn tự xưng là tiên-tri xúi dục một nhóm người Miên cuồng tín hạ sát tất cả Việt-kiều nào chúng bắt gặp trong vùng Banam. Quốc vương Sotha II phái quan quân đánh dẹp nhưng không có kết quả. Chúa Nguyễn hay tin, nắm lấy cơ-hội cho rằng để sắp xếp trật tự, gọi một đạo-binh tiến đến Phnom-Penh (2). Quốc vương Sotha II bỏ kinh thành chạy trốn ở tỉnh Sântouk. Năm 1741, Ngài chịu nhượng cho người bảo-hộ mình hai tỉnh ở Miền Nam : Mésa (Mỹ-Tho) và Long Hôr (Vĩnh Long).

Năm 1736, một cuộc nội loạn trong

(1). - Về điểm Mạc-Cửu qui phục Chúa Nguyễn, Ông Trần-Trọng-Kim viết trong năm Mậu-Tí (1708).

- Về sự can thiệp của ta thì trong «Việt-Nam Sử-Lược» ghi có 1 lần như sau : «... Năm Giáp-Ngọ (1711), quân của Nặc Ông Thâm về lấy thành La-Bích và vây đánh Nặc Ông Yêm nguy cấp lắm. Nặc Ông Yêm sai người sang Gia-Định cầu cứu. Quan Đô-đốc Phiên-trấn (Gia Định) là Trần-thượng-Xuyên và quan Phó-tướng Trấn biên (Biên-Hòa) là Nguyễn-Cửu-Chú phát binh sang đánh, vây Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm ở trong thành La-Bích. Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm sợ hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm-La. Bọn ông Trần-Thượng-Duyệt lập Nặc Ông Yêm lên làm Vua Chân-Lạp.

(2). - Việt-Nam Sử-Lược không có ghi biến cố này cũng có đoạn về năm 1729... «Năm Tân-Hợi (1729), quân Chân-Lạp sang quấy nhiễu ở hạt Gia-Định, Chúa Nguyễn bèn đặt Sở Điều-khiển để thông nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Hoàng-cung lật đổ Quốc-vương Sotha II. Nguyên do Ngai nghi Hoàng-hậu và mấy người em con chú âm-mưu hại Ngai mất ngôi. Ngai định bắt giết. Được mật tin, Hoàng-hậu và mấy vị Hoàng-thân chạy tìm Cựu vương Thommo Réachéa và nhờ quân Xiêm đánh Sotha. Một đạo binh từ tỉnh Korat ở miền Bắc chiếm vùng Angkor, một đạo khác do Thommo Réachéa chỉ huy đổ bộ ở Kampot. Quốc vương Sotha II chỉ còn một ngã đường: trốn về Việt-nam. Thommo Réachéa làm chủ tình-hình và lên ngôi Vua. (1)

Quốc vương Thommo Réachéa (1738-1748) đóng đô ở Kampot, còn người con trai trưởng và người em con chú là Ang Tong chiếm Miền Tây nước Cao-Miên nhờ quân lực của Xiêm. Năm 1738, Quốc vương Thommo Réachéa I m lễ đăng-quang lần là thứ ba. Hoàng thân Ang Tong làm Phụ-chính. Quốc-vương cố gắng tái lập trật-tự trong nước và ngăn ngừa sự xâm chiếm của người Việt-Nam. Trong tỉnh Srok Trang, người Việt nổi dậy. Nhiều cuộc đụng độ quan trọng xảy ra giữa người Việt và người Miên. Nhóm người Việt thua trận chạy trốn trên một cù lao giữa sông Mé-Kong tên là Hong Peam Misa và đặt cơ-cấu cai-trị luôn, bất chấp sự phản kháng của Quốc-vương Cao-Miên (2).

Quốc vương Thommo Réachéa không thể lấy lại quyền kiểm-soát trực tiếp vùng Peam. Nguyên vào năm 1735, Mạc-Cửu chết, Quốc Vương Sotha II nhân cơ hội đòi lại quyền hành thì người con Mạc - Cửu là Mạc Thiên Tứ cho biết đã chịu lệnh Chúa Nguyễn-Minh-Vương cai-trị đất này. Chúa Nguyễn phái quan văn và võ

tướng, quân sĩ đến tổ chức cơ-cấu hành-chánh và quân-sự. Năm 1739, Quốc vương Thommo Réachéa thân chinh đánh chiếm vùng Peam bị Mạc-Thiên-Tứ đẩy lui. Chúa Nguyễn ban khen họ Mạc và Phong chức Đại tướng.

Năm 1747, Quốc-vương ngã bệnh thặng-hà. Sau đó nhiều vụ thanh toán gia-tăng trong Hoàng-tộc.

Vị Thái-tử bấy giờ được 42 tuổi nối ngôi cha, tức là Quốc vương Thommo Réachéa II (đệ nhị) (1747). Sau khi tức vị, Ngai bị người em tên Ang Hing ám sát chết. Triều đình bất mãn trước hành động vô nhân-đạo này, không đồng ý cử kẻ giết anh lên ngôi và chọn một người em khác của nhà Vua xấu số tên Ang Tong.

Quốc-Vương Ang Tong lên ngôi lần thứ nhất, trị vì đến năm 1749.

Năm 1748, Cựu vương Sotha II, bị nạn ở Việt-Nam 10 năm trước, chỉ-huy một đạo binh người Việt tấn công Cao-Miên, chiếm thủ đô Oudong. Sotha II ngự trong Hoàng-cung. Quốc vương Ang Tong và vài vị Hoàng thân tín cần chạy trốn ở Xiêm. Bấy giờ các Tướng lãnh Việt-Nam dưới sự che chở của Sotha II, cầm quyền trong Triều, ấn-định các sắc-thuế đề-cử và thay đổi các quan Chủ-tỉnh, áp dụng đường lối cai trị của Triều-đình Huế.

Một vị quan đại-thần Cao-Miên, phụ trách về chuyên vận, tên OK, không

(1) Về biến-cổ này Việt-Nam Sử-Lược ghi khác ngày tháng: ... «Năm Bính-Thìn (1736) Nặc Ông Yêm mất, con là Nặc Ông Tha lên làm Vua. Đến năm Mậu Thìn (1747) Nặc Ông Thâm lại ở bên Tiêm-La về, cử binh đánh đuổi Nặc Ông Tha đi, rồi chiếm lấy ngôi Vua. Nặc Ông Tha phải bỏ chạy sang Gia Định

(2) Việt Nam Sử Lược không ghi rõ.

bằng lòng, bèn võ trang nông-dân trong tỉnh Pursat kéo về thủ đô đánh đuổi Sotha II và quân Việt-Nam khỏi lãnh thổ. OK tái lập trật tự, đoạn tôn vị hoàng-tử con Vua Chey Chetta II lên ngôi. Ông không mời Quốc vương Ang Tong về nước vì Ông trách nhà Vua không chống cự đối phương với bỏ thành chạy trốn (1).

Vị Hoàng-tử lên ngôi là Chey Chetta V (đệ ngũ) (1749-1755). Suốt 7 năm ở ngôi, Ngài phải luôn luôn dàn xếp hoặc phá vỡ những cuộc mưu toan ám-hại Ngài do những vị Hoàng thân trong gia-

đình Ngài. Ngoài ra, Ngài còn phải ngăn ngừa những cuộc thanh toán giữa những vị Hoàng-thân con cháu Vua Thommo Réachéa II và Ang Em.

Năm 1755 tháng hà. Ang Tong lại lên ngôi.

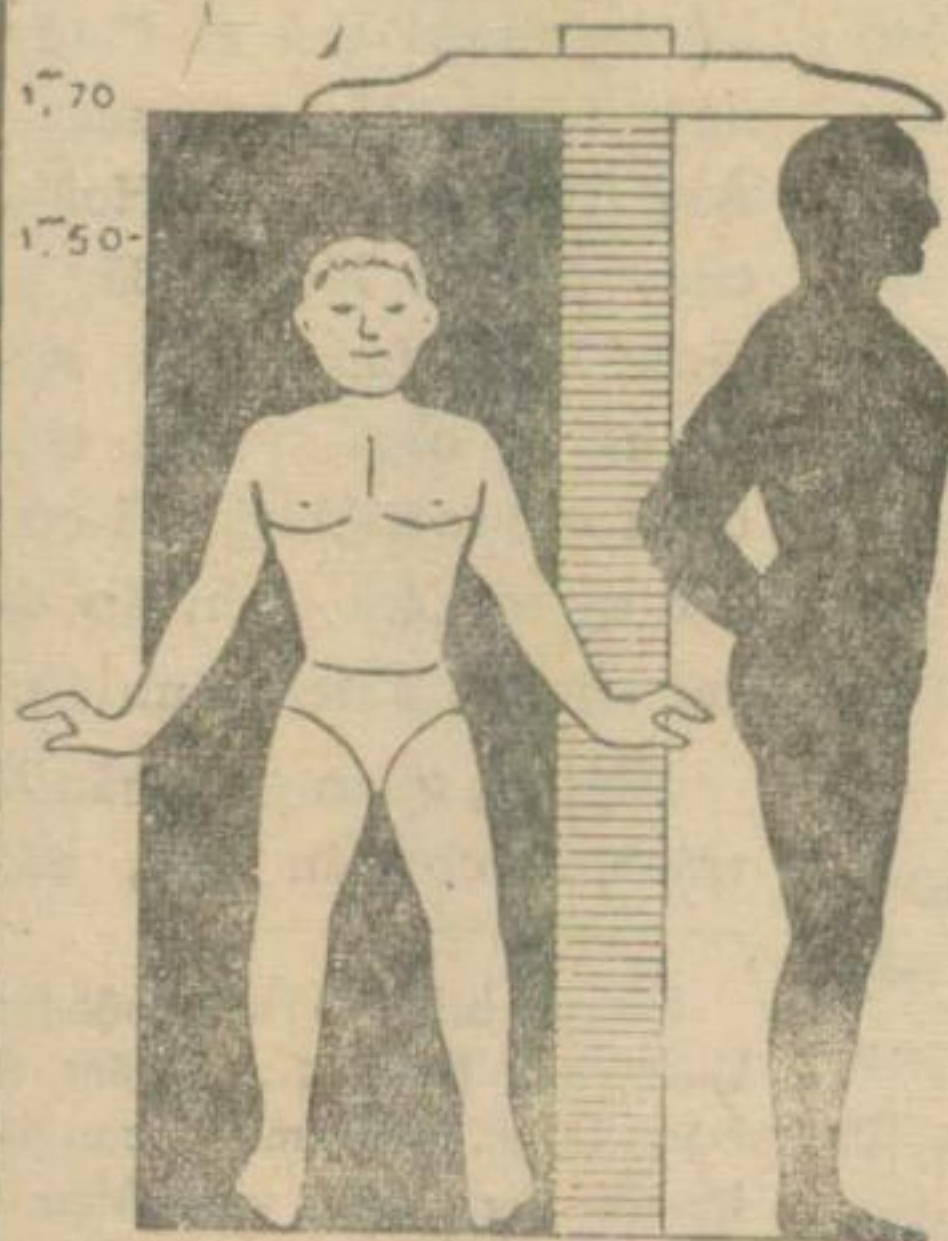
(Còn tiếp 1 kỳ)

LÊ-HƯƠNG

(1).— Về việc này, Việt-Nam Sử Lược ghi: « ... Được ít lâu, Nặc Ông Thâm mất, con là Nặc Đôn, Nặc-Hiến và Nặc Yêm tranh nhau. Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều-khiển là Nguyễn Hữu-Doãn đem quân sang đánh bọn Nặc Đôn và đem Nặc Ông Tha về nước.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BÔ?

S6 KN 18 MBYT/QCPD

Siêu thủy hay nước bất thường

Cách đây bốn năm, lần đầu tiên nhà bác học B.V. Derjaguine tuyên bố đã tìm ra được một thứ nước lạ, đông đặc ở 40 độ dưới không, lên đến 400 độ mới sôi, tỷ-trọng 1,4, trạng thái hơi nhầy khác hẳn với những tính chất của nước thường. Nhưng chất ấy cũng là nước vì trích từ nước ra và công-thức cấu tạo gồm có hai nguyên tử khinh khí và 1 nguyên tử dưỡng khí như nước thường.

Trong giới khoa học bên này bức rào sắt người ta rất nghi hoặc và trong mấy năm liền chẳng mấy ai chịu bàn tán. Có người lại thậm chí cho là Derjaguine cất nước không kỹ nên đã chế tạo một dung dịch chứa đựng nhiều chất bẩn mà không biết... Nhưng đến hè 1969 thì nhiều bản thuyết-minh bắt đầu chứng-thực cuộc khám phá của nhà khoa học Nga : đây là công tác của các hãng Unilever, Standart, Viện đại-học Maryland,... Họ công nhận nước này leo dần lên thành ống mao-tế. Dem phân tích với quang - phổ hồng-ngoại họ cũng nhận thấy nước này gồm có nhiều phân - tử nước (HOH) ₂ nên gọi là nước trùng-hợp. Nôm na hơn có thể gọi là nước bất thường, hay vì những tính-chất quá độ có thể đặt cho nó một cái tên văn vẻ : siêu-thủy !

Hai điều được nêu ra ngay khi người ta chịu nhận sự hiện-hữu của

nước trùng-hợp là cấu-tạo và ứng-dụng của nó. Xin nói ngay về mặt ứng-dụng chưa thấy có gì nếu không là để dùng trong những phản-ứng hóa-học chỉ có thể thực hiện trong nước nhưng ở những nhiệt-độ hoặc quá cao hoặc quá thấp. Còn về mặt cấu-tạo thì thật cả một vấn-đề. Thật ra ngay cả nước thường đã từng được khảo-sát từ lâu người ta cũng chưa biết được rõ !

Hai nguyên tố : khinh khí và dưỡng khí

Nước chỉ gồm có hai nguyên-tố : hy-tri hay khinh-khí H và oxi hay dưỡng khí O. Thoạt trông tưởng là đơn giản nhưng khảo sát tường tận thì thật là phức-tạp. Yếu-tố đầu tiên làm cho người ta ít biết được nhiều về nước có lẽ là vì nó là một chất lỏng. Vật-chất ở hai trạng thái rắn hay khí tương đối dễ phân tích hơn. Trong một chất rắn, các nguyên-tử sắp đặt giản dị lại không động đậy, như vậy dễ khảo sát. Trong một chất khí thì những phân tử tự do di chuyển, tất nhiên khó lòng xem xét nhưng lại có thể thực hiện một cuộc thống kê trong số lớn. Một chất lỏng xét theo định nghĩa vừa thấy là một chất nửa rắn nửa khí : những phân-tử còn dính với nhau nhưng cũng đã được tự do. «Chất lỏng không có một cấu-tạo độc nhất mà là gồm một số nhiều cấu-tạo luôn biến chuyển từ cấu-tạo này qua

cấu-tạo kia mà cấu-tạo nào cũng có thể có được cả (Bernal). Như vậy thấy ngay vì sao nước khó khảo sát. Trái lại, nước đá đã được khảo cứu tường tận và người ta biết rất cặn kẽ những cấu-tạo của nó.

Yếu tố thứ nhì là số nguyên-tử trong nước. Ai cũng tưởng chỉ có 2 thì dễ thấy biết bao. Không, mặc dầu là hai nguyên tố đơn giản, khinh khí và dưỡng-khí cũng là hai nguyên-tố bất thường. Trước tiên hãy nhìn xem khinh-khí. Đây là nguyên-tử nhỏ nhất: trong hạch nhân một dương-tử (proton), ở ngoài chạy quanh một điện-tử (electron). Điện tử độc nhất này không bao trùm nổi 2 hạch nhân, khai trừ nổi điện-tích dương của dương tử nên mặc dầu đã nối dính với một nguyên tử khác là dưỡng khí qua điện tử của mình, khinh khí vẫn luôn còn hấp dẫn những điện-tích âm xung quanh mình: đây là «dấu nổi khinh khí» rất quan trọng như trong cấu-tạo các phân tử khổng lồ của các protein hay acit nucleic, nền tảng của vật chất sống.

Nguyên tố thứ nhì là dưỡng-khí, trái lại, có đến 6 điện-tử ở lớp ngoài cùng, nên luôn chạy kiếm thêm hai điện-tử nữa để cho đủ số 8 là số tối cao có thể có (luật bát độ điện-tử). Ta thấy ngay, vì khinh khí chỉ có một điện-tử, phải cần hai nguyên-tử khinh-khí mới ghép lại được với một nguyên tử dưỡng khí để làm thành nước. Con sinh của cặp vợ chồng lạ thường, lẽ tất nhiên nước cũng không kém phần kỳ dị.

Nước là một trong nhất chất lỏng rất hiếm đã phòng nở khi nguội lạnh lại và tỷ-trọng ở trạng thái rắn nhỏ hơn ở trạng thái lỏng. Tính chất này người ta biết đã từ lâu khi thấy hóc đá bị tung vỡ vì nước đông lại hay những mảnh nước

đá nổi lềnh bềnh trên sông hồ ở các xứ lạnh. Khoa học cho biết thêm chi tiết: từ 100 độ xuống 4 độ, nước co rút khi nguội lạnh lại, chỉ từ 4 đến 0 độ nó mới phồng nở ra. Đáng khác con số 35 độ như tưởng là một khớp mức thay đổi tính chất của nước. Trước hết từ 0 độ đến 35 độ, tỷ nhiệt, là nhiệt-lượng cần để tăng nước lên một độ, hạ dần, nhưng từ 35 độ đến 100 độ thì tỷ nhiệt lại tăng lên. Như vậy cần phải nhiều nhiệt lượng để tăng nước từ 6 lên 7 độ hơn là từ 26 lên 27 độ; trái lại, cần phải ít nhiệt lượng để tăng nước từ 40 lên 41 độ hơn là từ 83 lên 84 độ. Đáng khác tính lỏng của nước tăng dần khi ta tăng áp lực nhưng chỉ đến 35 độ mà thôi; quá 35 độ tăng áp-lực không có ảnh hưởng gì lên tính lỏng của nước. Khảo sát những quang-phổ hồng-ngoại của nước, người ta nhận thấy nước hấp thụ rất nhiều hồng-ngoại và cả sắc đỏ cho nên nước hơi nhuộm màu xanh nhưng chỉ cỡ quanh 35 độ! (Salama, Goring).

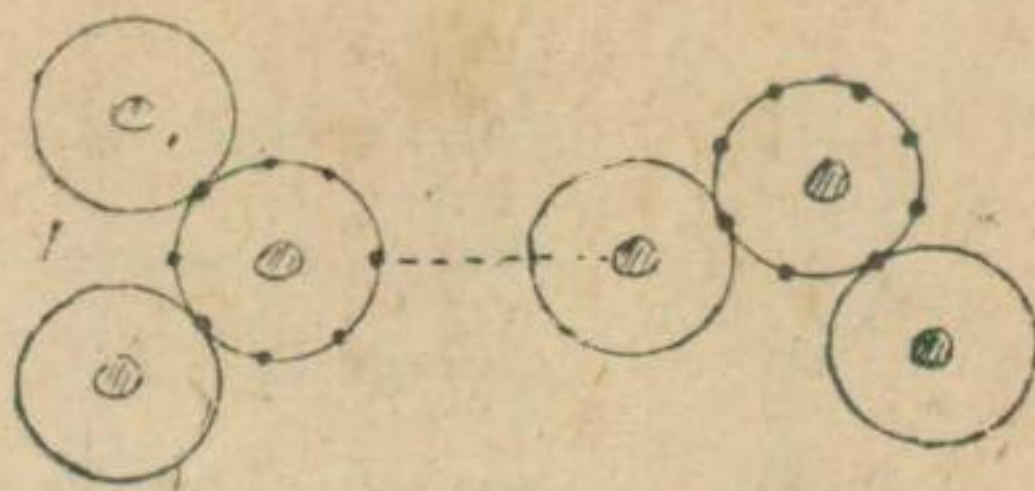
Nhiều tổ-chức: điều hòa và bất định

Đứng trước những hiện-tượng kỳ lạ này, các nhà bác học thấy cần phải khảo cứu thêm nhiều về nước, đặc biệt về cấu-tạo của nó. Ai cũng biết những phân-tử nước dính với nhau, qua những «dấu nổi khinh khí» đã thấy ở trên, để làm thành một tổ chức nào đó nhưng không mấy ai đã đồng ý về hình thức của tổ chức này.

Nhiều người cho những phân-tử nước đã kết hợp với nhau điều hòa tuy các dấu nổi rất dẻo dăng, có thể trèo qua quặp lại. Mẫu nước này đơn giản nhưng không giải nghĩa được tính chất của nước, đặc biệt những tính chất

thay đổi quanh điểm 35 độ. Có người cho nước gồm có mỗi lúc hai mẫu (Narten, Levy), hay phức tạp hơn với nhiều mẫu khác nhau. Giả-thuyết này không có gì lạ vì khảo cứu nước đá người ta đã tìm ra được 9 mẫu khác nhau (đánh số từ 1 đến 9), lúc nào cũng do nhiều phân-tử nước kết hợp lại quanh những khoảng trống cho rên nước đá nhẹ hơn nước. Vì vậy có người cho nước chỉ là một mẫu nước đá đặc biệt. Nhiều người khác, chính xác hơn, thì xem nước như là một khối gồm có độ năm mươi phân-tử nước, rất bất định, luôn kết thành, tản ra (Frank, Nemethy, Scheraga). Phần lớn các nhà khảo cứu thì tin nước gồm có một phần chất lỏng trong ấy chen lẫn một ít nước đá loại hỗn độn tuy không mấy ai chịu đồng ý về tính chất của mỗi tổ chức ấy.

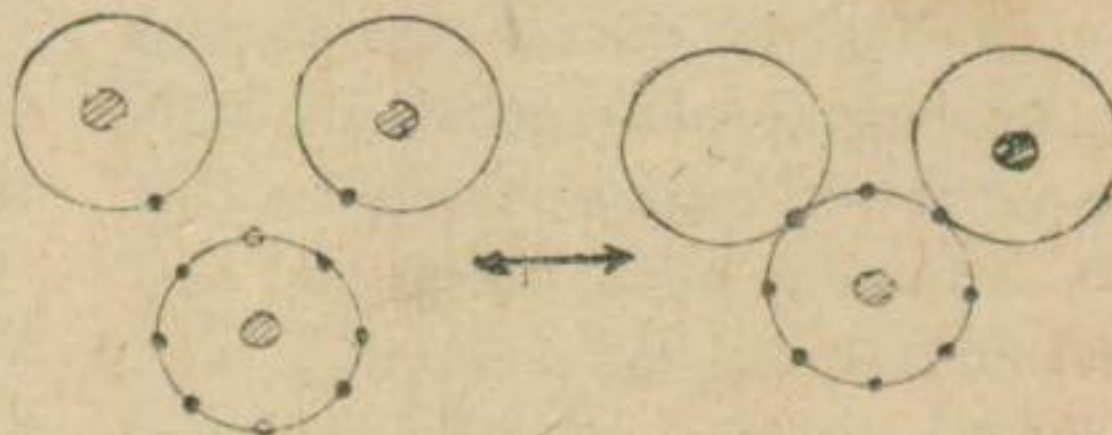
Từ mẫu nước này người ta đã thử giải nghĩa những tính chất của nước. Ví dụ khi nước lạnh lại, vì là hỗn độn nên cách sắp đặt các phân-tử nước không được chặt chẽ, những lỗ hổng đã làm cho nước phồng nở lên. Hiện-tượng này chỉ bắt đầu từ 4 độ thôi vì trên nhiệt-độ ấy, những khuấy động nhiệt-lượng còn mạnh quá nên cách sắp đặt không thành hình được. Cũng vì những khuấy động này rất còn mãnh liệt ở 35 độ nên ở nhiệt-độ ấy tính dẫn nhiệt còn cao và vì vậy tỷ-nhiệt nằm ở điểm cực hạ. Lẽ tất nhiên những giải thích này chưa đủ vào đâu.



Nguyên tử khinh khí : một điện-tử chạy quanh hạt nhân (dương tử)

Nguyên tử dưỡng khí : lớp ngoài cùng chứa đựng sáu điện-tử, luôn kiếm cơ-hội đặt thêm hai điện tử nữa để cho đủ số tám.

Khái-niệm cổ-diễn về phân tử nước : hai nguyên-tử khinh khí đặt chung điện-tử với một nguyên tử dưỡng khí.



« Dầu nổi khinh khí » : hạch nhân khinh khí (dương tử) có thể hấp dẫn những điện tích âm (điện tử của dưỡng khí).

Tuy nhiên, những cố gắng tìm hiểu về nước rất cần để giải nghĩa hiện tượng nước trùng-hợp. Nếu thật nước bất thường là một chất trùng-hợp tất nhiên phải gồm có những tổ chức chặt-chẽ và rõ ràng. Ta đã thấy ở trên, nguyên-tử khinh khí mặc dầu đã nối dính với nguyên-tử dưỡng khí, vẫn còn kết hợp được với những nguyên-tử có điện-tích âm khác. Những « dầu nổi khinh khí » này rất mỏng manh, làm sao kết nên được chất trùng hợp, thường gồm có những dầu nổi bền chắc ?

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan



Giả thuyết về siêu-thủy : mỗi nguyên tử khinh khí (chấm-tròn nhỏ) có thể kết hợp với hai nguyên tử dương-khí (chấm-tròn lớn).

Những dấu nối : sự rải rác điện-tử

Đề bắt đầu, những nhà khảo-cứu ở Viện đại-học Maryland đem so sánh những quang phổ hồng-ngoại của siêu-thủy với 100.000 quang-phổ những chất đã biết. Siêu-thủy không giống một chất nào! Nó có một cấu-tạo thật riêng biệt. Vậy thì phải xoay qua khảo-sát thêm về những dấu nối.

Gần đây, học hỏi phân-tử hytri bifluorua FHF , người ta đã tưởng hóa-chất này gồm có một dấu nối bền chắc và một "dấu nối khinh khí". Người ta đã rất ngạc nhiên khi thấy phân-tử rất cân đối và cả hai dấu nối đều bền chắc: điện-tử của khinh-khí đã chạy quanh trên hai quỹ hình ngoài cùng của nguyên-tử fluor. Hiện-tượng này được gọi là sự rải rác điện-tử. Vậy thì khái-niệm cổ điển đặt chung điện-tử với nhau để làm thành phân-tử không còn hoàn toàn

được đúng nữa : trong phân-tử, những điện-tử chạy quanh trong những quỹ hình mới của phân-tử.

Giải-thích này có thể áp dụng vào phân-tử nước : hai hay nhiều phân-tử nước có thể dính nhau không phải qua "dấu nối khinh khí" mỏng mảnh kia mà cả hệ-thống mới đã được kết cấu nên, trong ấy các điện-tử chạy quanh trong các quỹ hình mới. Những nhà khoa học ở Viện đại-học Philadelphie cho các phân-tử đã kết thành những hình mười hai cạnh gồm có mười bốn đơn-vị và những hình này lại kết hợp với nhau.

Nhưng cấu tạo này chưa được chứng thực rõ ràng. Môn khảo cứu siêu-thủy đang còn mới mẻ quá. Rồi đây nếu người ta tìm được nó khắp nơi thì cuộc học hỏi lại càng phức tạp hơn nữa. Ví dụ nếu người ta tìm ra được nước bất thường trong cơ-thể chẳng hạn thì bao nhiêu khái-niệm sinh-vật-học cần phải được kiểm điếm lại hết.

Nước trùng-hợp cũng chẳng khó chế-tạo ra : chỉ cho nước cất hai lần chảy qua những ống mao tế thật nhỏ, ở áp-lực giảm hạ, thì khoảng hai mươi giờ đã thấm được chút ít. Cái khó là ngoài 9 mẫu nước đá, người ta đã đưa ra ánh sáng khoảng hơn ba chục mẫu nước thường : tìm hiểu cho hết được chừng ấy hình-thức là cả một công việc lâu dài.

VÕ-QUANG YÊN

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

HN. 785/BYT/QCDP/16.4.44

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

C Ú I M Ắ T

từ truyện đến phim (qua các cuộc đàm thoại với BÙI-ĐĂNG và ĐỖ-TIẾN-ĐỨC)

Hồi tháng 4 năm 1968, Tòa soạn Bách-Khoa nhận được một truyện dài, tác giả là Bùi-Đăng, khung cảnh câu chuyện là một trại giam của Cộng-sản ở Miền Trung; bản thảo chữ viết rất nhỏ và đều như từng chữ của Y-Uyên. Truyện được lựa đăng trên Bách-Khoa từ số 274 (1-6-68) mang nhan đề CÚI MẶT và tới số 282 (1-10-68) mới chấm dứt. Cái tên «Bùi Đăng» tuy mới lạ đối với bạn đọc, nhưng câu chuyện thật sống và lôi cuốn, nên nhiều bạn đã viết thư về tòa soạn bày tỏ cảm tình với tác giả và muốn tìm hiểu thân thế người viết. Nhưng chính anh em trong tòa soạn cũng chỉ biết về Bùi-Đăng qua một lá thư vài hàng và một địa-chỉ của người thân của anh mà Tòa soạn vẫn tưởng là địa chỉ của chính anh. Cho tới một hôm Y-Uyên về Saigon mới «tiết lộ» tên thực của tác giả là Bùi-Đăng-Khuê, một nhà giáo như Y-Uyên, nhập ngũ cùng khóa với Lê-Tất-Điều và đã từng bị kẹt trong một trại giam của Cộng-sản ngót một năm trời... Sau này khi bị thương và được về thăm nhà, có dịp ghé thăm Tòa-soạn Bách-Khoa, tác giả «Cúi mặt» mới tâm sự: «Tôi chỉ muốn gửi bài về tòa soạn, mà không ai rõ tác giả là ai cả». Do đó anh từ chối không muốn cho hình và cũng không cuốn ghi lại «tiểu-sử» dù chỉ vài nét sơ lược.

Bùi Đăng đáng đáp thư sinh, nói chuyện thật dễ thương làm cho người đàm thoại với anh băn khoăn không hiểu tại sao một người nho nhã, hiền hòa như anh mà vẫn bị Việt Cộng bắt và lại có thể giam giữ kỷ đến thế!

— BÁCH KHOA : Anh có thể cho biết anh bị Việt Cộng bắt bao giờ và giam giữ thế nào không?

— BÙI ĐĂNG : Tôi bị Việt Cộng bắt trong một buổi đi dạy vào tháng 12-1965 và được quân đội đồng minh giải cứu và tháng 10-1966. Bị bắt và được tự do cùng vào ngày mồng 4 trong tháng cả!

Hồi mới bị bắt, tôi bị nhốt trong một cái hòm kín chỉ chứa một lỗ hồng để thở, hai tay được tự do nhưng chân thì bị cùm cả ngày. Những ngày đầu tôi lo và buồn nhưng dần dần rồi cũng quen đi. Điều làm tôi khổ sở nhất là không có thuốc hút. Đôi khi tôi phải gặm cả những mảnh gỗ

mòng cho đỡ buồn miệng. Để giết thì giờ tôi tìm cách bắt và săn đuổi những con rệp trong các khe gỗ. Sau này, mạnh bạo hơn, tôi làm quen được với hai người nằm trong những hòm bên cạnh, một ông ấp trưởng già và một anh dân vệ. Tôi tìm được cái thú mới, cái thú léa nói chuyện và cái thú được nghe truyện Ông ấp trưởng thường ngâm Kiều và nói đến những tích trong Tam-quốc để bàn luận về thể thái nhân tình. Anh dân-vệ thì nhắc đi nhắc lại mối tình của mình với những đêm trăng sáng đi coi hát bội. Tôi vui với những dĩ-vãng của họ, quên bớt được hoàn cảnh mình.

Tôi bị giam như vậy hơn 3 tháng, rồi vì hồi đó quân đội đồng minh mở nhiều cuộc hành quân tới những vùng núi âm u, chúng tôi bị di chuyển luôn. Thời gian này, thay vì cùm hai chân, chúng tôi bị còng hai tay và bị cột chằng người này với người nọ. Hồi này, phần vì các nông trại sản-xuất bị phá hủy, phần vì các kho thóc gạo dự trữ rải rác trong núi hao hụt dần, khẩu phần của chúng tôi bị bớt từ 700g xuống 500g rồi 300g và cuối cùng, vào thời gian khốn quẫn nhất, chúng tôi chỉ còn 100g. Chúng tôi phải học tập luôn luôn để giữ vững tinh thần. Nhưng vẫn có nhiều người tẩu thoát. Hầu hết bị bắt lại, bị bắn chết hay lạc trong núi rồi vì đói, chết là đi trong những gộp đá.

Thành-phần bị giam gồm nhiều loại nhưng đa số là dân quê và các viên chức hành-chánh địa-phương. Đôi khi cũng có cả cán-bộ Cộng-sản bị kết án phản động, bị đưa đi sửa sai tư tưởng. Tất cả đều được đối xử như nhau. Chúng tôi không bị đánh đập, cũng như không bị chửi mắng. Trước mắt dân quê, cán bộ Cộng-sản là những người đáng phục về tư cách, về lòng hy-sinh cũng như về sức chịu đựng gian khổ. Nhưng Cộng-sản đã lợi dụng bản-năng ham sống của con người. Tù nhân luôn luôn được sống trong ảo-giác một lối thoát tốt đẹp. Ảo-giác này được kèm theo một hình phạt duy nhất là cái chết. Thứ kỷ-luật này được thi hành một cách tỉ mỉ, kỹ lưỡng. Người nào bị chết là thường chết một cách nhẹ nhàng. Cái chết của người sáu số cũng được lợi dụng để thành một bài học cho người sống. Tất cả mọi cơ hội, mọi trường hợp xảy đến đều được nghiên cứu trước khi đem thi hành với một kỹ thuật tinh vi. Cộng-sản đã khéo léo và tinh tế khi lợi dụng được cả những khía cạnh tâm lý, những bản-năng tốt xấu tự nhiên của con người.

— Anh bị gọi nhập ngũ khóa nào và ra trường anh phục vụ ở đâu?

— Tôi bị gọi nhập ngũ khóa 2/68 sĩ quan trừ bị, bị rút sau 9 tuần huấn luyện ở Quang-Trung, tôi mãn khóa Hạ-sĩ-quan trừ bị ở Đồng-Đế và được đi học lớp Hạ-sĩ-quan Truyền-tin Binh đoàn. Ra trường tôi phục vụ ở một đơn vị tác chiến (Trung-đoàn 6 Sư-đoàn 2 Bộ binh).

— Rồi anh bị thương ở trận nào?

— Tôi bị thương trong một cuộc hành quân ở Quảng Ngãi khi Tiểu đoàn tôi vượt qua một con sông để tiến tới một mục-tiêu khác. Tôi bị trúng đạn khi đang chạy trên cánh đồng trống. Viên đạn xuyên qua bụng và làm bề mất một chút gan.

— Sau mấy tháng điều trị tại quân-y-viện, nay anh thấy sức khoẻ đã hồi phục chưa ?

— Hiện tại tôi thấy sức khoẻ mình không còn được như cũ. Tôi đã được phân loại 2 tạm thời 6 tháng (1)

— « Cúi mặt » là tác phẩm đầu hay tác phẩm thứ mấy của anh và tại sao anh lại đặt tên « Cúi mặt » ?

— Cúi mặt là tác phẩm đầu tiên, trước đó tôi chưa hề viết bao giờ.

Tôi đặt tên là Cúi mặt, trước tên vì tôi không yêu chiến tranh. Đó là lẽ dĩ nhiên, chẳng ai yêu chiến tranh cả. Sống trong một nước chiến tranh thật khó mà ngược mặt lên được. Cúi mặt còn là một hình thức chấp nhận dù là bắt buộc phải chấp nhận. Hình ảnh cúi mặt cũng mô tả được một trạng thái đau đớn âm thầm không phơi bày được.

Tôi được dịp gần gũi nhiều dân quê, một lớp người thấp kém nhất trong xã hội. Họ là những kẻ trực tiếp tham dự vào chiến tranh và chịu hậu quả của chiến tranh. Họ khao khát hòa bình hơn tất cả. Tôi yêu họ và yêu tâm hồn mộc mạc của họ. Tôi muốn viết để nói giúp họ những điều họ cảm thấy nhưng không nghĩ tới hay không nói ra được. Gạt bỏ mọi nguyên nhân, mọi lý do chính trị thì bản chất của chiến tranh, bất cứ cuộc chiến tranh nào, bao giờ cũng vốn phi-lý và tàn bạo. Tiếng kêu cứu của họ, vì vậy, đâu là tiếng kêu cứu không nên lời, theo tôi, vẫn là tiếng kêu tuyệt vọng và bi ai nhất. Sống trong chiến tranh, họ như những người chết đuối, phải sống bám vào những cái bong bóng của ảo vọng.

— Truyện Cúi mặt đã được Nha Điện-Ảnh chọn để quay thành phim. Anh có được mời tham dự vào việc quay phim này không và anh thấy từ truyện đến phim có khác biệt nhiều không ?

— Nha Điện-Ảnh có nhã ý xin cho tôi biệt phái về Saigon trong thời-gian quay phim, nhưng rồi cũng không có kết quả gì. Nhưng dịp này được về Saigon tôi cũng đã tới nha Điện-ảnh và có được gặp ông giám đốc Đỗ-Tiến-Đức và ông Đạo-diễn Thân trọng Kỳ. Tuy tôi không được xem cuốn phim thành hình như thế nào nhưng tôi cũng đã thông cảm với ông đạo diễn : Ông cho Bộ-thông-Tin, tài chánh hạn hẹp và phần nữa sự khó làm phim khăn của ông khi chuyển từ cái thể « tĩnh » của cuốn truyện sang cái thể « động » của cuốn phim.

— Sau Cúi mặt (2) anh có dự tính hoặc đã viết truyện gì kế tiếp chưa ?

— Tôi vẫn muốn viết một cuốn truyện dài khác về chiến tranh. Tôi sắp hoàn thành cuốn truyện đó, nhưng khi đọc lại tôi không vừa ý nên đã

L.T.S. Bách-Khoa phòng văn Bùi-Đặng vào khoảng cuối tháng 2-70. Lúc này nghe tin anh đã được biệt-phái về dạy học.

(1) Truyện Cúi Mặt đã được nhà xuất bản Thái-Phượng xuất bản và phát hành sau Tết. Canh Tuất, bìa là bức vẽ rất đẹp của họa-sĩ Phạm-Tăng. Sách dày trên 200 trang. Giá 1:0đ

đốt đi. Trong khi viết lần đó, tôi nhận thấy những ý nghĩ và cảm xúc của mình nồng nàn quá. Sự nồng nàn ấy đã làm tôi mất vẻ khách quan và sáng suốt. Hiện tại, tôi không có thì giờ viết lại. Phần nữa tôi viết quá khó khăn, gần như không có một năng khiếu gì về viết lách. Khi tôi viết, ý tưởng như tự nó đề ra lan man, tôi chạy theo nó một nhòai để cuối cùng chẳng nên công cán gì cả.

oOo



Trần - Minh trong vai

Thảo sắp trút hơi thở

cuối cùng

BÁCH KHOA : Khi về điều khiển Nha Điện-Ảnh, anh đã chọn *Cúi mặt* để thực hiện thành phim. Xin anh cho biết lý do sự lựa chọn của anh.

ĐỖ TIẾN ĐỨC : Năm trước, khi được chỉ định về phụ trách Nha Điện Ảnh, tôi còn nhiều hoài bão, nhiều thiện chí, nhiều sáng kiến lắm, anh. Những tưởng mình có thể làm được một cái gì chứ nếu không thì thà ngồi làm công tác hành chánh còn khỏe hơn mà lại không va chạm với ai hết. Cái ý kiến mang tiểu-thuyết làm phim cũng nằm ở trong cái đà hăng hái đó. Một phần có lẽ tôi cũng viết tiểu - thuyết nên biết cái công lao, cái suy tư của một nhà văn khi dựng một tác phẩm. Và tôi muốn phong-phú-hóa điện-ảnh nhà nước, ít nhất là làm sao có được một cốt truyện, một nội dung khả dĩ có đầu có đuôi, có tình tiết hợp lý.

Trở lại với câu anh hỏi thì tôi đã được đọc cuốn *Cúi Mặt* của anh Bùi Đăng từ lúc còn in từng kỳ trên Bách Khoa. Theo ý tôi thì đây là một truyện rất lạ với những hình ảnh hết sức đẹp. Xét về nội dung bằng một con mắt nhà nước thì *Cúi Mặt* còn là một cuốn truyện chống Cộng rất tế nhị và sâu sắc.

Từ trước, điện-ảnh nhà nước đã sản xuất những cuốn phim với cái công-thức là phải có vài anh cán bộ răng đen mã tấu, hoặc vồ răng, khù khờ, lơ ngơ đứng chia lưng cho quân ta bắn hoặc bóp cổ. Hoặc cán bộ cộng sản phải là những tên dữ tợn giết người không gớm tay. Cái lối tuyên truyền

kiểu đó theo tôi thì nguy hại lắm. Thứ nhất là tạo cho quần chúng cái định-kiến là cộng sản hung bạo. Vậy thì khi gặp cộng sản, nó nói cái gì thì ráng mà nghe, mà không theo thì sợ nó phơ mất mạng. Thứ hai là khi sau đó, sống với cộng sản, thấy chúng dân vận, lại biết tâm-lý-chiến hơn cả cán bộ thông-tin tâm-lý-chiến của ta thì lúc đó người dân đòi lập trường mấy hồi.



Kim Vui trong vai mỹ Xuân

Phim *Cúi Mặt*, tức truyện *Cúi Mặt*, đã đưa ra một mẫu người cộng sản khác hẳn. Lúc nào cũng khoan dung, lúc nào cũng ngon ngọt, nhưng coi chừng, nếu cần thì chỉ một cái búng tay đánh chóc một cái là xong một mạng ngay.

— Anh vui lòng cho biết giữa truyện và phim có những khác biệt gì để tác giả và người-đọc *Cúi mặt* sau này xem phim khỏi bỏ ngỡ.

— Khi tôi chọn truyện xong thì giao cho anh đạo-diễn Thân-Trọng-Kỳ thực hiện. Anh Kỳ đã viết bản phân cảnh kỹ thuật cũng như tìm kiếm diễn viên. Xét tổng-quát thì giữa truyện và phim không có điểm nào khác nhau xa. Chỉ có đoạn kết thì chúng tôi đã cho vai chính một hành động để phim không bị xuyên tạc là «làm lợi cho địch» hoặc «phản chiến».

— Phim «Cúi mặt» thực hiện ở đâu và diễn viên chính là những ai ?

— Phim quay tại trong Trung-tâm Huấn-luyện Quốc-gia ở Vũng-tàu. Trung tá Nguyễn-Bé đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Các nam diễn-viên gồm có: Lý quốc Mậu, Cao Huynh, Trần Minh, Hoàng Ngọc v.v... Nữ diễn-viên có Cô Kim-Vui (vai mỹ Xuân...)

— Anh có gặp những khó khăn, trở ngại gì không ?

— Khó khăn, trở ngại thì nhất định là nhiều lắm. Tôi không có thì giờ đi sát với đoàn quay phim vì còn phải đều hành công tác ở Sài Gòn nên chỉ nghe báo cáo thôi. Tuy nhiên, trước khi khởi quay, tôi ấn định lịch trình công tác là 1 tháng 15 ngày, và anh Thân-Trọng-Kỳ cũng đã hoàn thành coi như đúng thời hạn. Đây là một cuốn phim quay mau nhất.

— Xin anh cho biết phim «Cúi mặt» quay xong anh đã bằng lòng về những điểm gì ?

— Phim chưa xong nên giờ nói ra cũng chưa đúng đâu, anh. Nếu tạm kể thì tôi đã bằng lòng là được thượng cấp chấp thuận cho làm cuốn phim này, bằng lòng là được một toán chuyên-viên của Nha đã háng hái làm việc.

— Còn những điểm không thỏa mãn ?

— Trời, những điểm không thỏa mãn thì vô số. Chẳng hạn như vấn đề kiểm diễn-viên. Anh nghĩ là kiểm diễn-viên dễ hay khó ? Khó lắm. Vì số diễn-viên ở nước ta có là bao nhiêu, hai bàn tay đã thừa để đếm rồi. Không thỏa mãn khác như các hiện-diện-viên. Trung-tá Bé miễn chúng tôi, cho chúng tôi mượn cán-bộ để làm hiện-diện-viên. Nhưng các anh em cán bộ thì lại mập mạp, khỏe mạnh, tóc húi cua đồng hạng, mà lại ngồi đóng vai tù nhân của cộng sản thì nhiều khi trông có vẻ phản tuyên-truyền lắm. Không thỏa mãn vì sự diễn-xuất của diễn-viên đã chưa được như ý. Thôi để phim ra, các anh xem rồi phê bình. Thủ-ục hành chánh khi chi tiền cũng là một trở ngại hết sức to lớn.

— Và những vui buồn chung quanh phim «Cúi Mặt» ?

— Thú thật với anh là tới bây giờ tôi mới tin là quả cái tên thường hay vận vào mình. Ai bảo lấy nguyên cái tên *Cúi Mặt* làm chi cho bây giờ có nhiều người cúi mặt thật. Cũng như cuốn sách của tôi tên *Má Hồng* khiến cho tôi khi trúng giải rồi mới thật là truân chuyên. Thôi thì mua chuộc giám khảo. Thôi thì văn chương đổ-phủ-sứ, mà lại còn mặt sát thậm tệ chế độ. May mà chỉ mới mất bạn bè chứ chưa bị đi tù oan vì những lời chỉ-diềm ấy !

THẾ-NHÂN phỏng vấn

10.000 cuốn ÁO EM CÀI HOA TRẮNG

bán hết trong một tháng

✻ Truyện in offset trên giấy hồng, được các sinh-viên học sinh mua tặng cho nhau làm quà chúc Tết, quà kỷ niệm sinh nhật. Các giáo sư khuyến khích học-sinh đọc để luyện văn.

✻ Truyện làm rơi nước mắt độc giả mọi lứa tuổi.

ÁO EM CÀI HOA TRẮNG

Tác giả VÕ HỒNG nhà xuất bản LÁ-BỐI in lần thứ hai. Giá 35 đồng.

Cọp cái ba con

Câu chuyện sau đây đã được tờ Time số Việt-Nam (Thời-báo Việt Nam) đăng ảnh, và ghi lại như một tin thời-sự quan trọng, nhưng cái ý nghĩa quan trọng đối với riêng tôi lại mang rất nhiều yếu tố chủ quan phức tạp hơn nhiều.

Nguyên vào cuối năm 1960, nhân lúc vợ tôi sang Anh dưỡng bệnh, sau khi sinh hạ một đứa cháu gái và không có được sức khỏe bình thường, tôi nhân dịp Tết Nguyên-đán 1961 gần đến, quyết định đi nghỉ 10 ngày với thằng con nhỏ đầu lòng lên 4 tuổi rưỡi, đồng thời thực hiện một tuần săn bắn trong rừng cho được thỏa thích.

Kề những loại thịt rừng lớn như voi, như lợn, hay là bò rừng, beo, cọp, đã được bàn tay sát sinh của tôi hạ được một số khá nhiều, nhưng trong thâm tâm của một người đã săn bắn nhiều năm và đựng độ nhiều thú dữ, tôi vẫn chờ đợi một dịp nào đó nòng súng của mình nhả đạn quật được một con cọp lớn đáng kể mới thật bằng lòng.

Và tôi đặt hết quyết tâm vào chuyến săn này.

Năm ấy, Tết đúng vào ngày Chủ nhật. Vào hôm Chủ nhật trước đó 7 ngày, tôi lên Tùng-Nghĩa gọi con và người á-xăm giữ nó nơi một người bạn có một đồn điền cà-phê tại đấy. Qua ngày hôm sau, tôi và một người tài-xế

đi Land Rover vào rừng, cách Fyan khoảng 30 cây số ngàn, đóng trại tại làng Pang-Xim của đồng bào Tạng, giữa cảnh rừng thiêng nước độc. Làng này, không quá 20 nóc nhà, có nuôi con voi để chở hàng hóa, củi, gỗ ra bán ngoài chợ Fyan. Từ Tùng-Nghĩa, ở vào cây số 270 đường đi Đà-Lạt, đến đó phải trên 50 cây số và đi bằng Land-Rover cũng mất trên cả 4 tiếng đồng hồ. Vùng này, vào lúc bấy giờ, cũng bắt đầu mất an-ninh từ vài tháng trước. Anh Kh., Thượng-sĩ Hiến-binh, đồn trú tại Fyan, vốn là một học trò cũ của tôi ngày trước ở tại Vinh-Long, đã lưu ý tôi như thế.

Đến Pang-Xim, tôi bèn ở lại một mình, và bảo người tài xế mang xe về gửi tại Fyan cho Thượng-sĩ Kh. rồi anh đón xe đò về Saigon ăn Tết. Tôi cũng đã dặn Thượng-sĩ Kh. đem xe đón tôi đúng chiều thứ 7, vào 29 Tết và nhớ rước theo anh Di, một người Trung hoa chuyên làm da cọp ở tại Fyan. Nếu ở ngoài đời tôi vốn không quen bán da gấu trước khi sát hại được gấu, thì ở rừng rú, phen này, tôi cứ đinh ninh là mình sẽ hạ được cọp, và đã lo giữ da cọp bằng các chất muối, phen chua, mang theo đầy đủ trong số hành trang Kề ra. sự đinh ninh ấy của tôi không chút gì khoa trương, cũng không phải sự ước-đoán tiên-thiên được về thần bí của kẻ đầu tài, mà là một điều dễ hiểu: vùng Pang-

Xim này nhiều cọp có tiếng, bỏ công lặn lội cả tuần chẳng lẽ không tìm ra được một vài mống sao? Hơn nữa, tự biết rằng mình ở trong lãnh vực nào khác nếu không quen gặp may-mắn, thì trong lãnh vực săn thú rừng này, tôi được dịp may ưu-đãi nhiều nhất trong số hội-viên (1). Cũng như trong mọi phạm-trù hoạt-động, tinh thần tri chí, kiên nhẫn trong việc săn bắn là một yếu-tố quan trọng không thua gì sự may mắn, và còn hơn cả tài-năng. Về sự kiên nhẫn, tôi tự biết mình có đủ để chờ đợi và theo đến cùng một con thit rừng.

Ngay đêm Thứ Hai, tôi và người Thượng dẫn đường, vào rừng kiếm mồi như cọp. Chỉ trong đêm ấy, từ 9 giờ tối đến 3 giờ sáng, tôi hạ liên tiếp được 7 con nai, con nào cũng trên 7,8 chục ký, có 2 con lớn rất nặng, ước chừng trên 150 ký. Thật ra, không một nơi nào mà nai và cọp nhiều bằng vùng này. Nếu bạn giở địa đồ Miền Thượng tỉnh Tuyên-Đức, sẽ thấy Pang-Xim nằm vào 2 bên thượng lưu của sông Đa-Dung và sẽ hiểu rõ cái vị-trí ấy thuận lợi cho sự sinh hoạt muông thú thế nào, đồi núi với những rừng sâu vây bọc chung quanh, với những sông con tựa như các dòng suối nhỏ không bao giờ cạn. Con sông Đa-Dung ở Miền Pang-Xim cũng chỉ là 1 dòng suối đi ngang không ướt đầu gối, chạy len lỏi giữa những rừng lau, đương nửa rậm rạp như những vườn mía lâu năm không có lưỡi dao của người chiều cổ.

Tôi biểu dân làng Pang-Xim một con nai lớn để họ đánh chén, với điều kiện làm cho tôi 2 thum, đặt mồi như cọp. Cách Pang-Xim 2 cây số một làng nhỏ hơn cũng được tôi biểu một nai, đôi

lấy 3 thum. Như thế, trong vòng rừng trên 10 cây số vuông, tôi đặt chừng 5 con mồi, ở cách khoảng nhau độ trên ngàn thước, mỗi chỗ có 1 cái thum lá kín. Kể có nhiều cách làm thum rình cọp khác nhau. Phần đông thợ săn thường làm trên cây cách mặt đất khoảng 3 thước và cách con mồi đặt như độ 12 thước. Ông Ngô-Đình-Nhu, là một tay súng đã giết 13 con cọp trong suốt cuộc đời săn bắn của ông, có lối làm thum đặc biệt là đào hố rộng trên 1 thước vuông và sâu độ 1 thước ba hay 1 thước rưỡi. Lối này cực nhọc, khổ công, vì phải đào đất đem đi xa để cọp khỏi nhìn thấy dấu, nhưng được an ninh, không phải vì sợ cọp vồ mà sợ súng của đối phương. Tôi thích làm thum ở sát mặt đất, như thế không sợ thit động và tầm bắn cũng dễ hơn là ở trên cây, vừa ít tốn công và mệt mề hơn là ở dưới hố.

Đặt mồi, làm thum, hoàn thành trong ngày thứ ba. Tôi còn những 4 ngày chẵn để mà rình cọp. Mỗi sớm, đi trên đường làng, nghe tiếng cọp «bép» rộn người chung quanh. Tôi càng đinh ninh hơn nữa là trong một vài ngày tới thế nào mình cũng hạ được một chúa sơn-lâm. Sáng đến, tôi đi thăm các con mồi xem có con nào được cọp hạ cổ, để đem lại ra nằm chờ. Cả ngày, lần quần làng trên làng dưới, chuyện gẫu với đồng bào Thượng, trưa nằm đọc sách, tối uống rượu cần. Trong những ngày đi săn bắn, một mình sống giữa thiên nhiên

(1) Hội viên của «Hội Săn-Bắn Việt-Nam» do tôi và một Trung tướng bạn thành-lập, giữa năm 60, có mục-đích tổ chức sự săn bắn thành một thể-thức có qui-cử, có kỷ-luật để bảo-tồn một tài-nguyên thiên-nhiên của đất nước là thú rừng. Vì điều kiện an-ninh hạn-chế nên số hội-viên không quá 40 người, kể cả những người ngoại quốc.

với những con người giản dị đến mức thô-sơ, tôi thấy vấn-đề cơm nước không quan hệ lắm. Tôi quen ăn uống như đồng bào Thượng suốt cả tuần lễ mà không bao giờ thấy sức khoẻ mình suy giảm.

Ba ngày liên tiếp, tôi đi thăm mồi, nghe tiếng cộp «bép» rền trời, nhưng không thấy con mồi nào được cộp quan tâm, dù bấy giờ trời nóng nực, con mồi dễ có mùi mậh từ sau 24 giờ rồi.

Đến ngày thứ năm trong tuần tôi khởi sự lo, e rằng phen này lại mất công toi mà trở về không. Tôi suy luận rằng Pang-Xim cộp nhiều, nhưng thú rừng cũng quá nhiều, cho nên cộp chệ mồi chết, chỉ thêm thịt tươi, nhất là miền này chỉ toàn là cộp «noàng-gia» (royal) là cộp lớn, đẹp hơn và sạch-sẽ hơn cộp đá ở vùng ven biển Phan Rang. Phan-Thiết, Nha-Trang. .

Sáng ngày thứ sáu, tôi đi thăm mồi mà nghe thất vọng đục khoét rã rời trong lòng. Tôi chỉ cần có 24 tiếng đồng hồ nữa ở rừng, làm sao mà hạ được cộp nếu buổi sáng nay không có dấu cộp ăn mồi? Quả vậy, cả 5 con mồi vẫn còn nguyên đấy, tỏa mùi hôi nực giữa vùng cây cối lặng yên ra dáng tuyệt vọng đợi chờ. Tôi thả từng bước chán nản trên con đường về Pang-Xim, định tìm một con thú gì bắn vài phát súng cho ấm nần trời và ấm lòng mình đôi chút, trước khi vào làng dọn dẹp đồ đạc để hôm sau về Tùng Nghĩa đón một năm mới xem sao.

Lúc ấy, vào 9 giờ sáng, tình cờ tôi bắn luôn 2 phát súng hạ liên tiếp 2 con chim hồng-hoàng đang ăn trái trên một cây đa ở cổng làng. Hồng-hoàng là một loài chim to nhất ở Việt-Nam, mỏ vàng, đỏ, đen thật đẹp và lớn, khi bay cánh quạt ào ào cả một vùng rừng, tiếng mổ

khua dầy lách cách nghe vang cả núi. Tôi đã hạ giống chim này nhiều lần, nhưng chưa lần nào liên tiếp hạ được cả cặp, vì giống chim ấy đậu cao, thuộc loại hết sức thính tai, lanh mắt, và rất nhát sợ. Về màu sắc lông cũng không có giống chim nào đẹp bằng hồng-hoàng, nên tôi quyết định về làng lột da, ướp muối phen gửi về Sài-gòn thuộc, ít nhất cũng giữ được một kỷ niệm của chốn rừng xanh, sau cả từng lễ hoài công đi tìm dấu cộp.

Đang khi tôi nhậ cặp chim, thì một thanh-niên trong làng Pang-Xim, nghe tiếng súng nổ, biết tôi về đến vội vã chạy ra gặp tôi và mang một tin hết sức xúc động: đêm rồi, một con cộp không lờ về đầu làng, bắt con heo lớn của bà cụ nọ, tha đi để bên lề đường ăn hết phân nửa con, còn để phân nửa còn lại đó. Bà cụ chưa muốn mang về vì còn chờ xem ý kiến của tôi. Tôi mừng quýnh lên như người đi xa về quê ăn Tết vào chiều 30 bị trễ xe hàng, mà lại được chiếc xe nhà cho phép quá giang để kịp về với gia đình sum họp.

Lập tức tôi chạy đến nhà bà cụ, đề nghị cứ để nửa con heo ngoài rừng đó cho tôi rình cộp. Tôi trao cho bà 500đ cao hơn thời giá nửa con heo nhiều. Như thế, bà cụ cũng đỡ buồn phiền về nỗi thiệt hại, và tôi cũng thêm được chút hy vọng hạ con cộp này vào lúc chiều tối.

Tôi theo người làng dò xem địa thế thấy dấu vết của một chúa sơn lâm — chưa rõ là ông hay bà — rất lớn, ước đoán dài trên 3 thước. Hơn nữa, con heo nặng trên 100 ký mà chỉ còn lại chưa đến phân nửa sau bữa ăn khuya sơ sài thì biết con thú phải to béo đến chừng nào. Song điều khiến tôi thắc mắc là

con thú to lớn ấy sao không tha nổi con heo như thế khỏi làng thật xa để ăn cho được kín đáo, thư thả mà phải kéo lê xuống đất, qua các dấu máu lết đầy trên cỏ, và phải dừng lại cách làng không quá một trăm rưỡi thước, để nửa phần heo còn lại trần trụi ngay bên lề đường, cạnh vực sông Đa-Dung, mặc kệ cho đám diều, qua kênh kênh... Nhưng điều mà tôi có thể biết chắc là chiều hôm nay con cọp sẽ trở lại mời của nó, và tôi có nhiều may mắn để hạ sát nó một cách dễ dàng. Một sự thực ở đường rừng mà ai cũng rõ, là khi cọp đã bắt mồi, đã ăn dở dang, thì bao giờ nó cũng quay trở lại để thanh toán nốt. Phải chăng, miếng ăn dở dang có cái ý vị hấp dẫn, hay cái công khó tìm mồi buộc nó trở về với món thịt thừa để khỏi dọn cỗ cho người khác xơi? Người ta có thể nghĩ đến một cái ý-niệm phôi thai về quyền tự hữu chính đáng ở trong loài thú, muốn được toàn quyền xử dụng những gì của mình, do công sức mình tạo lập, không chấp nhận sự ngăn trở, phá phách của kẻ bên ngoài. Do đó, gặp những trường hợp con thú hồi đầu lại những thức ăn bỏ dở, thì hạ sát nó là việc trở nên dễ dàng. Trái lại, những con mồi do thợ săn bố trí, không được cọp tha thiết bằng. Nếu nó có nếm qua thử và đủ ngon miệng chẳng nữa thì việc quay lại của nó cũng vẫn là chuyện ghi phỗng, không như trường hợp con mồi do công sức nó rình rập và chiếm đoạt được. Có lẽ đó là điểm cọp giống người, tất nhiên trong tiếng người bao quát này phải gạt bỏ bọn nục nát ở trong xã hội và bọn chính khách lưu vong chỉ thích xơi cỗ do người dọn sẵn.

Quan sát địa thế, tôi thấy vị trí phục kích con cọp rất là thuận lợi. Nửa con heo bên kia đường, gần một vực sông rậm rạp toàn sậy và bưng; bên này con đường cách đó không xa hơn mười lăm bước, cứ một bụi tre lớn rậm. Theo các dấu vết, tôi đoán, sau bữa ăn no, cọp đã rút về phía dưới miếng mồi bỏ dở, nghĩa là phía vực Đa Dung để mà giải khát và tìm một chỗ kín đáo nghỉ ngơi không xa cách nước bao nhiêu, hầu tiện uống nước trở lại trước khi quay về với bữa ăn tối. Tôi quyết định dùng bụi tre làm thum để núp trong ấy bắn ra, vì cọp nếu đến tất phải đi lên từ phía vực sông như dấu rút lui của nó.

Sợ cọp lôi nửa con heo đi mất trước khi mình kịp nổ súng, tôi cho đóng một cọc tre sát xuống mặt đất, lấy dây tre buộc thật chặt cả hai chân heo vào cọc. Làm thum, thì khỏi tốn công, vì bụi tre đã rậm sẵn, tôi chỉ cần chun vào đó ngồi rình, dựa lưng vào phía thân tre có các nhánh dày đặc phủ quanh, tỏa rậm xuống gần mặt đất. Thêm vài lát dao, lát rựa là tôi có một cái thum thiên nhiên hoàn bị. Đặt một ghế tre của đồng bào Thượng trong đó mà ngồi nhìn ra thì có thể thấy nửa con heo mồi rất rõ, trái lại bên ngoài nhìn vào không thể thấy được gì hết vì cành lá tre chẳng chịt.

Bố trí xong rồi, tôi đi vào làng ăn trưa và ngủ một giấc ngon lành. Đến 4 giờ chiều, tôi lo sửa soạn súng ống, đèn đuốc đầy đủ và ăn một bát cháo gà trước khi vào ngồi trong thum. Đến 5 giờ chiều tôi dẫn theo một thanh niên người Thượng để cùng ngồi rình và trợ lực tôi, nếu cần. Tôi mang theo cây súng Weatherby, khẩu kính 375 và một cây súng Marlin 2 lòng trên dưới, khẩu kính 12. Tôi sẽ xử dụng đạn riạ

9 viên (chevrotine) với khẩu Marlin trong trường hợp trời quá tối cần phải dùng đèn, và nếu còn sớm thì sẽ dùng đạn súng trường 375.

Súng đạn thật quá đầy đủ, nhưng cách bố trí thật quá sơ sài. Tựa sẵn nhìn thấy cái thum thiên-nhiên của tôi, có thể cho rằng tôi quá liều lĩnh, không dự liệu đến trường hợp con thú bị thương chỉ trong nháy mắt lướt đến giết tôi một cách dễ dàng. Tôi đã nghĩ đến điều đó. Nhưng tin cậy ở cây súng của mình và suy luận rằng viên đạn đầu tiên nếu không hạ ngay con thú tại chỗ thì ít ra cũng đập bật nó ngã xuống vực thấp hơn mặt đường những 4,5 thước. Như thế, con vật muốn vượt lên để tấn công không phải là chuyện dễ dàng, dù nó bị thương và chưa chịu chết. Kề ra trong việc săn cộp tốt hơn là nên dự liệu đến mọi biện pháp phòng ngừa càng chắc càng tốt, và không khi nào dư thừa. Chỉ ngồi dựa lưng vào tre, có mỗi bức màn lá mền che chỗ trước mặt là làm một việc liều lĩnh. Nhưng tôi còn có ưu thế là ở dưới gió, và trên phía mặt trời lặn.

Từ nơi bụi tre, tôi đưa súng lên nhắm thử, thấy nếu còn chút ánh sáng thì tôi có thể nhắm được con mồi rõ ràng, và khó mà trệt một cái mục tiêu ở cách xa mình chừng mười lăm bước. Nhưng mặt trời lặn trong rừng quá đổi là nhanh ! Mới hơn 5 giờ mà ánh nắng đã vụt tắt, bóng tối theo cùng bóng núi, bóng cây càng lúc càng trải dài ra rộng ra, xâm chiếm không gian. Tôi và người thanh niên Thượng không ai dám nói với ai nửa lời, giữ sự lặng thinh tối đa, tránh mọi khua động, tất cả cử chỉ được đo lường trước một cách chu đáo, đến hơi thở mình

cũng muốn chèn ém cho hòa mắt theo hơi gió về chiều. Tôi ngồi trên ghế, cây Weatherby cầm sẵn trên tay, cạnh người bạn Thượng đứng yên như một khúc gỗ với khẩu Marlin cầm đứng bên hông, cả hai khẩu súng đều đạn lên lòng, và khóa an-toàn đều được mở sẵn.

Chúng tôi ở trong tình trạng chờ đợi căng thẳng như thế suốt cả một tiếng đồng hồ. Đúng 6 giờ tôi đưa súng lên nhắm thử thì thấy ánh sáng đã thiếu lắm rồi, buộc lòng phải giao cây Weatherby cho người bạn Thượng, lấy cây Marlin có sẵn 2 bi đạn chì — mỗi bi 9 viên — nằm sẵn trong lòng. Đang nhắm thử cây Marlin thì từ xa vắng tiếng “bép” lạnh lạnh vang lên, dội cả khu rừng, khiến cả một vùng không gian rộng lớn ở chung quanh tôi phút chốc như chết lặng đi, không còn một tiếng cầm thú, côn trùng khua động. Một sự tương phản hết sức đột ngột, sững sờ. Trước đó, sao mà tiếng rừng xôn xao là thế : nào gà rừng kêu, công gáy, vượn hú, nai la, mang tác, dơi rí, cùng bao nhiêu là tiếng ve, tiếng dế, châu-cào, thằn lằn đua nhau than vãn như nuôi tiếc vùng sáng ấm của mặt trời chiều. Nhưng khi tiếng “bép” oai hùng của chúa sơn-lâm choàng dậy, thì vạn vật đều nín lặng tựa hồ như vội sụp lạy, úp mặt xuống đất dấu kín hơi thở của mình, tạo một khoảng trống kỳ lạ, tưởng gió cũng ngưng cơn thổi, cây cối cũng ngừng rung rinh, và đám dân làng vụt xóa bỏ hết hoạt động của mình.

Những người săn cộp ngồi thum đều có kinh nghiệm sâu xa về sự thay đổi đột ngột từ cảnh xáo xác ồn ào đến sự thinh lặng quái đản khi chúa sơn lâm

xuất hiện. Sự thay đổi ấy dễ khiến tim người thợ săn đập mạnh hơn lên, hơi thở có lúc tưởng như muốn đứt. Và đó là cái khoái cảm lạ lùng của sự săn cọp.

Đúng 6 giờ 15 phút, vùng tối nhá nhem đã dày đặc thêm, nhưng đưa súng nhắm con mồi tôi còn nhận được loáng thoáng màu trắng của thân bụng nửa con heo và lấy đó làm tiêu chuẩn để hướng dẫn đường súng đạn. Bảy giờ, ngực tôi hồi hộp mỗi phút càng thêm hồi hộp, tiếng thở hào hển của người bạn Thượng k ề bên lại càng hào hển hơn lên, khiến tôi e ngại gần như bối rối sợ cọp nghe được tiếng thở của hai chúng tôi. Ước gì vạn vật lại được ồn ào trở lại như lúc bình thường. Vừa may lúc ấy tôi nghe tiếng chuông từ nơi con voi trên làng khua động leng keng không biết khi nào. Leng keng...Leng keng.. tiếng đồng càng sáng trong hơn giữa cái im lặng nặng nề, làm tôi chợt tỉnh người lại, cảm được xúc động của mình, giảm được sức mạnh trống ngực, dần dần tìm lại được sự bình tĩnh tĩnh.

Liền ngay khi đó, từ trong vùng tối ở dưới mé vực, xuất hiện không một tiếng động, không một mùi hôi, không một dấu hiệu, một cái bóng đáng nhẹ nhàng lạnh lện làm sao, tưởng như một loại linh hồn mang hình ảnh cọp.

Trời đã tối sẫm, tôi không nhận được màu vàng của con ác thú chỉ thấy lò mờ vệt xám và những vằn đen trên một thân hình rất cao mà cũng rất gầy. Bóng tối rừng ch ều và xúc động mạnh vừa qua làm cặp mắt nhìn của tôi sai lạc, hình vóc con thú trở thành quá đối dị kỳ và mùi hôi thối bỗng thành nồng nực. Phía bên bụi tre có phần thấp hơn nên tôi dễ có cảm tưởng hình bóng con cọp cao hơn đầu tôi nhiều quá và

trong một phút tôi bỗng mất cả bình tĩnh, sợ muốn run cả người lên. Và liền khi đó, bóng đen vẫn vận nhồm mình trên đôi chân trước, sừng sững đứng bên kia nửa con heo, đầu quay bên này bên kia đề độ dẫm, rồi cúi gằm xuống đề ngửi miếng mồi, đoạn ngược lên nhìn thẳng về phía tôi, như chú mục vào bụi tre đáng ngại lù lù ở trước mặt mình. Lúc ấy tim tôi tưởng muốn phá vỡ lồng ngực và đầu óc tôi cuồng loạn như sắp nổ tung.

Nhưng màn lá tre kín đáo đã che giấu được hơi người và hơi thép súng. Bóng đen yên tâm, cúi xuống con mồi, khởi sự tấp nh ững miếng mồi. Tiếng tấp phập phập vội vã, đăm mê, giúp tôi tỉnh trí và cái bản chất của người thợ săn dần được sống lại trong tôi như một quyền phép nhiệm màu. Từ từ tôi đưa cây Marlin lên, nhắm cái màu trắng thân bụng con heo và sửa đầu súng cho đúng mục tiêu mà tôi định ninh là ngay bả vai trệt xuống yết hầu ác thú. Chớp nhoáng, tôi cho nổ một phát súng 12 vang dậy như xé không gian, như đập vỡ cho tan nát sự yên lặng của muôn loài... Tức thì một tiếng găm lên, la lên, thét lên, vừa ầm lại vừa chát chúa, vừa khan khào, vừa đứt đoạn, vừa liên tục, rền vang hơn tiếng súng nhiều, hải hùng hơn tiếng voi rống và có vẻ gì ai oán ghê rợn hơn sự kêu khóc của người. Tôi không có đủ từ ngữ thể hiện xác thực những tiếng găm thét của một con hổ bị thương. Bảy giờ tôi cuống người lên vì tiếng găm thét kỳ quái làm tôi hoảng sợ, tôi tưởng như tiếp sau tiếng súng nổ nhìn thấy bóng đen bay dựng lên trên không trung, rồi ngã bật ngửa về sau, lăn xuống vực sâu, luôn luôn găm thét như một quái vật có cánh ở trong thần thoại. Ai Cập vương phải tên độc mà tôi còn

ghi nhớ trong ký ức. Người bạn Thượng tôi cũng quá mất hồn, vội bám các cành tre để leo lên, nhưng thân tre yếu gãy sụp khiến anh ngã xuống đè bẹp lên tôi làm cả hai người cùng té bò càng trên đất. Sự việc này xảy ra quá đột ngột tôi không thể nào trở tay cho kịp, nhưng giúp tôi chóng lấy lại tinh trí sau cuộc va chạm mạnh mẽ mặt đất vừa hứng chịu cả khối nặng của người bạn Thượng trên thân thể mình.

Đứng dậy tôi bật đèn dầu và rọi về phía con mồi, biết rằng nó đã té xuống vực sâu, cách dưới mặt đường độ 4,5 thước. Con cạp bị thương vẫn còn la hét như đau đớn lắm và đang oằn oại lẫn lộn giữa đám lau sậy gãy nghe rôm rốp.

Tôi vẫn chưa dám đến gần, chỉ đứng rọi đèn và chuẩn bị sẵn súng đạn đề phòng bất trắc. Dân làng nghe tiếng cạp bị thương gầm, kéo ra đứng ngoài sân ở nơi xa nghe ngóng bàn tán những gì không rõ và khi tôi rọi đèn vào chỗ họ, tôi đọc thấy vẻ sợ hãi trên mặt mọi người.

Con cạp tiếp tục oằn oại, lẫn lộn, gầm thét gần nửa giờ sau mới tạm êm đi, nhường cho tiếng thở hồn hển và tiếng rên rỉ nhẹ nhẹ. Lúc ấy tôi mới dám bước lại chỗ nửa con heo mồi, rọi đèn xuống vực cố tìm gặp trong đám lau sậy um tùm kia cặp mắt con vật, đề bồi thêm một phát súng thứ hai. Nhưng ánh đèn đảo rọi nhiều lần vô hiệu, và cuối cùng không còn nghe một tiếng động nào, một hơi thở nhỏ nào nữa. Phải chăng ánh sáng từ đầu đã khiến nó cố chui lết đi xa trong khi tôi cứ đinh ninh là nó vẫn nằm yên đấy giữa con hấp hối?

Bây giờ nếu tuột xuống vực đề theo

dấu nó thì quá hiểm nghèo vì lau, sậy và đưng quá rậm rạp, không một khoảng trống, không một đường mòn. Tôi gọi người làng mang ra một cây sào tre khá dài khoảng 8, 9 thước để đập xọt trong các lùm, các bụi dưới vực, hi vọng tìm thấy một dấu vết nào, một phản ứng nào. Nhưng sau một hồi luống công tìm kiếm, tôi thấy việc làm của mình ngớ ngẩn, có khi hiểm nghèo là khác. Vì nếu con thú còn sống mà suy yếu rồi thì nó sẽ chui đi mất, trái lại nếu còn sức mạnh nó sẽ giận dữ trườn lên tấn công bao nhiêu người đứng chung quanh và có thể gây khá nhiều án mạng một cách dễ dàng.

Tôi đành về buôn, quyết định đề sáng hôm sau tiếp tục theo đuổi, nếu cần.

Tôi nằm trần trọc trong ngôi nhà sàn cả đêm không sao ngủ được, đầu óc cứ mãi lẫn lộn suy nghĩ. Nếu cạp chết trong đêm nay thì bộ da nó sau nhiều giờ bị hôi thúi sẽ không thể nào tốt được, đó quả là điều đáng buồn. Nhưng liệu phát súng của tôi có trúng chỗ hiểm nó không? Tiếng cạp sau khi bị thương còn mạnh mẽ quá, phải chăng đó là triệu chứng cho biết nó sẽ thoát nguy? Tôi nhớ trong một quyển sách nói về săn bắn, tác giả có lưu ý rằng, khi một con thú bị thương là hết quá nhiều thì ta có thể đoán được là nó bị thương nơi bụng, vì vết thương này không gây cái chết mau chóng nhưng lại đau đớn vô cùng; nếu bắn trúng gan con thú sẽ bị mê ngay, còn trúng ở các nơi khác thì gặp chỗ hiểm nó sẽ chết liền, không phải chỗ hiểm nó chịu đựng được, ít khi gào thét, rên rỉ. Tôi những lo âu là mình đã bị thất bại, như thế càng nguy hiểm hơn, vì cạp bị thương nay mai sẽ tìm trở lại trả thù dân làng, bắt người, bắt các súc

vật, gây những tai nạn khủng khiếp bao nhiêu. Sự căm hận của loài thú, nhất là loài cọp, đã được chứng thực một cách quyết liệt, dai dẳng trong nhiều trường hợp ở mạn đường rừng. Ý nghĩ sau này làm cho lương tâm của tôi càng bất an hơn, tôi trông mau sáng để tìm giết chết con vật bị thương này cho kỳ được. Bởi ngoài niềm vui của việc truy kích một con ác thú đã mang thương tích, còn cái trách nhiệm đối với dân làng Pang Xim đã tốt với tôi trong cả tuần nay. Gây cái di-họa cho những con người đã sống tử tế với mình, làm sao chúng ta có thể tìm thấy được sự yên vui?

Trong bao nhiêu đêm săn bắn mà tôi đã trải qua rồi không có đêm nào dài đặc và đầy cực nhọc trong lòng như cái đêm trường thao thức ở buôn Pang-Xim. Vào sáng hôm sau tôi chỗi dậy sớm, ăn uống sơ sài. Tôi muốn tìm ngay địch thủ, một địch thủ bị tôi săn mà cũng có thể hóa thành thợ săn để biến tôi làm con mồi yếu đuối. Tôi và một người trai tráng trong làng đã được giới thiệu như là can đảm và kinh-nghiem nhất ra đi đúng 7 giờ sáng. Một số người lớn, nhỏ hiếu kỳ nhút nhát theo sau.

Đạn 375 Weatherby vừa khó kiếm lại mang theo ít nên tôi muốn dùng cây Marlin với 20 bĩ đạn 12 cùng cây súng trường Remington khẩu kính 222 Magnum mà tôi cho là nhẹ nhàng và đích xác hơn. Cây Remington này đã hạ sát không biết bao nhiêu hươu nai và đạn 12 mua, vì nhỏ và nhẹ, nhưng sức phá đáng kể. Tôi lại còn những trên tha hồ sử dụng nếu cần.

Đến địa điểm tôi xem xét các

dấu vết, thấy những đồng máu đã khô, đồng nào cũng lớn bằng cỡ cái nón hay là hơn thế. Chung quanh vắng teo, không triệu chứng nào cho biết con vật còn ở gần đấy. Tôi xem kỹ lại dấu máu biết rằng vết thương tuôn máu khá nhiều nhưng không trúng chỗ độc hiểm vì máu máu tươi và máu quá loãng không bọt bèo gì. Như thế con vật hẳn là chưa chết, nhưng cả một đêm đau đớn và mất nhiều máu chắc đã suy yếu lắm rồi. Nhưng một con cọp suy yếu vẫn còn là một hiểm họa khôn lường. Tôi quyết đi lùng nó cho kỳ được, nhưng trong thâm tâm không khỏi lo sợ cho tôi và cho người Thượng theo tôi. Hơn nữa, địa thế lại rất bất lợi, vì như tôi đã trình bày, vùng hai bên sông Đa dung toàn là lau, sậy và đưng chằng chịt, um tùm bủa kín, muốn đi phải tự dọn đường, nhiều khi chun rúc, bò trườn giữa một rừng lá bén nhọn chỉ chực cắt đứt mặt mũi tay chân. Đã thế mắt nhìn bị cái màn lá dày đặc vây quanh không thể phóng xa ngoài 3,4 thước, nên việc truy kích một con ác thú trong địa thế này là việc hiểm nghèo. Tôi cũng biết vậy, nhưng xưa nay đã quyết định việc gì thì tôi không chịu lùi bước, dù gặp phải khó khăn nào. Đó là bản chất vừa là thói quen, có thể coi như tính tốt hay là tật xấu, tùy theo trường hợp.

Người Thượng dẫn đường mang cây Remington và bao đạn dùng móc chặt qua một vài thân sậy, thân lau để tôi theo sau. Chúng tôi chăm chú lần bước, tai luôn nghe ngóng mọi sự động tĩnh. dừng lại quan sát kỹ lưỡng mỗi khi bắt gặp dấu máu. Con vật bị thương mất máu phải tìm nước uống, nhưng nó không bao giờ đi đường ngay mà

tìm mọi cách quanh co giữa những bụi lùm rậm rạp, cố tránh xuất hiện ở các khoảng trống. Vì thế sự việc chui rúc lom khom, nhiều khi chun bò, liên tiếp trong gần 2 tiếng đồng hồ là cả một sự thử thách đối với sức khỏe chúng tôi.

Kể từ mé vực, chỗ nửa con heo còn lại, đến mé Đa-dung, đường ngay không đến 100 thước, mà theo dấu vết con vật chúng tôi phải đi lẩn quẩn đến có 2 cây số ngàn là ít. Có lúc tôi hy vọng gặp con cạp nằm chết ở ngay bờ suối vì cái trường hợp con thú bị thương tìm nước uống xong rồi chết tại chỗ vẫn thường xảy ra, do bị xuất huyết nội-tâm. Nhưng đến bờ suối tôi biết là con ác thú đã uống nước xong và qua suối rồi, có lẽ trước khi trời sáng, vì có dấu nó nằm nghỉ trên cát ở bờ bên kia, mà trên đường suối nó qua nước đã trong vắt, không có một vết đục nào khả nghi.

Chúng tôi qua suối, bảy giờ hơn 9 giờ sáng. Mới đi khỏi bờ được chừng mười bước, trong khi người Thượng đang chặt lau sậy và tôi theo sau thì bỗng từ bên phía trái có tiếng ào ào xông tới, cây cỏ rung mạnh trong tiếng «hập, hấp» kinh hồn. Trong một thoáng, con ác thú đã xông tới rượt người bạn Thượng. Anh chàng mặt mày xanh bầm, bốc chạy về phía tay mặt của tôi, tưởng như tóc tai anh ta đều dựng đứng dậy. Một con cạp khổng lồ, vàng rực và lông mượt đẹp tôi chưa từng thấy bao giờ, rượt theo người Thượng không xa quá một thước và lướt ngang qua mặt tôi không quá một tầm chân đá. Cây súng Marlin sẵn trên tay tôi, nhưng biến cố xảy đột ngột và nhanh chóng quá tôi không bắn kịp vào đầu hay vào hông nó mà chỉ kịp bắn vào mông con vật khi cả

thân mình của nó đã vượt khỏi tôi hơn một thước rồi.

Cái may của tôi là nhờ tôi mặc quần áo ngực trang loại đi săn bắn le-le, trong khi người Thượng lại mặc đồ đen, nên con cạp này không thấy tôi trước. Nó chỉ liếc mắt lên nhìn thấy tôi khi ở trên đà vượt qua hết nửa thân mình và liền sau đó phát súng 12 đã nạp vào mông, đập nó té về phía trước lăn đôi ba vòng. Rồi nó rút luôn đi về phía ấy, không nghe một tiếng kêu rên, chỉ những lau sậy rung rinh báo hiệu ngã đường mà nó vụt biến.

Bảy giờ tôi đứng sững người, như ngây như dại. Phát súng bắn đi chỉ là cử động của bàn tay tôi, chứ chưa chắc gì người tôi hoàn toàn trách nhiệm về phản ứng ấy. Sau này nghĩ lại mới thấy nhờ phát đạn ấy tính mạng người bạn Thượng được cứu thoát, và cũng nhờ chút trễ nãi mà mạng của tôi đã được bảo toàn. Bởi vì nếu tôi có bắn sớm hơn được một hai giây, nhất là khi nó chưa đến ngang trước mặt tôi, đầu cho viên đạn có trúng vào đầu vào ngực của nó chẳng nữa, thì trước hơi thở cuối cùng liệu trên 200 kí thịt hung bạo và sắc bén kia sẽ gây cho tôi một cái kết quả thảm khốc chừng nào.

Tôi đứng yên lặng như thế gần mười lăm phút, không biết suy nghĩ gì cho rõ ràng, mãi khi người Thượng trở lại đứng sau lưng tôi hồi nào chẳng rõ lên tiếng hỏi tôi : «Nó đâu rồi ông?» tôi mới tỉnh hẳn. Tôi lấy cây Remington nhắm vào chỗ đám cây ở chuyền động bắn luôn 4 phát. Có thể nó còn nằm đó đợi sự phản ứng của tôi và chờ tôi đến đề mà tấn công. Nhưng ngoài cây cỏ rung rinh tuyệt nhiên không thấy

bóng hình gì khác. Những phát súng này đã xua đuổi nó hơn là gây thêm cho nó được vết thương nào. Sau đó, bốn bề trở nên yên lặng như tờ.

Làm dạn lại, tôi đến quan sát thì thấy một luồng to bằng thúng giạ đi ngang các bụi lau sậy rậm dày. Tôi lần chun theo một khoảng gần hai chục thước không thấy gì hết, bỗng sinh sợ hãi nên quay trở lại. Người bạn Thượng cũng bỏ theo nhưng tinh thần anh đã mất hẳn rồi, nhìn vẻ xanh bầm trên mặt điềm hai con mắt lão liên trông đã khờ đi của anh, tôi cũng nao núng đã toan bỏ cuộc quay trở về làng. Nhưng vừa lúc ấy tiếng chuông của con voi — con voi ở Pang xim có đeo nơi cổ một cái chuông đồng bằng cái tổ — văng xuống và gọi cho tôi một ý. Tại sao không đem con voi đi càn lau sậy để đuổi theo con ác thú? Lập tức tôi nhờ người Thượng quay trở về buôn đem 200đ mượn voi một ngày để săn con cọp bị thương. Tôi còn dặn anh lúc băng qua suối nhớ lấy theo đề trên bành vài ba chục viên đá cuội cỡ lớn để tiện từ trên chọi xuống xua cọp.

Gần nửa giờ sau thì tiếng leng keng rõ dần, con voi của dân làng lướt lau đập sậy đến nơi, chờ tôi xếp đặt kế hoạch tấn công theo vết máu mới của cọp. Phát súng ban nãy của tôi trúng vào phía sau con thú, tuy không hạ nổi được nó nhưng làm nó yếu thêm nhiều và đi tới đâu nó để vết máu mới lại, nhờ đó

tôi phân biệt được lối đi mới mẻ với những lối đi đã cũ. Vì từ sáng nay con vật đã đi qua, đi lại, bước tới rồi trở lui khá nhiều lượt, có lẽ luôn tìm cơ hội phản công.

Tôi dặn người nài cứ cho voi đi về hướng tôi chỉ, hề thấy có dấu hiệu gì thì cứ lấy đá ném xuống, cốt sao cho cọp xuất hiện là tôi tin chắc có thể hạ được nó ngay. Phần tôi, tôi ở dưới đất, đi sát bên cạnh chân trước của voi, sẵn sàng nổ súng khi thấy bóng con ác thú. Như thế chúng tôi tiến tới, mỗi lần ở trên đá cuội ném xuống và tôi nhìn thấy có động là bắn xả vào, khi đạn 12, khi đạn 222, nhưng không lần nào nhìn thấy một chút thân cọp để bắn cho được đích xác. Tất cả trên 40 phát đạn bắn vào đám lau cỏ dày đặc chỉ để xua đuổi ác thú mà thôi.

Trong chuyến săn bằng voi này, có hẳn ba lần tôi tưởng thấy được mục tiêu, nhưng trước sau chỉ có nghe tiếng cọp vỗ voi mà không thấy được con vật, dù chỉ là thấy mỗi một cọng đuôi hay một vành tai của nó, bởi những lá cành quá đổi rậm rạp che kín chung quanh. Mỗi lần con cọp đứng lại phản công, miệng gầm «hập hấp» thân lướt về phía đầu voi, lau sậy rôm rốp gãy lìa trong tiếng chuyển động ào ào như con trâu điên lội chạy giữa một đám mía. Mỗi lần như thế, con voi thối lui, dù cho người nài đâm thúc cách nào cũng mặc. Đến lần thứ ba, chẳng những voi đã thối lui

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

mà còn muốn chà cả hai chúng tôi dưới đất. Cuối cùng người nài chịu thua, bảo tôi là voi anh ta sợ cạp, không có cách gì để tiến tới nữa. Nếu ép bức nó e nó sinh giận gây hại cho chúng tôi chẳng. Bây giờ tôi mới nghĩ ra là những loại voi nhà này không phải như các loại voi đã được huấn luyện sẵn cạp như thường gặp ở Ấn-độ, hoặc thường thấy trong sách vở hay trên màn ảnh.

Nghe người nài nói, tôi chỉ biết có thở dài. Bây giờ trời đã đứng ngọ, người tôi mệt nhoài, quần áo ướt đầm như tắm. Tôi đã cố gắng liên tiếp suốt trong 5 tiếng đồng hồ, tinh thần căng thẳng tột độ, tất cả nghị lực thể xác đều được sử dụng đến cùng. Uể oải, kiệt quệ, tôi nằm vật ra trên cỏ nhắm mắt nghỉ mười lăm phút. Con voi và hai người Thượng cũng đứng lặng yên. Chỉ có tiếng gió đuu hiu đưa ngọn lau sậy rì rào lẫn lộn tiếng đồng leng keng của nhạc chuông voi. Tất cả như vẽ những nét ê chề của cảnh thất bại buồn nản.

Sau đó, tôi ngồi dậy, bảo quay về làng nghỉ ngơi và ăn cơm trưa. Bây giờ voi và người như tỉnh lại, hăng hái trở lui, băng lau lội suối nhanh nhẹn một mạch, không đầy mười phút là tới bờ rồi. Chúng tôi vội vã ăn cơm liền đó vì ai cũng đói lắm người.

Phần tôi quá đói nhưng cũng quá mệt nên không sao nuốt được hết một chén cơm Thượng. Hơn nữa đầu óc của tôi không sao rời được hình ảnh của con ác-thú, nó to lớn quá, vàng rực và đẹp làm sao ! Và l'ém sao tôi quên được cái liếc mắt nhìn sáng quắc của nó khi nó hùng hổ lướt qua mặt tôi ! Làm sao tôi lại có thể chịu thua một con cạp dữ coi như đã chết đi nửa phần rồi ? Nếu tôi không hạ sát nó thì rồi mai đây nó sẽ chết chẳng, hay trở thành một hiểm họa nặng nề cho cả dân làng ?

(Còn 1 kỳ)

HUỖNH-VĂN-LANG

(Trích Hồi ký « Nhân chứng của một chế-độ »)

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ĐÓN ĐỌC HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA ĐẶNG TÂN TỚI

THƠ CA ĐẶNG TÂN TỚI

(Tập thơ bốn chữ)

TÂM THU

(Tập thơ lục bát)

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

D U Ớ I C Á T

Buổi sáng trời lạnh lạnh. Người trưởng nói với người Nghĩa quân xạ thủ trung lên ở bên cạnh :

Nghĩa quân đứng gác chợt đề ý đến những chấm đen di động trên cánh đồng trống, trong lớp sương dày đặc. Một lát sau những chấm đen hiện ra rõ ràng là một đám người đi như chạy trên con đường đất dẫn lên quốc lộ, trước mặt đồn. Người Nghĩa quân có cảm tưởng đám người đang tiến nhanh đó là những bóng ma, anh ta hốt hoảng gọi vào trong :

— Lạ quá, ra coi tụi bay.

Toán Nghĩa quân mới thức dậy, có người còn nằm trên những chiếc võng vải. Một vài Nghĩa quân chạy ra chỗ người Nghĩa quân đứng gác. Đám người dưới cánh đồng vẫn tiến nhanh. Một Nghĩa quân bỗng la lên :

— Coi chừng bọn du kích kéo lên, anh em ra bố trí mau.

Người Trung đội trưởng toán Nghĩa quân lúc này mới chạy ra. Anh ta nhìn xuống cánh đồng, rồi hét lên ra lệnh :

— Đem trung liên ra, khép cánh cổng lại. Mới sáng ra đũa nào đã mở cổng rồi !

Lúc này toán Nghĩa quân không còn ai nằm trên võng, tất cả đã ra hố chiến đấu hoặc khiêng đạn và sắp đặt cách bố phòng. Đám người dưới cánh đồng tiến gần, tiến gần, cách đồn bảy trăm thước, rồi năm trăm thước. Người Trung đội

— Không chừng đồng bào miền dưới kéo lên biểu tình, tranh đấu cái gì đây. Bắn thử một băng xem sao, bắn quá đầu người đó nghe.

Loạt đạn nổ vang động, đám người dưới cánh đồng như chậm lại nhưng vẫn tiến lên. Người Trung đội trưởng nói :

— Bắn nữa. Bắn thấp chút nữa.

Loạt đạn lại nổ, lớp sương dày đặc tưởng như rung rinh. Đám người dưới cánh đồng đứng lại. Người Trung đội trưởng cười, nói :

— Đồng bào biểu tình thật. Nhưng coi chừng đừng cho họ đến gần đồn, biết đâu lại chẳng có bọn du kích trà trộn trong đó...

Người Trung đội trưởng nói chưa dứt lời thì một loạt đạn từ dưới những lùm tre bên kia cánh đồng bắn lên, tiếng đạn đi như xé không gian, ngay trên đầu mọi người. Một vài Nghĩa quân mất bình tĩnh vội thụt người xuống. Người Trung đội trưởng nói :

— Bọn du kích ở dưới bắn lên bắt đồng bào phải tiến tới, không cho trở lại. Bọn ác thật.

Người Trung đội Trưởng có vẻ suy nghĩ. Anh ta chưa biết quyết định ra sao, nếu bọn du kích cứ bắn sau lưng

đám người dưới cánh đồng bắt phải tiến tới thì anh không thể không ra lệnh cho Nghĩa quân bắn chặn lại, vì không bắn chặn lại đám người đó sẽ đến gần đồn và bọn du kích trà trộn trong ấy sẽ xông vào cướp đồn ngay, mà còn cho lệnh bắn vào đám người đó thì anh thấy mình không đủ nhều tâm.

Một loạt đạn từ bên kia cánh đồng lại bắn lên, rồi thì năm, sáu, bảy... loạt đạn khác thi nhau bắn lên, tiếng đạn rít lên từng hồi lạnh mình. Đám người dưới cánh đồng chầm chậm, rồi tiến nhanh lên đồn Nghĩa quân. Lúc cách đồn chừng một trăm thước, rồi bảy, tám chục thước đám người bỗng ồ ạt tiến đến đồn. Lẫn trong tiếng súng của bọn du kích bắn lên, toán Nghĩa quân trong đồn nghe những tiếng hô ồn ào từ đám người biểu tình. Người Trung đội trưởng không còn bình tĩnh được nữa, anh ta hét lên :

— Bắn, bắn.

Những họng súng trong đồn thi nhau nhả đạn vào đám người đang tiến tới. Trong một thoáng khói súng đã bốc lên mù mịt làm cho lớp sương, đang tan loãng trong ánh nắng le lói, lại dày đặc thêm. Một vài người trong đám biểu tình đã gục xuống, nhưng đám người vẫn tiến tới. Những họng súng trong đồn lại thi nhau nổ tới tấp, đám biểu tình lại có thêm nhiều người ngã xuống, rồi thì đám người còn lại bắt đầu tán loạn, chạy ẩn nấp sau những mô đất và những căn nhà đồng bào ở phía trái mặt đồn. Người Trung đội trưởng ra lệnh ngừng bắn ; anh ta nói với người Nghĩa quân giữ máy truyền tin :

— Báo cáo về quận, xin ca-nông bắn

xuống điểm bọn du kích vừa bắn lên.

oOo

Cát cúi xuống lượm tờ giấy trong tay một xác chết trên một vũng máu đã bắt đầu đông lại. Cát đọc những dòng chữ nguệch ngoạc không thẳng hàng... yêu cầu dừng hành quân bắt thanh niên đi lính, dừng cho xe cán lúa, dừng cho bắn ca-nông, dừng cho máy bay ném bom... "Cát vo tròn tờ giấy trong tay, rồi chum năm đầu ngón tay lại búng tờ giấy ra xa. Cát đi lại một ông già bị thương đang ngồi rên rỉ ở một bên đường. Cát cúi xuống ông già hỏi :

— Bác bị thương ở đâu ?

Ông già vẫn rên rỉ không trả lời Cát. Cát nhìn một lượt khắp người ông già. Vết thương không chảy máu nhiều, nhưng Cát đoán chừng viên đạn còn nằm trong đó. Cát nói :

— Bác vào trong đồn chờ xe chở về nhà thương, trong đồn cũng có thuốc cầm máu.

Ông già thôi rên rỉ, ngược mặt lên, đôi mắt lơ lơ nhìn Cát, rồi bật đứng dậy. Cát kinh ngạc muốn kêu lên khi thấy ông già không vào đồn mà lại khập khễnh kéo lê bước chân bị thương đi trở xuống con đường băng ngang cánh đồng. Cát không giao đấu được nổi giao động trong lòng, Cát nói với một người đứng cạnh đấy :

— Ông già lạ thật. Viên đạn còn nằm trong đầu gối, về dưới đó thuốc men đâu mà băng bó, chắc chết.

Một người Nghĩa quân, bạn Cát, nói :

— Già rồi còn muốn làm anh hùng, cho chết.

Cát nhìn ngời Nghĩa quân định nói điều gì nhưng lại thôi. Cát đi vào đồn cất súng, đạn. Lúc trở ra Cát thấy đoàn xe ngoài quân vừa tới, bụi bay mù mịt. Cát đưa tay lên che miệng tránh lớp bụi. Chiếc xe Lam của chi Thông Tin, có máy phóng thanh, bắt đầu nổ máy và một giọng nói ồ ồ từ hai chiếc loa phóng thanh gắn trên trần xe phát ra kêu gọi đồng bào đang xem những xác chết và người bị thương trở về nhà. Cát hỏi một người Nghĩa quân:

— Liệu có tập hợp không mày ?

Người Nghĩa quân nói không biết. Một trái ca-nông khói nổ dưới những lùm cây bên kia cánh đồng Cát đứng chống tay nhìn xuống. Một lát sau hàng chục trái ca-nông khác nổ rung chuyển mặt đất. Cát đi lẫn vào đám người trở về nhà, đi lại quán mì bà Thìn. Cát gọi một tô mì. Lúc bung tô mì lên bà Thìn hỏi Cát :

— Chết nhiều không ?

— Tôi không đếm nhưng đoán chừng cũng mười lăm, hay mười sáu người.

— Thật hú hồn, tôi lại cứ tưởng đánh nhau lớn. Đánh nhau thì nhà cửa ở đây chẳng còn gì.

Cát bẻ đôi trái ớt xanh đưa lên mũi ngửi, nói :

— Ớt này chắc không cay, cho tôi trái khác.

— Chịu. Mới sáng đã mua bán gì được đâu

Bà Thìn nhìn ra ngoài, thở dài :

— Kiểu này chắc không đông chợ.

Cát cúi xuống và một miếng mì. Cát nói trong khi miệng nhai chóp chép :

— Đồng bào chết thật tội !

— Nghe theo bọn du kích thật khờ.

— Không nghe theo bọn nó cũng không được. Đạo trước ở xóm ngoài tôi cũng vậy. Ban đêm bọn du kích kéo lên bắt đồng bào đi đào đường, đắp ụ, ban ngày lính trong quân ra bắt lấp đường, phá ụ, lại còn tình-nghi này nọ. Lần sau bọn du kích lên bắt đồng bào đi phá đường nữa, đồng bào có người phản đối không chịu đi bọn du kích đưa súng ra hăm dọa rồi bắt đem đi. Có người bị chúng bắt đi đến nay đã được về đâu.

Bà Thìn nhả miếng trầu đang nhai ra tay, nói :

— Không biết chừng đồng bào dưới đó cũng bị bọn nó bắt đi.

Cát và nốt những sợi mì còn lại :

— Chứ còn gì nữa. Bọn tôi bắn dọa chặn đồng bào lại, bọn nó bắn thúc dăng sau lưng đồng bào đứng lại cũng chết, mà tiến tới cũng chết. Cát cầm tô mì đưa cho bà Thìn nói cho tôi tô nữa, sáng nay thấy đói. Lúc ăn mì xong cát định đứng dậy về đồn thì Đoàn vào. Cát nói như reo lên :

— Lành rồi hả ?

Đoàn ngồi xuống bên Cát, bắt đầu, nói :

— Tao chưa lành hẳn, còn tiêm thuốc, nhưng nằm mãi trong bệnh viện buồn quá tao xin về nhà.

— Tiêm cho khỏi chớ Vào trong này thuốc men đâu mà tiêm.

Cát rút gói Bastos trong túi ra đưa cho Đoàn một điếu. Đoàn lấy điếu thuốc đưa lên miệng ngậm, chờ Cát quẹt lửa Đoàn nói :

— Đồng bào chết quá mày hả !

Giọng Cát có vẻ buồn ;

— Thật tội nghiệp. Bọn tao thật đầu chỉ bắn chặn lại, như bọn du kích ở dưới bắn lên dữ quá làm cho đồng bào cứ xông bừa vào đồn, bọn tao sợ bị cướp đồn nên phải bắn ra.

— Hồi đó trời sáng chưa mày?

— Mới đó, mới lúc này.

Đoàn với tay lấy bình nước rót ra chiếc ly cáu bắn rồi đưa lên miệng uống. Cát chờ Đoàn uống nước xong, hỏi :

— Mày có lại nhà tao không?

— Tao có lại chiều hôm qua.

— Anh Hai tao ra sao mày?

— Tao nghe anh Hai than quá trời. Anh ấy nói mấy bữa nay không có việc gì làm, ở nhà mãi chắc đói. Tao thấy anh Hai dạo này có vẻ gầy, có lẽ anh ấy lo lắng...

Rồi chợt nhớ ra Đoàn nắm cánh tay Cát lay mạnh :

— Con Liên về đó, mày ơi.

— Cát ngạc nhiên đến muốn hụt hơi.

— Liên về thật hả mày?

Giọng Đoàn nhỏ lại có vẻ dè dặt :

— Nghe nói nó về cũng một tuần lễ nay rồi. Nó có mang.

Cát sửng sò, có cảm tưởng thỉnh linh bước hụt xuống một hố sâu. Cát cúi mặt xuống, nghe tim mình như bị bóp mạnh, mãi một lúc sau Cát mới ngẩng lên hỏi Đoàn, giọng nghèn nghẹn :

— Mày thấy Liên không?

— Tao không thấy. Tao có đi qua nhà nó một lần nhưng nhà nó đóng cửa im lìm. Nghe mấy người trong xóm nói con Liên dạo này sang lắm, nó đánh phấn và kẻ lông mày.

Cát thở dài, buồn bã nhìn ra ngoài. Giọng Đoàn thân mật :

— Con Liên về làm mày buồn?

Cát đáp thản thờ :

Tao không buồn, nhưng...

Cát không biết mình định nói gì. Đoàn linh nhẹ cùi tay vào người Cát nói khẽ lấp:

— Buồn làm chi mày. Con gái thời này đứa nào cũng tào lao hết, hơi sức đâu mà thương tụi nó thật tình cho một thân.

Đoàn chợt cười, giọng có vẻ chua chát :

— Còn mấy đứa con gái ngoài xóm đó, mày liệu thích đứa nào thì tìm cách rình đi, chứ tao xem chừng tụi nó trước sau gì cũng giống con Liên.

Cát ngồi yên lặng. Đoàn đứng dậy, nói :

— Vào đồn mày. Ra xem phái đoàn quân về chưa.

Các lắt đầu nói mày vào đồn đi, tao ngồi đây chút đã. Đoàn cúi đầu bước ra khỏi quán. Cát nhìn theo Đoàn rồi cũng đứng dậy bước ra ngoài.

Cát đi men theo con đường nhỏ dẫn đến mấy cây dừa trong một khu vườn bỏ hoang. Những tia nắng buổi sáng chưa làm khô những hạt sương còn đọng trên những ngọn cỏ dưới chân Cát. Cát ngồi xuống cạnh một gốc dừa, lấy thuốc ra hút, rồi thở khói. Cát mơ màng nhìn ra cánh đồng buổi sáng rực rỡ ánh nắng, lòng buồn rười rượi.

oOo

Buổi chiều Cát bỏ đồn đạp xe về nhà. Suốt quãng đường bảy, tám cây số đầu

óc Cát chập chờn những ý nghĩ về Liên. Cát không hiểu mình về nhà làm gì, nhưng không về thì lòng Cát nôn nả một nỗi khó chịu. Nhiều lúc Cát muốn quay xe lại, nhưng chân Cát vẫn đạp đều. Lúc về gần đến nhà Cát chợt đến hơi thở hinh như nghẹn lại. Cát nghĩ mình giống một người đi xa lâu năm mới về thăm nhà.

Anh Hai Biên thấy Cát về đột ngột, anh hỏi em :

— May về làm gì ?

Cát đáp bừa :

— Tôi thấy nhớ nhà về chơi một chút.

Nghe nói trong đó buổi sáng có lộn xộn ?

— Đồng bào biểu tình xông vào đồn, bọn tôi sợ có du kích lẫn lộn trong ấy nên phải bắn ra, chết chừng mười lăm, mười sáu người chỉ đó. Bị thương cũng nhiều.

— Buổi sáng tao đi làm trong chợ quận thấy xe chở người bị thương về thật nhiều, tao lại tưởng có đánh nhau.

— Hôm nay anh làm gì ?

— Tao không có việc làm cũng gần tuần lễ nay rồi, hôm nay mới có bà Định kêu vào sửa cái bếp. Làm có một buổi thì xong. Dạo này làm ăn tẻ, tao chán.

Cát nhìn mặt Hai Biên thấy mặt anh mình gầy hằn đi. Bỗng dưng Cát thấy xúc động. Cát chỉ có hai anh em, cha mẹ Cát chết sớm không để lại cho anh em Cát thứ gì ngoài căn nhà tranh xiêu vẹo trong xóm cát này. Nhiều khi nghĩ quanh quẩn Cát không hiểu tại sao cha Cát ngày trước lại đến sống ở vùng đất cát khô chết này. Ở đây không ai có lấy một miếng đất để trồng trọt, chỉ có toàn cát với cát. Muốn trồng một luống khoai thì phải cuốc sâu xuống hai,

ba thước mới chạm một lớp đất khô cứng như sắp thành đá, nhưng rồi trồng trọt chẳng được bao lâu gió cũng lùa cát phủ lấp hết Cát nghe anh nói ngày còn nhỏ anh Cát đã định bỏ nhà theo đám bạn ra làm ăn ở một tỉnh miền ngoài, nhưng anh Cát đi không được vì thương cha mẹ. Sau này nhắc lại chuyện đó anh Cát vẫn tỏ ra tiếc là dạo ấy đi không được, chứ bỏ đi được thì bây giờ chắc đã khá.

Cát nhìn quanh quất trong nhà, hỏi Hai Biên :

— Chị Hai đi đâu không thấy ?

— Mới chạy đi đâu đó.

Cát ra sau nhà rửa mặt. Lúc Cát trở vào Hai Biên hỏi :

— May về bao giờ vào lại đồn ?

— Chắc cũng mai.

— Tối phải vào quận mà ngủ, ở đây dạo này lại không yên.

— Bọn du kích thường kéo lên ?

— Chuyển trước bọn nó kéo lên đặt mìn, sáng ra lính Mỹ ra đường tìm thấy.

Cát bước ra ngoài đứng nhìn lại nhà Liên. Nhà Liên đóng cửa im lìm Cát đi lại nhà Bốn Phiêu. Lũ con Bốn Phiêu thấy Cát reo lên :

— Anh Cát, anh Cát.

Ba đứa trẻ quần áo bẩn nhớp a tới bu lên người Cát. Cát gỡ từng đứa ra. Một đứa nói :

— Chị Liên về mà không có anh Cát ở nhà.

Cát cười, cúi xuống nhỏ hỏi nhỏ thằng bé :

— Chị Liên về có qua đây chơi không ?

Thằng bé lắc đầu, đáp :

— Không. Chị Liên hồi sáng rồi

Cát sững sờ, hỏi lại thằng bé :

— Nói sao, chị Liên đi rồi hả?

— Chị Liên đi hồi sáng, đi với bà Liên.

Đang ôm vai thằng bé bàn tay Cát bỗng trở nên hững hờ, Cát nhìn qua nhà Liên khẽ thở dài. Cát nghĩ chắc Liên về đón mẹ đi. Từ ngày Liên thành liêh bỏ nhà ra đi mẹ Liên sống nửa tỉnh, nửa điên. Ngày ngày bà Liên vào trong chợ quận x n ăn, rồi về nhà ngủ. Có nhiều đêm bà Liên buồn ngồi khóc, rồi để đầu tóc rũ rượi đi lang thang trong xóm như một bóng ma. Thấy tình cảnh bà Liên có lúc Cát nghĩ Liên thật tàn nhẫn, mẹ Liên mà Liên còn bỏ đi được thì Liên kể gì đến tình thương của Cát. Nhưng, tuy n hĩ thế, Cát vẫn thấy thương Liên. Những ngày Cát chưa đi Nghĩa quân, Cát còn làm trong một tiệm sửa xe đạp ở chợ quận, Cát vẫn hy vọng có ngày Liên sẽ trở về. Nhưng chờ đợi mãi nỗi nhớ thương Liên trong lòng Cát trở thành nỗi buồn chán, Cát bỏ làm đi Nghĩa quân. Cát cảm xúc canh gác như làm một việc mơ hồ.

Cát hỏi bọn con Bốn Phiêu

— Hôm chị Liên về có đứa nào thấy không?

Một đứa nói :

— Hôm chị Liên về tôi không thấy, nhưng hồi sáng chị Liên ra đường đón xe tôi thấy. Chị Liên đi phải vịn vào tay bà Liên và bịt khăn như người bị đau.

Cát nghĩ thầm, không biết chừng Liên đau, ra lại ngoài đó chữa thuốc, chứ không phải về đón mẹ đi hẳn. Nghĩ thế Cát bỗng băn khoăn muốn biết Liên về để rồi đi hẳn hay Liên đi rồi sẽ trở lại. Cát rủ bọn con Bốn Phiêu :

— Qua nhà chị Liên chơi tụi bay.

— Không có ai ở nhà, qua đó làm gì?

Cát không thể giải thích ý định của mình cho lũ trẻ biết. Cát nói :

— Tụi bay không qua thì tao qua.

Cát nhìn quanh quất thấy không có ai, bước vội qua nhà Liên. Cát dõ tẩm phen cửa trườn người vào trong. Cát chợt giật mình đứng đánh sang một bên. Một con chó đen từ trong một góc nhà chạy đâm nhào vào chân Cát tìm lối chui ra ngoài. Cát nhìn về phía chỗ con chó vừa chạy ra thấy một lỗ cát bị con chó đào lên. Tò mò Cát đi lại. Cát thấy một bọc quần áo chưa cũ lắm cuộn tròn chôn dưới cát. Cát trở ra rút cây tre chống cửa trở vào móc bọc quần áo nhấc lên khỏi lớp cát, rồi quật mạnh xuống. Bọc quần áo bật tung ra. Cát chợt rùng mình khi nhận ra trong lớp quần áo thân hình một đứa bé mới sinh, da đen kịt. Đầu óc Cát choáng váng, Cát đập tẩm phen cửa bước vội ra ngoài như bị đuổi.

LE-TÂM

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

SÁCH DO NHÀ AN TIÊM ẨM HÀNH

(trong tháng Ba và Tư năm 1970)

- HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC của Kim Định
- HOA NẮNG thơ của Thi Vũ
- MÙA THU THI CA của Bùi Giáng
- HẠNH PHÚC CHÍNH NƠI BẠN của Marcelle Auclair Ngê-Bá-Lí viết theo

sẽ phát hành trong tháng Năm 1970

- TÔN GIÁO LÀ GÌ John Yale
(viết theo lời của Vivekananda)
- VIỆT LÝ TỬ NGUYÊN của Kim Định
- TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM thơ của Vũ Hoàng Chương

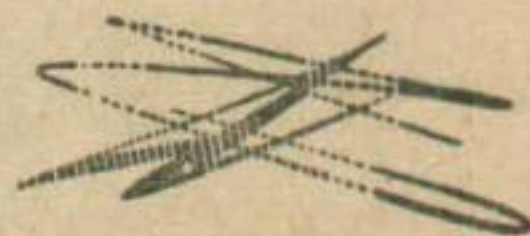
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE



khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.6YT

L a y N h ẹ

Thơ THU - TRANG

tặng B. G.

Có còn không ? biết còn không ?
Trăng tan đầu núi mây lồng nẻo xa
Cầm tay ta lại hỏi ta
Màu trắng năm cũ hồn hoa rã rời
Ước về phương ấy xa xôi
Thăm người, thăm bạn nhắc đời xưa sau
Chợt như lay nhẹ nỗi sầu
Hàng lau thôn thức bên cầu hoang lêu
Nghe sao thương nhớ điều hieu
Nguồn thơ lắng đọng bóng chiều cô đơn
Một giây ướp lạnh trong hồn
Nghìn sao nhỏ lệ thấm buồn không gian ..

oOo

Quê hương ơi, một trời tanq
B.ết còn chi lấp vô vãn khổ đau...

Paris tập Xuân 1970
Hôm nay được tập «Thi ca tư tưởng»

C ỏ m ọ c

Thơ BÙI-GIÁNG

tặng T.T.

Trần ai cỏ mọc hột mưa mau
Tờ giấy tam thu lạc bước vào
Đ. đứng trận đầu ra trận cuối
Lối lui cơn trước gặp cơn sau
Gà rừng gáy mộng mây về gió
Gái núi dần mơ lá ngậm màu
Xúm xít quanh năm ngày lộn tháng
Tàn niên tâm sự quặn xa chầu.

nguyện cầu cho thế.kỷ 20

Thơ THỊ ĐỘ OPT.

nguyện cầu cho nửa quê hương
máu thôi đừng chảy, xương đừng chắt cao
khăn tang đừng trắng mái đầu
lệ buồn còn chút, thôi trào khóe mi
mùa xuân đừng chết bên ni
tuổi yêu đừng vội đi về đất hoang
niềm tin đừng ngủ cuối đàng
tương lai đừng chết trước hoàng hôn rơi
đất gầy đừng cháy rực trời
lúa ngô sẽ nở môi cười sớm hôm
gánh gồng diu dập xóm thôn
lời ca sao sống — linh hồn quê hương

(niềm đau cuối thế kỷ)

tim về địa-đàng

Thơ Y-YÊN

- ta bỏ lại con đường hoa lá rữ
xác người đi câm lặng ngó hư không
những pho tượng anh-hùng canh góc phố
sáng lên màu tuyết trắng lặng thu, đông
- ta bỏ lại sau, hộp nhà đồ sộ
đài thiên-văn trên tháp nhọn cao tầng
và cơ khí như bột nhào trên gỗ
con người còn nhớ rõ mặt mình không ?
- ta muốn xóa danh-từ kêu, tự-vị
san công-viên, ghi biểu-ngữ xanh hồng
người còn đẩy trong niềm đau niên kỷ
cùng hoài-nghi bên suối lệ khơi giòng

oOo

- lang thang mãi ta đi hoài, không nhớ
đường quên tên vào ngõ tối, đi vòng
ta chỉ thấy màn sương sa mờ phủ
— Hỡi E-và, còn thức đó hay không ?

Lời Ca Du-tử



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

NÓ, ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. / Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Thời-sự Thế-giới

T U - T R I

Trong những tuần vừa qua tình hình chính trị thế giới được đánh dấu bằng những cuộc đụng độ giữa hai khối Tự do và Cộng sản hay nói đúng hơn giữa Mỹ và khối Cộng sản.

Tại Á-châu Mỹ đã đụng độ với Trung cộng và Bắc Việt bằng cách mở rộng mặt trận sang Cam-bốt. Tại Trung-Đông Mỹ đã đụng độ với Nga vì Nga càng ngày càng tham gia vào các hoạt động quân sự của Ả-Rập để chống lại Do-Thái.

Tuy Hoa-kỳ và Nga-sô chạm trán nhau trong nhiều vụ, nhưng sự sống chung hòa bình vẫn không đến nỗi bị đe dọa, vì tại Vienne, thủ-đô Áo, các đại-diện Nga và Mỹ vẫn gặp nhau để tiếp-tục bàn về việc tài giảm vũ-khí chiến lược (SALT).

Mặt trận Việt-nam mở rộng sang Cam-bốt

Sau khi thái-tử Sihanouk bị lật đổ, chính phủ Lon Nol lên thay thế đã cố gắng giải phóng đất Miên khỏi sự chiếm đóng của 40.000 quân Bắc Việt và Việt cộng. Những cuộc hành quân hỗn hợp giữa Nam Việt và Miên đã tạo thành các vùng biên giới gọi là Mỏ-vẹt gần « Soài Rieng » và « Lưôi câu » gần Mimot. Và đồng thời hải-cảng Sihanouk ville cũng bị đóng lại để cắt đường tiếp vận của Cộng-sản.

Trước áp lực của tình-thế mới phe Cộng-sản đã phản công trên hai mặt chính trị và quân sự. Trên bình-diện

chính trị Thái-tử Sihanouk, ở lại trên đất Trung Cộng, đã kêu gọi dân chúng nổi dậy lật đổ Lon Nol và đồng thời lập một chính phủ lưu vong tại Bắc-kinh. Chính phủ này do ông Pen Nouth lãnh đạo trong chức vụ Thủ tướng và có sự tham dự của phe Cộng-sản Miên. Trong khi chính phủ Lon Nol ở Nam-Vang vận động phế bỏ nền quân chủ Miên để thành lập chế độ Cộng-hòa, thì chính phủ thân cộng Pen Nouth lại mang tên là « Chính-phủ Hoàng-gia »!

Về mặt quân sự, phe Cộng sản đã phản công lại quân đội của chính phủ Lon Nol và tiến về phía thủ-đô Nam-Vang để mong đưa Sihanouk trở lại chính quyền.

Sau 16 năm hòa-bình, quân đội Miên đã không còn đủ khả năng chiến đấu để chống trả những cuộc tấn công của phe Cộng-sản, nên chính phủ Lon Nol phải kêu gọi viện trợ quân sự của các quốc gia trên thế-giới.

Trước tình thế này, Tổng thống Nixon đã phải lựa chọn một trong hai giải pháp. Một là để mặc cho chính phủ Nam Vang đối phó với tình hình và chắc chắn chính phủ này sẽ bại trận và phe Cộng-sản sẽ được xử dụng tự do lãnh thổ Miên trong việc tấn công Nam Việt. Hai là trực tiếp can thiệp vào chiến cuộc ở Cam-bốt để phá hủy các cơ sở-Cộng quân và rút ngắn chiến tranh tại Việt-Nam. Giải pháp thứ nhất tôn trọng nền trung-lập của Cam-bốt và giải pháp thứ hai sẽ là một thử thách cho phe Cộng-sản.

Ông Nixon đã chọn giải pháp thứ hai. Sau nhiều ngày suy nghĩ ông đưa ra một kế hoạch rất chặt chẽ. Ngày 20-4-1970 ông quyết định rút 150.000 quân Mỹ trong vòng 1 năm, từ nay cho tới mùa xuân sang năm. Ngày 29-4 quân đội Nam-Việt tràn sang đánh phá các cơ sở "bất khả xâm phạm" tại vùng Mỏ-vẹt. Ngày 30-4 ông Nixon đã đọc một bài diễn văn truyền bính tuyên bố là ông ra lệnh cho quân-đội Mỹ tấn công vùng "Lưỡi câu", và yểm trợ cho các hoạt động của quân đội Nam Việt. Liên quân Việt-Mỹ đã tiêu diệt các cơ sở quan trọng của Cộng-sản trên lãnh thổ Miền Những thành phố ngằm dưới mặt đất, đã bị phá hủy, những kho lương thực, đạn dược đã bị tịch thu.

Quyết định ngày 30-4 của ông Nixon có nhiều lý do. Trước hết ông đã đi tới kết luận rằng trở ngại duy nhất cho thắng lợi của Mỹ ở Nam-Việt là các "cơ sở bất khả xâm phạm" của V. C. tại Cam-bốt. Phá vỡ các cơ-sở này sẽ khiến Cộng quân hết đường rút lui. Ngoài ra các lực lượng Cộng sản ở Cam-bốt là lực lượng thiện chiến nhất. Nếu sau này Bắc Việt có gửi quân thay thế thì những binh sĩ mới sẽ không có được tinh thần chiến đấu như những người đang bị tiêu diệt ở Cam-bốt hiện nay. Thật vậy, sau nhiều năm chiến đấu các thành phần quân nhân có mức huấn luyện chính trị cao đã dần dần bị loại hết. Các phần tử mới không những sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc di chuyển từ Bắc Việt tới, mà còn quá trẻ tuổi chưa thấm nhuần nhiều về lý thuyết cộng sản. Sau hết, tiêu diệt các lực lượng và cơ sở của Bắc-Việt ở Cam-bốt sẽ giúp cho chương trình Việt hóa chiến tranh đủ thời gian hoàn thành và do đó cho phép chính

phủ Hoa-kỳ tôn trọng lịch trình rút quân Mỹ đã được ấn định. Nói tóm lại xâm nhập lãnh thổ Cam-bốt sẽ cho phép chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và bảo đảm cho Mỹ một lối thoát danh dự.

Nhưng quyết định của ông Nixon không phải là chỉ có lợi mà không có hại. Phong trào phản chiến trên thế giới, ngưng hoạt động từ nhiều tháng nay, giờ lại có dịp đề bùng lên phản đối Mỹ. Ngoài ra quyết định của ông Nixon đã được công bố đúng vào lúc mà dây liên lạc giữa ông và lưỡng viện, nhất là Thượng Nghị-viện, đang ở trong một giai đoạn khó khăn nhất. Sau khi Thượng Viện bác bỏ hai lần liên đề nghị bổ nhiệm ông Haynsworth và ông Carswell vào Tối cao Pháp viện, ông Nixon đã tuyên bố là sẽ thay đổi đa số ở Thượng viện trong cuộc bầu cử vào mùa thu tới. Ngay sau đó, ông Nixon lại quyết định can thiệp ở Cam-bốt khiến các Thượng Nghị sĩ đã tỏ ra hết sức bất bình. Sinh viên đã biểu tình trên toàn quốc đề phản đối ông. Nói tóm lại ông Nixon đã gặp nhiều sức chống đối vô cùng mạnh mẽ tại ngay quốc nội. Nhưng ông đã can đảm nhận lãnh trách nhiệm. Có lẽ vì ông tin rằng từ nay tới khi bầu cử Quốc hội, vào tháng 11 tới, chiến cuộc Việt-Nam, sau sự can thiệp ở Cam-bốt, sẽ bước vào một giai-đoạn thắng lợi rõ rệt đề đảng Cộng-hòa của ông sẽ chiếm được đa số tại Lưỡng Viện.

Nga trực tiếp can thiệp vào các hoạt động quân sự tại Trung-Đông

Cho tới đầu năm nay cán cân lực lượng ở Trung-Đông luôn luôn ngả về Do-Thái. Nước này có một không lực hùng hậu khiến cho họ có thể tấn công

các lãnh thổ Ai-Cập bất cứ chỗ nào và vào bất cứ lúc nào. Không quân Do-Thái, do đó đã trở thành một huyền thoại, đến nỗi tháng 3 vừa qua Mỹ đã từ chối không chịu bán các phản-lực-cơ chiến đấu Phantom và Skyhawk cho Do Thái.

Nhưng thật ra thì từ đầu năm nay tới giờ tình hình ở Trung-Đông đã thay đổi nhiều. Tổng-tổng Ai - Cập Nasser đã sang Mạc-tur-Khoa để xin được trang bị bằng những hỏa tiễn Địa-địa để có thể tấn công Do-Thái. Tuy Nga không chịu nhưng họ lại nhận trách nhiệm bảo vệ cho không phận Ai-Cập. Trách nhiệm mới đã cho Nga quyền kiểm soát không quân Ai-Cập. Hiện thời tại đây có tới 10.000 người Nga hoặc binh sĩ hoặc cố vấn quân sự.

Ngoài ra Nga còn đặt nhiều dàn hỏa tiễn Địa-không (SAM) để bảo vệ các vùng quan trọng như Thủ-đô Le Caire, đập Assouan v...v...

Nhờ có hệ thống phòng thủ của Nga quân đội Ai Cập đã được chuyển tới vùng kinh Suez để tấn công Do Thái. Các phi cơ Do Thái đã nhiều lần bị các khu trục-cơ Mig 21, do phi công Nga lái, đe dọa. Cán cân lực lượng do đó đã ngã về phe Ả-Rập.

Chính phủ Do Thái đã kêu gọi Mỹ xét lại quyết định tháng 3 vừa qua và cảnh cáo Nga là sẽ oanh tạc các giàn hỏa-tiến ở Ai Cập. Tình hình mới đã làm cho các nhà cầm quyền Mỹ hết sức lo ngại. Người ta không hiểu Nga có đang lợi dụng việc Mỹ mở rộng mặt trận ở Đông-Dương để đặt Trung-Đông vào vùng ảnh hưởng của

minh hay không. Tại Hoa-thịnh-đốn người ta cho rằng những hành động của Nga đang đe dọa bang giao Nga-Mỹ, kể cả vấn đề tài giảm vũ khí chiến lược.

Hội-nghị tài giảm vũ khí chiến lược (màn II)

Màn II của cuộc hội đàm Nga Mỹ về tài giảm các vũ khí chiến lược đã được nhóm họp tại Vienne, thủ đô của Áo. Màn đầu của cuộc hội đàm này đã được diễn ra tại Helsinki, thủ-đô Phần-lan, vào mùa thu năm ngoái. Tại Helsinki người ta đã quyết định rằng phiên họp thứ hai sẽ được triệu tập ở Vienne.

Tại Vienne, đại-diện Nga. Semyonov, và đại diện Mỹ, Smith, đã gặp nhau trong một bầu không khí hết sức thân-hữu.

Cuộc gặp gỡ này, cũng như lần trước, chỉ cho phép hai quốc-gia có vũ khí nguyên tử hùng hậu nhất thế-giới tìm dò ý định của nhau mà thôi. Vì cả hai bên, không ai chịu tuyên bố ngưng các thí-nghệ và sản xuất vũ khí hạt nhân.

Về phía Hoa-kỳ người ta tuyên bố sẵn sàng cứu xét các đề-nghị của Nga, nhưng Nga vẫn ở vẫn không chịu đưa ra một đề-nghị nào có thể coi là xây dựng.

Tuy kết quả của cuộc hội-nghị này còn hết sức xa vời nhưng dù sao thì hội-nghị cũng tượng trưng cho sự sống chung hòa bình giữa Mỹ và Nga. Vì vậy mà cả hai bên đều cố gắng duy trì nó. Màn II sẽ diễn ra ở Helsinki vào cuối năm nay.

TU - TRÌ

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan



Park Lane

*Khăn nơi đều được
khen tặng nhờ:*

Park Lane
VIRGINIA
KING SIZE

ĐẦU LỘC

MIC CHOLON

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Lại chuyện Tự-họa

Trên *Bách-Khoa* số vừa rồi có đề cập tới tác phẩm « Tự-họa » của John Lennon. Câu chuyện của anh chàng Bít-tơn này đăng trên tạp chí *L'Express*, đã làm cho một độc giả phẫn nộ. Người ngợm như thế mà cũng phỏng vấn phỏng viếc ! Cũng ghi ghi chép chép, làm như những tư-tưởng của hắn ta có gì tiêu-biểu cho thời đại !

Vị độc giả nóng tính bèn tầy chay, không thèm mua *L'Express* nữa. Rất may, đó không phải là thái độ của các độc giả *Bách-Khoa*.

Tác giả và nhân vật

Chúng ta đã có lần nói đến một cuốn tiểu thuyết mang nhan đề : *Con voi trắng*. Bây giờ đến lượt *Con chó trắng* của Romain Gary.

Chó trắng, lẽ ra gọi nó là chó mốc. Tuy nhiên đây cũng phải là con chó màu trắng, mà là thứ chó của người Mỹ da trắng, đã tập dượt để săn bắt người da đen.

R. Gary không chịu được cái thói kỳ thị ấy, dù là ở một con chó. Nhà văn bèn thuê một sở tập luyện thú vật, tìm cách trừ khử cái tật ghét da đen của nó. Cuối cùng, một người da đen đã thành công, khiến con chó bỏ thói săn da đen. Thay vào đó, nó mang cái thói ghét... da trắng. Ông R. Gary là người da trắng : Ông là nạn nhân đầu tiên của con vật đồi tánh.

Cuốn sách chỉ trích nạn kỳ thị ở Hoa kỳ một cách dí dỏm, được nhiều người tán thưởng. Chỉ phải một khuyết điểm nhỏ : không phải khuyết điểm liên quan đến con chó mốc, mà liên quan đến... tác giả !

Đọc cuốn *Con chó trắng*, người ta thấp thoáng thấy chủ nó là một nhân vật vĩ đại : chủ nó là bạn thân của Malraux, chủ nó bảo đầu Robert Kennedy phục lẫn ra đấy, chủ nó không ngần ngại đá đít một nữ tài tử điện ảnh, cái đá đáng giá bạc triệu v.v...

Chó kỳ thị là nó lây thói xấu của người, còn người huênh hoang thì biết trách vào đâu, hã Trời ?

Gỡ mối tơ l...

Trên các báo xưa nay vẫn có mục gọi là « Gỡ rối tơ lòng ». Các độc giả có rắc rối tình cảm : Tình yêu đặt lằm chỗ, tình nhân phụ bạc, vợ chồng không êm thuận v. v.... viết những lá thư dài đến tòa soạn kể lè, than thở. Tòa soạn giải đáp, vỗ về, an ủi, khuyến khích...

Công việc ấy đã thành cổ điển, và không đáp ứng đầy đủ các đòi hỏi của thời đại mới.

Thời mới, độc giả không chịu ngưng lại ở các thắc mắc tình cảm, họ không ngần ngại tiến vọt đến các thắc mắc sinh lý. Nói cách khác, độc giả muốn hỏi về vấn đề mà Trang Quỳnh gọi là « làm sương cho sáo ? »

Tại Đan mạch, trên tờ nhật báo « Ekstra Bladet » từ hai năm nay, tức từ đầu 1968, có hai nhà trí thức, một nam một nữ, phụ trách mục thư tín nọ. Người nam là Sten Hegeler, 46 tuổi, giáo sư về môn tính dục học tại Đại học đường Copenhagen. Người nữ là vợ ông ta, 41 tuổi. Cặp Sten và Inge hiện thời nổi tiếng khắp Âu châu về những lời dạy dỗ của họ.

Phong trào giải đáp thắc mắc tính dục đã lan tràn qua Thụy điển, Na uy, rồi qua Pháp, Anh v.v...

Trung bình mỗi tuần vợ chồng Sten và Inge nhận được 800 lá thư, và trả lời thật tỉ mỉ. Dĩ nhiên trong trường hợp này, càng tỉ mỉ càng ăn khách.

Phong trào đó lan tràn đến Pháp, thường thường chẳng mấy chốc nó nhảy tới Việt Nam. Miễn không có sự cản trở của bộ Thông tin. Nghe nói có nhiều cặp chuyên viên về địa hạt này ngày đêm mài bút chuẩn bị...

Báo in tận nhà

In báo tại thủ đô hay tại một đô thị lớn, rồi mang báo đi gửi ô-tô, gửi máy bay v.v..., đến các nơi trong nước, rồi nhân viên bưu điện đem từng tờ phát từng nhà. Người Nhật cho rằng như thế có vẻ...cọc cạch quá.

Con người càng văn minh càng sốt ruột. Tạp chí *Asahi Shimbun* hợp tác với công ty sản xuất máy điện tử Toshiba phát minh ra thứ máy vô tuyến viễn ấn có thể in báo ngay tại từng nhà các độc giả. Mỗi gia đình độc giả sắm một cái máy, đặt tại nhà; đến giờ, do sự điều khiển vô tuyến từ tòa soạn cách xa hàng nghìn cây số, máy sẽ in và « nhả » ra trên bàn một tờ báo. Như thế, chủ nhiệm chủ bút và các độc giả cùng có

báo một lượt, không ai được đọc trước ai.

Công ti Matsushita cũng nghiên cứu nhiều kiểu máy tương tự, kết quả rất tốt đẹp.

Khi máy được sản xuất hàng loạt đề tung ra thị trường, người ta hi vọng giá nó bằng giá một cái máy vô tuyến truyền hình màu.

Như vậy, dù nó tân tiến, nó cũng sẽ bị chê ở Việt nam.

Từ báo đến sách

Nhân vấn đề báo chí, chúng ta đề cập đến chuyện sách ở Nhật. Người Nhật hiện thời được xem như dân tộc đọc sách nhiều nhất thế giới. Xin trưng vài con số :

150/0 trong số 27 triệu gia đình Nhật có mua Bách khoa tự điển (Các nhà xuất bản đang hy vọng có thể đưa vào mỗi gia đình Nhật một bộ tự điển);

2.500 nhà xuất bản trong toàn quốc.

2 tỉ cuốn sách ấn hành mỗi năm (bán được 1 tỉ 600 triệu cuốn).

Sách được đưa lên màn ảnh vô tuyến truyền hình; sách lại được đọc lên, ghi âm vào đĩa. Quần chúng tha hồ chọn lựa hoặc đọc sách, hoặc xem sách, hoặc nghe sách.

Loại sách được hâm mộ nhất là sách thực dụng (dạy nghề, kiến thức phổ thông và chuyên môn). Do đó, người Nhật nhờ đọc sách mà tiến nhanh về kỹ nghệ. Sách thực dụng ở Nhật chiếm 75% trong tổng số sách (ở Mỹ : 50%, ở Anh 650/0).

THỜI SỰ KHOA HỌC

Ngừa thai và phá thai

Ngừa thai hiện nay tại nhiều nước đã trở thành một thứ quốc sách, một vấn đề sinh tử của quốc gia. Phụ nữ uống thuốc như ăn kẹo hàng ngày. Nhưng xem chừng uống không cũng không xuề, người ta phải lo cung cấp thêm cho phái đẻ này những phương tiện có vẻ hơi xúc phạm đến nhân-vị, tỉ như vòng xoắn, màng ngăn. Hoặc nặng nề và nguy hiểm hơn như cột, cắt... Tất cả đều chỉ xoay quanh người đàn bà.

Nhưng thiên hạ vẫn cứ sản xuất đều đều tí-nhau theo một nhịp độ tăng dần và những đứa con bất đắc dĩ, miễn cưỡng chào đời, dưới con mắt thiếu hẳn thiện cảm của hai đấng cha mẹ. Biện pháp mạnh bắt đầu được đem ra áp dụng : ngừa không được thì phải phá.

Hai đạo luật tiền-phong được ban hành cách đây không bao lâu tại 2 tiểu bang Hạ-uy-di và Maryland ở Hoa-kỳ đã cho phép phá thai gần như không điều kiện. Trong hai đạo luật trên, sự phá thai còn bị bắt buộc phải thực hiện ở một bệnh viện công. Một đạo luật tương tự vừa được ký xong tại Nữ-ước, dành thêm nhiều tự do cho việc phá thai. Sự phá thai hợp pháp chỉ cần sự đồng ý giữa sản phụ và vị y sĩ riêng, và không cần phải thực hiện ở bệnh viện công.

Những đứa con tương lai được ra chào đời phải là những đứa con rất may mắn, được cả cha lẫn mẹ OK !

Apollo 13

Sau cuộc thất bại của Apollo 13, các

giới có thẩm quyền của cơ quan NASA hết hy vọng chương trình Apollo của họ có thể được phép xúc tiến một cách liên tục nữa. Ngay cả những ngày vinh quang nhất của cơ quan này, với sự thành công lịch sử của Apollo 11 và Apollo 12, chương trình thám hiểm không gian đã bị đe dọa gián đoạn.

Sự khó khăn không phải ở vấn đề kỹ-thuật mà ở khía cạnh khác, một khía cạnh khá tế nhị. Thượng Nghị-sĩ Edward Koch, Ủy viên Ủy-ban Khoa-học và Hàng không Thượng viện Mỹ tuyên bố : Chúng ta không thể phí tiền của để tìm xem trên hành tinh Mars có con vi trùng nào không trong lúc chắc chắn là có rất nhiều chuột ở khu Harlem." Người ta lo sợ thất bại của Apollo 13 sẽ là một cái cớ để mấy ông Nghị khó tính này cắt đứt ngân-khoản dành cho công cuộc thám hiểm không gian.

Nhưng trái hẳn với dự đoán của mọi người, ngân khoản của cơ quan NASA không những không bị cắt bớt mà còn được tăng thêm 265 triệu Mỹ-kim. Tấn thảm họa loại đồ mồ hôi lạnh của Apollo 13 coi bộ làm mấy ông già lập pháp lên gân dữ. Ngay sau đó, trong cuộc họp báo ngày 21-4 đề tường trình về chuyến bay tại Houston, Thomas Paine, Giám đốc cơ quan NASA cho biết, về phương diện kỹ thuật, không có một trở ngại nào có thể làm chậm trễ chương trình không gian của Mỹ. Apollo 14 sẽ được phóng đi vào tháng 10 tới. Trong lúc đó thì nguyên nhân vụ nổ của Apollo 13 vẫn chưa tìm ra được. Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Langley ở Hampton, một cơ sở của NASA, ông Edgar M. Cortright

hứa sẽ cho biết kết quả cuộc điều tra trong vòng 3-4 tuần nữa. Họ bù đầu vào hơn 2.000 cây số băng nhựa đã ghi nhận các tín-hiệu từ các máy kiểm soát trên Apollo 12 đánh về, trong phần chuyển bay trước khi xảy ra tai nạn. Nguyên nhân có lẽ là từ bên trong hai bình chứa dưỡng-khí lỏng của phi thuyền mẹ. Dưỡng khí lỏng được nén vào đây dưới một áp-suất thật cao (920 lbs) và một nhiệt độ thật thấp. (-297°F).

Bên trong bình có hai cánh quạt dùng để giữ cho khối chất lỏng này được luôn luôn đồng nhất và chạy đều khắp bình chứa. Có lẽ trong khi quay, một trong hai cánh quạt này đã chạm phải một vật cứng — một khúc dây điện bị rời ra hoặc một mảnh aluminum — làm toé lửa và do đó làm nổ bình dưỡng khí. Trong 2.000 cây số băng nhựa hiện đang được nghiên cứu, người ta nhận thấy áp-suất trong bình chứa tăng lên rất nhanh khoảng 90 giây trước khi xảy ra tai nạn.

Được hỏi cảm-tưởng của các phi hành gia như thế nào lúc họ biết tai nạn đã xảy ra, James Lovell cho biết ông rất bình tĩnh. Họ vẫn còn liên lạc được với Trái đất và điều đó là một khích lệ vô giá. « Chúng tôi thấy rõ cần phải đối phó với một vấn đề chính yếu: điện và dưỡng-khí và do đó chúng tôi đã tiết kiệm hai thứ này tới mức tối đa. » Một phần thời gian đã được dành để... cầu nguyện. Lovell cho biết không gì làm ông sợ hãi hơn là cái ám ảnh phi thuyền sẽ bị trôi dạt mãi mãi trong không gian. « Chúng tôi muốn trở về — muốn trở lại bầu khí quyển thân yêu của trái đất, dù sống hay chết ».

Tuy vậy, bộ ba phi-hành-gia này sẵn

sàng điều khiển Apollo 14 trở lại thăm viếng chị Hằng. Họ sẵn sàng sống lại những giờ phút hãi hùng đã qua.

Tim nguyên-tử

Quả tim nhỏ bé của chúng ta có một nhiệm vụ hết sức là giản dị: nó chỉ phải bơm và hút máu mỗi giây đồng hồ. Nhưng chừng như cái công việc đều đặn ấy càng ngày càng 1 m cho nó trở nên chán nản; nhiều quả tim lười biếng bắt đầu làm việc một cách mệt mỏi hoặc tệ hơn nữa là nghỉ hẳn không thèm làm việc.

Cũng như là chủ của nó, một quả tim dễ trở nên lười nhác hơn khi nó đã có tuổi. Thông thường các bệnh về tim thường phát khởi ở phân nửa còn lại của cuộc đời. Khoảng thời gian này do đó mà kém hẳn tươi sáng.

Để nhắc nhở mấy trái tim lười biếng chịu khó làm việc thêm chút nữa, người ta đã chế hẳn ra một cái máy kích-thích tâm-kỳ mà thân chủ có bốn phận phải cưu mang như một lá bùa hộ mạng.

Những cái máy kích thích này đầu tiên được chạy bằng điện-tử. Nó có một điều bất lợi là ngưng hoạt động sau khoảng 18 đến 30 tháng vì hết... « pin », lúc đó thân chủ lại phải chịu giải phẫu để thay « pin » mới vào. Hơn nữa, lắm khi nó ngưng hoạt động một cách thình lình, không báo trước để thân chủ có đủ thời gian chạy vào nhà thương.

Để kích thích nhịp đập của quả tim, loại máy này phát ra một luồng điện kích thích đều đặn, giữ cho tim sẵn sàng để co bóp lại. Về phương diện này, một loại máy mới tỏ ra tinh tế hơn: nó chỉ phát ra dòng điện kích

thích khi được đòi hỏi, nghĩa là khi nhịp đập của tim yếu không đủ sức bơm máu đi khắp cơ thể. Nếu tim đủ sức hoạt động một mình, máy sẽ tự động ngưng phát ra dòng điện. Loại máy mới này do bác sĩ Paul Laurens của bệnh viện Broussais ở Ba-lê phát minh ra. Trong tháng vừa qua, ông và bác sĩ Armand H. Pivnica đã ghép phát minh của họ vào một nữ bệnh nhân 58 tuổi và kết quả tỏ ra rất tốt đẹp.

Máy kích thích tim của bác sĩ Laurens chỉ dài bằng một móng tay, chiều ngang bằng một chiếc thuốc và được chạy với nguyên liệu là một khối plutonium 238 5/1.000 ounce. Nhiệt-năng do các tia phóng xạ từ khối plutonium 238 phát ra sẽ được biến thành điện-năng dư dùng trong một thời gian là 10 năm. Plutonium được bao bọc bên ngoài bởi lớp vỏ Platinum và tantalum khiến cho hơn 90% tia phóng xạ phát ra đều được hấp thụ trở lại. Người ta tính trong vòng một năm mức phóng xạ do máy nhiệm vào cơ thể chỉ bằng mức phóng xạ bị nhiễm do một lần chụp quang tuyến X mà thôi. Lớp vỏ Platinum và Tantalum còn có thể chịu một nhiệt độ cao tới 3 000°C và không bị nước hoặc acide ăn mòn.

Sự thành công của Laurens và Pivnica khiến cho các cuộc ghép tim có thể trở nên không cần thiết nữa và trong tương lai có thể mở đầu cho việc chế tạo một quả tim hoàn toàn nhân tạo, bền bỉ và bảo đảm hơn trái tim nguyên thủy rất nhiều.

No 105

Các nhà bác học thuộc viện đại học Berkeley, Hoa kỳ vừa ghi thêm vào bảng phân loại của Mendelieff hóa chất thứ

105 : chất Hahnium (theo tên của nhà vật lý học Đức Otto Hahn người phát minh ra thuyết phân hạch).

Bác sĩ Albert Ghiorso, người cầm đầu phái đoàn nghiên cứu đã dùng máy gia tốc lớn nhất thế giới (HILAC : Heavy ion linear accellerator) của Phòng thí nghiệm phóng xạ Lawrence thuộc viện đại học California để bắn các nhân Nitrogen vào chất Californium, một hóa chất nhân tạo có trọng lượng nguyên tử là 98. Trung bình sáu lần trong một giờ đồng hồ, một nhân Nitrogen sẽ kết hợp với một nguyên tử Californium 98 để tạo nên một nguyên tử chất Hahnium 105.

Hahnium có một bán-sinh (Half-life : Khoảng thời gian mà một chất phóng xạ mất đi phân nửa cường lực phóng xạ của nó) là 1,6 giây đồng hồ. Mặc dầu khoảng thời gian này quá ngắn ngủi, làm cho các cuộc khảo cứu về bản chất của nó gặp phải nhiều khả năng, nó cũng đã tồn tại 1 000 lần lâu hơn khoảng thời gian mà các nhà bác học đã tiên đoán.

Ghiorso tin tưởng một cách lạc quan là ông có thể tổng hợp thêm nhiều chất mới nữa theo phương pháp này. Một trong những chất mong đợi là chất thứ 114, một khi những chất này được, cấu tạo, chúng sẽ cung cấp cho chúng ta những nguồn năng lực vô tận.

Bí mật của đời sống

Chương trình thám hiểm không gian có vẻ như một trò đùa dai để thỏa tính tò mò và háo thắng ngông nghênh của loài người, lần lần chính nó lại giúp con người giải đáp những câu hỏi căn bản nhất. Những mảnh đất của Nguyệt cầu cho biết lai lịch của Thái dương hệ, liên quan đến sự hiện hữu của Địa cầu

chúng ta trong vũ trụ — và trong một tương lai gần đây, vào khoảng năm 1972 những hình ảnh đầu tiên về bầu khí quyển hành tinh Jupiter do các phi thuyền không người lái truyền về sẽ giúp con người tìm ra được câu trả lời cho nguồn gốc của chính mình.

Bầu khí quyển hành tinh Jupiter có một thành phần cấu tạo giống như của bầu khí quyển Địa cầu hàng tỉ năm về trước, lúc chưa có đời sống tại nơi này; gồm có khí ammonia; methane và một vài loại hơi khác có tỉ lệ thấp hơn. Các nhà bác học đã chứng minh được rằng dưới ảnh hưởng của những hiện tượng thiên nhiên như tác dụng của tia tử ngoại mặt trời, sét, hay những nguồn nhiệt lượng từ các núi lửa phun lên, đã biến đổi các phân tử chất Ammonia thành những nguyên tử Amino acid là chất hữu cơ căn bản tạo nên sinh vật. Một cặp vợ chồng bác học trẻ tuổi gốc người Do thái, ông Akiba Bar-Nun và bà Nurit đã đóng góp thêm vào các nguyên nhân tạo nên đời sống, vai trò của những chấn động mà họ chứng minh bằng một thí nghiệm rất giản dị.

Theo Nurit và Bar-Nun, các luồng sóng chấn động do sét sét hay các vẩn thạch khi lao vào bầu khí quyển trái đất gây ra có thể khơi nguồn cho phản ứng biến các phân tử Ammonia thành các nguyên tử Acid hữu cơ Amino acid. Trong thí nghiệm của họ, Bar-Nun dùng một bầu thủy tinh có chứa hỗn hợp khí Ammonia, methane, ethane và hơi nước, ngăn cách với một bình chứa khí trơ Hélium bằng một màng nhựa. Áp suất khí trơ được tăng lên thật cao, tới mức tự nó làm vỡ màng ngăn để đưa sang bầu chứa hỗn hợp khí. Luồng chấn động do bầu khí trơ Hélium tạo nên đã làm nhiệt độ trong bầu hỗn hợp khí tăng lên tới vài ngàn độ trong một thời gian rất ngắn. Người ta nhận thấy 36 0/0 khí Ammonia trong bầu đã biến nên các nguyên tử A. acid sau cơn chấn động này.

Thí nghiệm này giản dị và hoàn hảo đến nỗi nó được đề nghị áp dụng vào công cuộc chế biến thức ăn có chứa protein nhân tạo cho loài người trong tương lai.

TỬ-DIỆP

TRUNG TÂM NHÂN XÃ GIỚI THIỆU :

— Khóa học đặc biệt mà các bạn yêu nghệ thuật mong đợi :

THƠ và SÁO

do NGUYỄN-ĐÌNH-NGHĨA và PHỒ-ĐỨC hướng dẫn

— Qua hai giờ đầu chắc chắn, quý bạn sẽ hài lòng vì đã hiểu rõ ràng về kỹ thuật xử dụng SÁO và c. ý-niệm tổng quát về THƠ. Sau đó tự tạo cho mình một hướng đi riêng rất cần cho sự nhận thức và sáng-tạo nghệ-thuật.

— Hãy ghi tên tại số 2 Nguyễn văn Thinh, Sài Gòn.

Ngày nhập khóa : 2 tháng 5 năm 1970.

Sách TRINH BẦY mới phát hành :

NUÔI THÙ *Truyện của OE KENZABURO —*

Bản Việt-văn : Diễm-Châu.

- Cuốn tiểu thuyết kỳ lạ nhất của một văn tài đang mỗi lúc một trở nên rực rỡ trong nền văn chương hiện đại của xứ «Mặt trời lặn».
- Cuốn sách trình bày cho chúng ta thấy thái độ minh bạch của tác giả trước những vấn đề như chiến tranh, bộ đội chiếm đóng và quyền sống của con người.

LE CRÉPUSCULE DE LA VIOLENCE

Poèmes, nouvelles, témoignages d'une guerre — Bản Pháp-văn : Nguyễn-ngọc-Lan và Lê-Hào.

- **CHIỀU TÀN BẠO LỰC**, ấn phẩm đầu tiên trong «Tủ sách Ngoại văn» của Nhà Trình-Bầy, xuất bản năm 1966, vừa mới được in lại, gồm thơ, truyện, chứng từ về chiến tranh tại miền Nam Việt-nam của DIỄM CHÂU, DU TỬ LE, ĐẶNG THẦN MIỄN, LÊ TẤT HỮU, NGUYỄN QUỐC THÁI, TẠ QUANG TRUNG, THAI LÃNG, THẢO TRƯỜNG, THẾ NGUYỄN, THẾ PHONG.

ĐÂU LÀ CĂN NGUYÊN TƯ TƯỞNG

*hay Con đường Triết lý từ Kant đến Heidegger
của LÊ-TÔN-NGHIÊM*

- Cuốn sách trình bày một cách tỉ mỉ và theo một phương pháp chính xác nguồn mạch tư tưởng của một triết gia thời danh nhất của thế kỷ 20, nhưng cũng lại là một triết gia khó đọc nhất từ trước tới nay.

MỘT VÒNG HOA CHO NGƯỜI

CÁCH MẠNG

*Truyện của PETER ABRAHAMS — Bản Việt-văn của
Nhóm Nghiên cứu Văn học Quốc tế.*

- Cuốn tiểu thuyết cách mạng đầy phần nộ của một tác giả Phi châu Da đen nổi tiếng hiện đại.
- Tác phẩm được xây dựng trong khung cảnh quay cuồng, hứng khởi của những cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc Châu Phi, những vấn đề của các quốc gia nhỏ bé sau khi thu hồi được độc lập trước những mưu toan và móng vuốt mới của các đế quốc kinh tế.

Nhà Xuất-bản TRINH BẦY
291, Đại lộ Lý-Thái-Tổ Saigon

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

— EM BÉ PHÙ TANG

Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch

-- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)

Nhất Hạnh

— Áo EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)

Võ Hồng

— NẾO VỀ CỦA Ý (tái bản)

Nhất Hạnh

— HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÁN CỦA
TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (Lê-Tôn-Nghiêm)

— PHONG TRÀO DUY TÂN

Nguyễn văn Xuân

— XÚ TRẦM HƯƠNG Quách Tấn

— LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ) Kiên Giang

— HẢI ĐẢO THẦN TIÊN Đặng-Trần-Huân

— CÂM CA VIỆT NAM Toan-Ánh

✱ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**

— GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

Vương Pên Liêm

— PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG Vương Pên Liêm

**Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Cuộc đời và chủ nghĩa Lênine

(Tiếp theo trang 7)

thanh toán ngay chiến tranh với Đức để rảnh tay hình động ở bên trong. Ngày 5-12-1917 thỏa ước đình chiến được ký kết tại Brest Litovsk.

Từ tháng 2-1918 tới mùa xuân 1921 là giai đoạn «Cộng sản thời chiến». Ngoài những khó khăn kể trên, bắt đầu từ năm 1918, Lênine còn phải đương đầu với các khó khăn khác là nạn ngoại xâm. Nhật tấn công Sibérie, liên quân Anh-Pháp đổ bộ tại Arkhangelsk và Mourmansk. Những tướng lãnh cự trào nổi lên khắp nơi đề mong cướp lại chính quyền: Kornilov, Alexeiev, Denikine ở Bắc Caucase, Krasnov, Mamontov ở vùng sông Don, Koltchak ở Oms (Sibérie) v.v... Trong giai đoạn «Cộng sản thời chiến» Lênine dùng bạo lực để tả đũa bạo lực.

Bắt đầu từ mùa xuân 1921 một giai đoạn mới bắt đầu, đó là giai đoạn «Tân chính-sách kinh tế». Trong giai đoạn «Cộng-sản thời-chiến» vì luật lệ quá khắc nghiệt, sản xuất trong nước đã bị suy giảm nhiều, sức chống đối của nông dân càng ngày càng mạnh. Bắt đầu từ năm 1921, với tình hình kinh-tế ổn định, Lênine quyết định giải tỏa những áp lực của chính quyền để bảo đảm sự cộng tác của thợ thuyền trong kỹ nghệ và nông dân trong ngành canh nông. Giai đoạn «Tân chính sách kinh-tế» chỉ là một chiến lược để củng cố chính quyền cộng sản. Lênine, vì quá mệt mỏi, đã từ trần vào tháng 1-1924 trong khi giai đoạn Tân chính-sách kinh-tế còn đang tiếp tục.

Với Lênine chủ-nghĩa Mac-xít đã được áp dụng, đã từ lý thuyết tiến tới thực hành. Nhưng tầm quan trọng lịch sử của

Lênine không phải chỉ ở chỗ đưa các người Mac-xít tới chính quyền mà thôi. Trong lãnh-vực lý-thuyết Mac-xít, ông cũng đóng một vai trò quan trọng không kém vì nhờ có ông mà tư tưởng của Marx đã được giải thích, được khai triển phù hợp với những đòi hỏi của đời sống chính-trị thực-tại.

II Chủ nghĩa Lênine

Sau năm 1870, tức là sau khi cuộc nổi dậy của Công-xã Paris bị thất bại, nhiều hiện tượng lịch-sử phủ nhận tư tưởng của Marx về tranh đấu giai cấp và cách mạng vô-sản. Thật vậy, chủ-nghĩa tư-bản tại Âu-châu càng ngày càng phát triển thì số phận của thợ thuyền càng ngày càng được cải thiện, tranh đấu giai cấp càng ngày càng hết tính cách cần thiết lịch sử. Ngay trong những người Mac-xít, người đã chủ trương «xét lại» tư tưởng của Marx. Bernstein cho rằng sự cộng tác giữa chủ và thợ đã ngăn chặn hiện tượng vô-sản-hóa thợ thuyền. Kautsky cũng chủ trương bỏ cách-mạng vô-sản để đi theo một chính sách tranh đấu nhằm cải-tiến xã-hội. Cải-cách xã-hội thay vì là lật đổ xã-hội, đó là đường lối của một số lớn các người Mac-Xít vào cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20.

Trước những tư tưởng «xét lại» này, Lênine đã phản ứng mạnh mẽ. Ông tranh đấu để trở về thuyết Mac-xít chính thống. Đối với ông, lý thuyết phải luôn luôn đi đôi với thực-hành, vì vậy mà suốt đời, ông lý-thuyết, ý-thức-hệ lúc nào cũng được coi như nguồn ánh sáng để hướng dẫn hành động.

Nếu trước đây Marx chỉ nhìn ý-thức-hệ qua con mắt khinh miệt, vì khi còn sống Marx nói tới ý-thức-hệ chỉ là để chỉ trích như trong cuốn «ý thức hệ Đức», thì Lénine lại coi ý thức hệ như một dụng cụ hoạt động. Vì ý thức hệ được Lénine đề cao như vậy nên vấn đề huấn luyện lý thuyết trong các đảng Cộng sản trên thế giới được chú trọng đặc biệt. Các lãnh tụ Cộng sản thế giới: Staline, Krouchtchev, Souslov, Mao Trạch Đông v...v... đều tự coi mình là những lý-thuyết gia của chủ-nghĩa Mác-xít.

Khi vai trò của lý thuyết được xác nhận rõ rệt, Lénine đã cố gắng đưa ra những lý thuyết để áp dụng tư tưởng của Marx. Chủ nghĩa Lénine là sự nối dài của chủ nghĩa Marx-Lénine đã khai triển, đã giải thích Marx một cách vô cùng tự do, nhưng đồng thời ông không bao giờ đi xa đường lối của Marx. Ông nói: «Marx chỉ đặt nền móng cho khoa học về các xã hội, những môn đệ của Marx phải dựa vào thời thế mà nối dài những dữ kiện của Marx theo mọi chiều hướng».

Trước hết, Lénine minh định quan niệm về nhà nước xã nghĩa. Theo Marx cũng như Lénine, Nhà nước chỉ là một tổ chức chế tài, một dụng cụ để giai cấp thống trị đàn áp những giai cấp khác. Sau khi cách mạng vô sản thành công, sau khi giai cấp vô sản cướp chính quyền, xã hội bước vào giai-đoạn xã-nghĩa. Trong giai đoạn xã-nghĩa Lénine chủ trương thiết lập một Nhà nước độc tài vô sản để bẻ gãy mọi sự chống đối của các giai cấp cũ. Khi nhân loại bước vào giai đoạn cộng sản thì nhà nước đương nhiên bị loại bỏ vì trong một xã-hội cộng sản người ta không còn giai cấp nữa. Nhà nước sẽ

không còn lý do gì mà tồn tại được.

Theo Lénine thì người ta không thể nói rõ rằng Nhà nước phải hiện diện trong bao lâu, độc tài vô sản kéo dài bao nhiêu năm, người ta không có đủ yếu tố để trả lời câu hỏi này. Nhưng dù sao thì cũng ngay từ bây giờ người ta phải tổ chức Nhà nước để nó có thể bắt đầu suy yếu vô-thời hạn, ngay từ khi được thiết lập.

Trên thực tế, Nhà nước Nga-sô, tuy khác với Nhà-nước của các nước tư bản, đã càng ngày càng được củng cố để đối phó với những khó khăn mà chính thể cộng sản Nga vấp phải. Ngay khi còn sống, Lénine đã không thể ngăn cản được khuynh hướng này. Vì vậy mà Lénine đã bị đả kích tại phe tả cũng như tại phe hữu. Kautsky cho rằng Nhà nước độc tài của Lénine là phản dân chủ, phản chủ nghĩa xã hội. Trong khi phe khuynh tả của Trotsky cho rằng tăng cường Nhà nước Nga xô thay vì là làm suy yếu nó, Lénine đã đi ngược lại đường lối Mác-xít.

Sau vấn đề nhà nước, Lénine đã đưa ra vấn đề đường lối của cách mạng xã nghĩa. Trước kia Lénine tin rằng nếu Nga hoàn thành được cách mạng thì cuộc cách mạng này phải như một hiện tượng dây chuyền lan rộng ra trên khắp các quốc gia tiên tiến Âu Châu. Đức quốc phải là mẫu chốt đầu tiên. Vì vậy mà Lénine đã thành lập đệ tam quốc tế Cộng sản. Nhưng trước khi chết ông đã phải công nhận rằng tại các quốc gia Tây phương với những điều kiện khác biệt, cách mạng vô sản có thể có những hình thái và đường lối khác với cuộc Cách-mạng Nga 1917. Sở dĩ Lénine phải bác bỏ chủ trương «Cách-mạng thường

trực» là vì tại các quốc-gia Âu-châu phe Mác-xít không thắng lợi được như ông mong muốn. Anh và Pháp vừa chiến thắng, thì tại đây, tư bản chủ nghĩa lại nhờ chiến thắng mà mạnh hơn bao giờ hết. Ngay tại Đức là nơi mà Lénine đặt nhiều hy vọng nhất mà phe vô-sản cách-mạng cũng bị thất bại. Phong-trào Spartakistes đã bị phe quân phiệt Đức cấu kết với phe Xã-hội dân-chủ thắng tay đàn áp những mưu toan nổi dậy. Rosa Luxembourg cũng bị loại khỏi chính trường Đức quốc. Vì vậy mà từ khái-niệm « Cách mạng thường trực » Lénine đã dần dần chuyển sang khái niệm « Cách mạng liên tục ». Cách mạng liên tục có nghĩa là Lénine bỏ mộng thực hiện Cách mạng trên thế giới để « xây dựng chủ nghĩa xã-hội cho riêng một quốc-gia », cho riêng Nga-sô.

Để chuẩn bị cách-mạng vô-sản tại các quốc-gia thuộc địa của Âu-châu, Lénine còn chủ trương « sống chung hòa bình ». Như vậy có nghĩa là tại các quốc-gia Âu-châu còn bị Âu-châu thống trị, các lực lượng vô sản phải cộng tác với các giai cấp tư sản để tranh đấu độc lập chính trị trước. Khi nào độc lập rồi, giai cấp vô sản mới được tìm cách thực hiện cách mạng vô sản.

Sau khi Lénine qua đời, các người kế nghiệp ông đã dùng thuyết của ông để yểm trợ cho chính sách của họ. Mỗi người đều giải thích Lénine theo kiểu của mình. Staline đã nhân danh Lénine củng cố guồng máy Nhà nước và bắt các nước cộng sản chư hầu phải thần phục Mác-tư-khoa. Trong khi các nước Cộng sản « anh em » lại dựa vào Lénine để đòi độc lập đối với Nga.

Krouchtchev cũng nhân danh Lénine

đưa ra một chính sách « sống chung hòa bình » với phe tư bản để tránh một cuộc đụng độ võ trang có thể tiêu diệt cả nhân loại. Trong khi Mao-trạch Đông cũng nhân danh Lénine chủ trương mọi hình thức đấu tranh, kể cả chiến tranh, để chống lại phe tư bản.

oOo

Cách đây 100 năm khi Lénine ra đời thế giới không thể ngờ rằng sau này ông có thể xáo trộn được đời sống chính trị thế giới đến mức chia hoàn cầu thành hai khối thù nghịch, một khối Tư bản và một khối Cộng-sản. Lénine đã được phán xét tùy theo từng người. Nếu phe Tư bản luôn luôn coi Lénine là nguồn gốc của tất cả những sự khó khăn họ vấp phải, là một đe dọa cho tương lai của họ, thì phe Cộng sản lại tôn sùng ông như một vị cứu tinh của vô sản thế giới. Đe dọa thế giới hay ngược lại cứu tinh của thế giới tuy là hai ý kiến của hai phe phái chống đối, nhưng cả hai phe đều phải đồng ý là trong lịch sử thế giới Lénine có một vai trò quan trọng hơn cả Karl Marx. Thật vậy, nhờ có ông mà tư tưởng của Karl Marx mới được áp dụng, mới tìm được đất đứng. Đối với giai cấp tư sản, Lénine nguy hại hơn Karl Marx vì Marx chỉ đe dọa họ bằng lý thuyết trong khi Lénine đã đe dọa họ bằng hành động. Đối với giai cấp vô-sản Lénine cũng đóng một vai trò tích cực hơn Marx trong công cuộc giải phóng họ, vì nhờ có ông mà vô sản cướp được chính quyền tại nhiều nước trên thế giới.

Nhưng 100 năm sau khi Lénine ra đời hay 46 năm sau khi ông qua đời, lý thuyết của ông đã hơn bao giờ trở nên

một đối tượng của nhiều cuộc tranh chấp sôi nổi giữa các dân tộc trên thế giới. Ngoài những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa hai phe quốc gia và cộng sản thuyết Lénine còn là nguồn gốc của những sự chống đối giữa những người cộng sản với nhau mà cuộc tranh chấp

Nga-Hoa là một bằng chứng cụ thể nhất, có lẽ trong lịch sử thế giới chưa có nguồn tư tưởng nào có thể gây ra được nhiều mầm bất hòa cho nhân loại bằng tư tưởng của Lénine.

TỬ TRỊ

Tin ... «**THƠ ĐIÊN**» (...**THỨ THIẾT**)

Người thầy cò đang dò lại lần thứ ba đoạn này nằm trong hình ... tam giác: "do các bác sĩ tại dưỡng trí viện Biên-hòa thực hiện với thơ và họa của các bệnh nhân (...). Xong: Cuối mùa nắng gặt năm chó 70 (...). Có in thêm độ 50 bản đặc biệt trên giấy láng màu hường dành cho những người mà... «Thơ điên» (... thứ thiết) đã, đang và sẽ chịu ơn; lại còn in thêm khoảng 3 bản khác thường trên giấy cô-ki (croquis) hạng trên, đánh dấu:

I. — Ysichu choivớingườiđiên. II. — Tusidámchoivớibạnkhùng.

III. — Tusidáchthêmchoivớđờitinh. ☆ Thái - bình - điên - quốc
xin tạm giữ bản quyền ● Ki - Gob - Jó - Cì ... xuất bản »

Nhứt định, giá 200đ

(nhưng sự thật nó vốn là **VÔ GIÁ**)

Tìm đọc trong vòng tháng 5

NGUỒN

TẠP CHÍ PHÁT HUY VĂN HÓA DÂN TỘC

● Với sự hợp mặt của:

Nguyễn văn Xuân — Đynh trăm Ca — Lương thái Sỹ — Trần dza Lữ — Miên Thảo — Lê đình Phạm Phú — Trường Thi — Phạm phú Hưu — Lê nguyên Hà — Nguyễn tam Phù Sa — Nguyễn kim Phượng v.v..

Thư từ bài vở để tên: Đynh trăm Ca

Hộp thư lưu trữ — Ty bưu điện Vĩnh Điện — Quảng-Nam.

Nghĩ về phong trào sinh viên

Qua cuộc phỏng vấn của Tạp chí Bách-Khoa

(Tiếp theo trang 7)

trong thâm tâm người thanh niên vẫn khát vọng những gì là cao cả để phục vụ. Do đó không nên trách họ trốn tránh trách nhiệm nếu hiểu được rằng họ chưa hy sinh là chỉ vì chưa tìm được lý do để hy sinh chứ bản chất của thanh niên không phải là hèn nhát. Chẳng hạn một thanh niên trốn lính có thể rất hăng hái tình nguyện gia nhập đạo quân sang Miền để bảo vệ đồng bào chống bọn sát nhân tàn bạo. Do đó vấn đề là làm thế nào hướng dẫn lớp người trẻ tuổi cho họ tìm thấy được lý tưởng để họ có thể sống chết cho lý tưởng đó.

Riêng về trường hợp sinh viên, có đặc điểm là tập thể sinh viên không giống với các tập thể khác ở chỗ môi trường sinh viên hết sức linh động, một môi trường *tạm thời* tức là luôn luôn được thay đổi. Lớp thanh niên này thất bại trong một cuộc tranh đấu trở nên chán nản sẽ qua đi, lớp khác thế vào lại có nguyên vẹn những hăng say mới, ôm ấp những hoài bão mới, do đó đoàn thể sinh viên lại có sức sống mới. Tập thể sinh viên linh động khác hẳn với các tập thể có tính cách nghề nghiệp; người gia nhập một tập thể nghề nghiệp sẽ đứng trong hàng ngũ đó hàng mấy chục năm liền trong khi sinh viên chỉ đứng trong hàng ngũ của mình khoảng mấy năm thôi. Lớp này kế tiếp lớp kia nên phong trào sinh viên luôn luôn được tiếp sức: Có lúc tưởng chừng phong trào tan rã thì có thể cũng là lúc nó bùng lên mãnh liệt...

Mặt khác chính vì môi trường của sinh viên linh động, và tạm thời nên phong trào sinh viên khó đi đến việc đoàn-ngũ-hóa chặt chẽ được! Lớp sinh viên này thay thế lớp kia và lớp cán bộ lãnh đạo và cán bộ tổ chức này nhường chỗ cho một lớp cán bộ khác... Về phương diện nào đó, sự đoàn-ngũ-hóa chặt chẽ tạo một sức mạnh của tập thể nhưng lại có nhược điểm là đoàn-viên dễ thụ động và đoàn thể thường bị chi phối bởi đường lối chính trị của một tổ chức lớn hơn, bao trùm đoàn-thể đó, như các nghiệp-đoàn bị chi phối bởi đường lối của Tổng-liên-đoàn, của tổ chức chính trị mà đoàn thể đó là một thành phần. Do đó phản ứng của những tập-thể được đoàn-ngũ-hóa chặt chẽ bao giờ cũng chậm chạp, hay không được phép nổi ra, trong khi tập-thể sinh viên, chính vì tổ chức lỏng lẻo — đôi khi đến gần như vô tổ chức — lại có những phản-ứng bén nhạy, mau lẹ, của một tập hợp quần chúng, phản ứng làm bùng nổ những phong trào tranh đấu không lường trước được. Phong trào tranh đấu của sinh viên Pháp hồi tháng 5 năm 1968, ngay từ đầu, đã vượt khỏi sự kiểm soát của Tổng-hội sinh viên và Ban chấp hành bị tê liệt trong khi các lãnh tụ phát động những đợt tranh đấu lại là các sinh viên ở ngoài Ban chấp hành của Tổng-hội. Cho nên có thuyết cho rằng các phong trào sinh viên thuần túy và cách mạng triệt để bộc phát vì họ không nhận một mệnh lệnh, chỉ thị nào của ai cả.

— Những mục-tiêu tranh đấu của sinh viên từ ngày đầu đến nay đã chuyển hướng từ địa hạt này sang địa hạt khác. Người ta cho là tập thể sinh viên đã bị lợi dụng. Xin anh cho biết ý kiến.

— Tôi đã trình bày là sinh viên tranh đấu chỉ là phản ứng trước một sự việc, một biến cố, hay một tình thế bất thường xảy ra nên vì vậy mục tiêu tranh đấu cũng bất thường và do đó người ta thường trách mục tiêu nay thay mai đổi. Sự thực thì tuy mục tiêu có đổi thay từng lúc thật nhưng ý hướng căn bản của người sinh viên không bao giờ thay đổi. Người sinh viên phản ứng trước những sự việc như bắt giam trái phép, đàn áp, tra tấn, độc tài v.v... đều do một động cơ là lòng phẫn nộ trước một cái gì anh ta cho là bất công, là vô nhân đạo, trước sự đe dọa quyền sống của con người với ý hướng bảo vệ con người. Cho nên mục tiêu tranh đấu của sinh viên có thể chuyển từ vấn đề Đại-học sang vấn đề chống Chính phủ Lon Nol rồi đòi Hòa-bình v.v... nhưng ý hướng căn bản, động cơ thúc đẩy người sinh viên có những phản ứng vẫn là một : ý hướng bảo vệ con người và lòng phẫn nộ trước những bất công, tàn bạo vô nhân đạo...

Cũng vì những mục tiêu tranh đấu không nhất định, cũng vì tổ chức sinh viên lỏng lẻo, nên khi tập thể sinh viên kết hợp thành một lực lượng thì lực lượng này khó tránh được sự lợi dụng của các đảng phái hay đoàn thể chính trị khác. Ở bên Pháp, hồi phong trào sinh viên nổi bùng nổ (tháng 5/68) các đảng phái chính trị đều dè dặt, nhưng sau thấy lực lượng sinh viên mỗi ngày một lớn mạnh thì họ đều nhảy cả vào — đảng Cộng-sản cũng có thái độ như vậy — nếu không mau chân thì mất hết quần chúng ! Cho nên phong trào sinh viên bị lợi dụng là một điều khó tránh được.

Sự phản ứng của sinh viên chỉ do một động cơ duy nhất — như trên đã nói — (phẫn nộ trước những cái họ cho là bất công, là vô nhân đạo) và sự phản ứng này được bày tỏ dưới nhiều hình thức nên nảy sinh nhiều mục tiêu tranh đấu và ai lợi dụng cũng được, nên bản chất (essence) của phản ứng đó là luân lý chứ không phải chính trị. Phương tiện và tác dụng có tính chất chính trị, nhưng động cơ thúc đẩy người sinh viên phản kháng, tranh đấu, có tính cách tình cảm và luân lý. Người sinh viên tranh đấu trên lập trường luân lý và phản ứng của họ là phản ứng có tính cách luân lý nên không đặt nặng những suy tính, chuẩn bị kế hoạch, nhưng phản ứng đó có tác dụng chính trị, ảnh hưởng chính trị nên người ta vẫn lợi dụng nó được. Vì phản ứng có tính cách luân lý nên sức mạnh của nó vô biên, nhưng cũng vì phản ứng không phải là một hành động chính trị có chuẩn bị, tính toán, tổ chức, nên có nhược điểm là khó ngăn cản được các sự lợi dụng của những lực lượng ngoài sinh viên.

Tôi muốn lưu ý ở đây thái độ của những người lớn thường bày tỏ niềm lo ngại về phong trào sinh viên bị lợi dụng. Thường thường mới đầu

khi thấy phong trào bùng nổ thì họ dè dặt, lúc thấy mục tiêu tranh đấu chính đáng họ muốn công nhận nhưng lại tỏ ý lo ngại sinh viên sẽ bị lợi dụng và ngồi yên như thể mong chờ sự lợi dụng xảy ra rồi khi thấy mục tiêu chuyển từ địa hạt này sang địa hạt khác, họ lại hoảng đẽ chứng minh sự lo ngại và thái độ đứng ngoài, không tham dự của mình trước đó là đúng. Thực ra thái độ trên là một nguy tín vì đáng lẽ lúc thấy những mục tiêu tranh đấu của sinh viên là đúng, họ phải tích cực đóng góp phần của họ, đề ủng hộ cho phong trào sinh viên sớm đạt được các mục-tiêu đó và khỏi bị lợi dụng, thì họ chỉ biết bày tỏ sự e ngại phong trào bị lợi dụng. Do đó nếu sinh viên bị lợi dụng, thì trách nhiệm không phải chỉ ở sinh viên, mà còn ở những người lớn trong sạch đó đã không làm gì để ngăn chặn sự lợi dụng.

— Về những mục tiêu tranh đấu của sinh viên anh còn ý kiến gì nữa không ?

— Về những mục tiêu tranh đấu, chúng ta còn có thể nhận xét thêm rằng :

Tại các nước Âu Mỹ trong cái khung cảnh dân chủ thì người sinh viên, khởi sự tranh đấu đã có thể nói thẳng từ mục tiêu đầu đến những mục tiêu cuối cùng của họ. Như tại Pháp, trong phong trào tháng 5-68 của sinh viên, khi đặt vấn đề chế-độ Đại-học để tranh đấu họ chỉ trích thẳng cơ quan chịu trách nhiệm là chính quyền và hơn nữa muốn lật đổ chế-độ xã hội đã đẻ ra chính quyền đó, cuối cùng phê phán cái nền văn-minh Âu-châu... Do đó khi phản kháng là họ nói thẳng mục tiêu cuối cùng là lên án chế độ xã hội «tiêu thụ», nền văn minh trưởng giả Âu Châu chứ không phải chỉ kết án riêng chế-độ Đại-học Pháp.

Tóm lại, trong những nước sẵn có truyền thống dân chủ thì người sinh viên không ngần ngại e dè mà bày tỏ ngay những đòi hỏi cách mạng tối hậu. Nhưng tại Việt Nam, một nước đang có chiến tranh, tự do bị hạn chế, người sinh viên không thể lúc nào cũng nói thẳng những ước muốn cách mạng ở thâm tâm mình. Khởi đầu mục tiêu tranh đấu bao giờ cũng rất khiêm tốn, những mục-tiêu hạn hẹp trong khuôn khổ Đại-học, trong khuôn khổ luật pháp đương thời, hiến pháp hiện có, mà ai cũng chấp nhận được :

Bắt giữ sinh viên thì yêu cầu đưa ra tòa xử cho công bằng, tước văn sinh viên thì yêu cầu không được tra tấn.v.v.. Nhưng khi lực lượng sinh viên dần dần lớn mạnh, trong quá trình tranh đấu, họ không ngần ngại nói rõ thêm những mục tiêu mà do sự phân tích chính trị họ đã nhận thấy, rồi có thể họ nói huých toẹt cả các mục tiêu sau cùng mà họ mong đạt tới nữa. Những mục tiêu này không phải họ thay đổi theo thời gian tranh đấu mà có thể là họ đã có sẵn trong thâm tâm ngay từ lúc khởi đầu tranh đấu rồi.

Nếu chính quyền sáng suốt và khôn khéo thì ngay từ những đòi hỏi lúc đầu của tập thể sinh viên, chính quyền nên tìm mọi cách mà thỏa mãn ngay cho họ, trước khi họ đi sâu vào các bất mãn chồng chất để lên án chế độ. Thí dụ việc tra tấn sinh viên là việc mà sau cùng chính quyền nhìn nhận là có thực, vậy mà các sinh viên bị tra tấn đến lâm bệnh cũng không hề được đại-diện của chính quyền đến thăm nom săn sóc.

Giả-thủ Tổng-thống hay Thủ-tướng, Phó Thủ-tướng mà đích thân đến thăm hỏi các sinh viên này, ra lệnh trừng trị ngay những kẻ tra tấn trái phép, nhận chịu những sai lầm mà các người thừa hành đã vấp phải, thì chắc,

chấn đa số các sinh viên, vì lý do tình cảm, sẽ thỏa mãn ngay, và các mục tiêu tranh đấu khác cũng không có cơ hội mà nêu ra nữa. Đó cũng là một nhược-điểm của phong trào sinh viên vì động cơ thúc đẩy người sinh viên tranh đấu — như tôi đã nói — ngoài tính cách luân lý còn tính cách tình cảm nữa.

Năm 1963, khi phong trào tranh đấu Phật-giáo mới bắt đầu, giá Tổng-thống Ngô-đình-Diệm nhận lỗi, tôi thăm hỏi các nạn nhân và bồi-thường thỏa đáng thì có lẽ chế-độ Ngô-đình-Diệm chưa chắc đã chấm dứt ngay cuối năm ấy, vì thực sự lúc đầu Phật giáo chưa công khai lên án chế-độ mà chỉ nêu lên những đòi hỏi rất dễ thỏa mãn, mặc dầu trong thâm tâm mọi người dân hồi ấy đều đã lên án chế độ rồi.

— Anh nghĩ sao về trách nhiệm của chính quyền và của giới chức Đại-học trong vụ sinh viên bùng nổ hiện nay ?

— Tôi nghĩ rằng chính phủ đã không có một chính sách về sinh viên, và về thanh niên nói chung. Mặt khác, đáng lẽ chính phủ phải phân định một số trách nhiệm giữa chính quyền và giới chức Đại-học về vấn đề sinh viên, và giới chức Đại-học phải nhận lãnh lấy những trách nhiệm đó. Thí dụ các sinh viên sinh hoạt hội họp, hội thảo.v.v., trong khuôn khổ Đại-học thì mọi việc trật tự trong đó đều thuộc thẩm quyền các Viện trưởng Khoa trưởng.. Chính quyền có gì thắc mắc, thấy việc gì lộn xộn, thì hỏi thẳng, hoặc hội ý với các Viện trưởng, Khoa trưởng.

Vì trách nhiệm không phân định rõ ràng nên mới xảy ra trường hợp cảnh sát xông vào trường bắt bớ đàn áp sinh viên, cảnh sát phong tỏa giấy thép gai các Đại-học, Giáo-sư và Khoa trưởng tới cũng không được vào.

Đó là những hành động xâm phạm tự trị Đại học. Nhưng muốn cho chính quyền tôn trọng tự trị Đại-học trước hết giới chức Đại-học phải chịu trách nhiệm lãnh đạo các hoạt động của sinh viên trong khuôn Đại-học.

Nếu giới chức Đại-học thờ ơ lãnh đạm với những sinh hoạt, tranh đấu của sinh viên — không nói đến cho những mục tiêu chính trị mà chỉ nói đến cho những nhu cầu học tập, đời sống, đòi hỏi, liên quan đến quyền lợi của sinh viên (hoãn dịch, huấn luyện quân sự v.v...) — và có một thái độ « công chức », đứng ngoài, tiêu cực (các anh muốn hội họp gì thì họp, miễn là có phép của ĐS-trưởng), tức là tự mình không tôn trọng tự-trị Đại-học.

Chừng nào, thấy mình bất lực, lúc đó mới phải nhờ đến chính quyền sau khi đã cho sinh viên thấy rõ trách nhiệm của họ: Nếu anh chị muốn cho cảnh sát tôn trọng quyền bính Đại học thì chính anh chị phải tôn trọng trước. Kinh nghiệm cho biết, sinh viên thường nghe lời Khoa-trưởng, Viện-trưởng khi họ thấy Khoa-trưởng, Viện trưởng tha thiết sát cánh với họ.

Không nên để bất cứ trường hợp nào sinh viên cũng chỉ phải đối diện với cảnh sát mà thôi. Cảnh sát nước nào cũng chỉ biết « đập », vì đó là vai trò của họ. Nhưng đã rõ những biện pháp tiêu cực không thể giải quyết được vấn đề mà chỉ làm cho nó trầm trọng thêm khi không có những biện pháp tích cực hiệu nghiệm : một chính sách, một lãnh đạo....

(Còn tiếp 1 kỳ)

BÁCH-KHOA phỏng vấn